

DUY-MA-CẬT SỞ THUYẾT KINH

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

GIÁO ÁN TRUNG CAO CẤP PHẬT HỌC

Tập I và II

Pháp Sư Thích Từ Thông dịch giải

--- o0o ---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Chuyển sang ebook 18-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

LỜI TỰA TẬP I

CHƯƠNG THỨ NHẤT : CÔI NƯỚC PHẬT

CHƯƠNG THỨ HAI : PHƯƠNG TIỆN

CHƯƠNG THỨ BA : THANH VĂN

I.- VẤN ĐỀ THIỀN

II.- VẤN ĐỀ THUYẾT PHÁP

III.- VẤN ĐỀ KHẮT THỰC

IV.- LẠI ĐỀ KHẮT THỰC

V.- LẠI VẤN ĐỀ THUYẾT PHÁP

VI.- THUYẾT PHÁP YẾU

VII.- VẤN ĐỀ THIÊN NHÃN

VIII.- GIẢNG LUẬT

IX.- VẤN ĐỀ XUẤT GIA

X.- NHƯ LẠI BỆNH

CHƯƠNG THỨ TƯ : BỒ TÁT

I.- VẤN ĐỀ THỌ KÝ

II.- VẤN ĐỀ ĐẠO TRÀNG

III.- PHÁP VUI VÔ TẬN

IV.- HỘI ĐẠI THÍ

CHƯƠNG THỨ NĂM : VẤN THÙ BỒ TÁT THĂM BỆNH

CHƯƠNG THỨ SÁU : BÁT TƯ NGHÌ

CHƯƠNG THỨ BẢY : QUÁN CHÚNG SANH

CHƯƠNG THỨ TÁM : CON ĐƯỜNG PHẬT

CHƯƠNG THỨ CHÍN : CHÚNG NHẬP PHÁP MÔN KHÔNG HAI

CHƯƠNG THỨ MƯỜI : PHẬT HƯƠNG TÍCH
CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT : VIỆC LÀM CỦA BỒ TÁT
CHƯƠNG THỨ MƯỜI HAI : THẤY VÔ ĐỘNG NHƯ LAI VÀ THẾ GIỚI
DIỆU HỈ
CHƯƠNG THỨ MƯỜI BA : CÚNG DƯỜNG PHÁP
CHƯƠNG THỨ MƯỜI BỐN : CHÚC LŨY

LỜI TỰA TẬP I

Kinh Duy Ma Cật là bộ kinh thuộc hệ tư tưởng Đại thừa Viên đốn, là thứ giáo lý mãn tự. Giáo lý kinh Duy Ma Cật dạy cho mọi người về pháp môn giải thoát bất tư nghi. Hành giả thực hiện được là thành Phật như đức Phật Thích Ca và thập phương chư Phật đã thành. Ai có khả năng đoạn sạch vô minh, trừ hết phiền não thì tức thân thành Phật và cõi nước Phật hiển hiện ngay cõi đời này. Giáo lý kinh Duy Ma Cật dạy rằng: Quả vô thượng Bồ Đề không phải là cái hứa hẹn để cho mọi người mỗi mòn hy vọng ước mơ. Mà mọi người ai cũng có khả năng đạt đến bằng nghị lực và trí tuệ của mình.

Trưởng giả Duy Ma Cật là người bất tư nghi. Ngài thuyết bất tư nghi pháp, trình diễn bất tư nghi cảnh, tập hợp bất tư nghi chúng, khiến mọi người phát bất tư nghi tâm, chung qui tán thán bất tư nghi công đức của Phật. Quả vô thượng Bồ Đề, Phật là mục đích đến, mà Bồ tát Duy Ma Cật vận dụng vô số bất tư nghi sự để hướng dẫn cho mọi người.

Giáo lý Tiểu thừa có đề cập, phước báo Nhơn thiên có nói đến, nhưng nói Nhơn thiên để phủ định phước báo Nhơn thiên. Đề cập Tiểu thừa để khiển trách họ về Niết Bàn sở đắc.

Ba lần hiện Tịnh độ nhằm phổ cáo với đại chúng về thân lực bất tư nghi:

- Với sức thần bất tư nghi của Phật nhãn, đại chúng trông thấy cõi Tịnh độ ở ngay nơi Ta bà uest độ.
- Với sức thần bất tư nghi của tuệ nhãn, đại chúng trông thấy, ngoài Ta bà uest độ, còn có Tịnh- độ của Phật Hương Tích rực rỡ trang nghiêm và xa thẳm.
- Với sức thần bất tư nghi của tuệ nhãn hợp cùng Phật nhãn, đại chúng trông thấy Tịnh độ của đức Vô Động Như Lai sáp nhập với uest độ Ta bà mà không

có tướng rộng hẹp, khiến cho đại chúng bưng tỉnh ngộ: Uế độ và tịnh độ không rời cảnh giới này.

Bộ kinh Duy Ma Cật, từ Tây vực truyền sang Trung quốc, trước sau có sáu nhà dịch:

1.- Đòi Hậu Hán (25-220 TL) Ngài Nghiêm Phật Điều dịch, nhan đề: Cổ Duy Ma Kinh.

2.- Đòi nhà Ngô (221-280) cư sĩ Chí Khiêm dịch, nhan đề: Duy Ma Cật Sở Thuyết Bất Tư Nghì Pháp Môn.

3.- Đòi Tây Tấn (265-317) Ngài Trúc Pháp Hộ dịch, nhan đề: Duy Ma Cật Sở Thuyết Pháp Môn Kinh.

4.- Ngài Trúc Pháp Lan dịch, nhan đề: Tỳ La Cật Kinh.

5.- Đòi Diêu Tần (344-413) Ngài Cưu Ma La Thập dịch, nhan đề: Phật Thuyết Vô Cấu Xưng Kinh.

6.- Nội dung tư tưởng các bản dịch đại thể không khác nhau nhiều, nhưng ý nhị uyên thâm thì có sâu có cạn. Do vậy, suốt quá trình dịch sử cho đến ngày nay, các tông lâm Phật học đều ái mộ bản dịch với nhan đề: “DUY MA CẬT SỞ THUYẾT KINH” của Tam Tạng Pháp sư Cưu Ma La Thập.

Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết, ở Trung Hoa xưa nay tiền bối sơ giải rất nhiều. Ở Việt Nam ta, người dịch và giải trước sau cũng không ít. Tuy nhiên, do tư-đuy nhận thức khác nhau và góc độ nhìn ngắm không đồng. Cho nên công trình phiên dịch và sơ giải kinh điển Phật, có lẽ là công trình sáng tạo không ngừng, mới có thể đáp ứng yêu cầu cho nhiều căn cơ đối tượng.

Phát xuất từ quan điểm nhận thức đó, nhìn qua các bản dịch tại nước ta, tôi thấy cần tham dự đóng góp kiến giải Phật học của mình. Trước là “Ôn cố tri tân” đồng thời cung ứng cho hàng Phật tử hữu duyên cùng đi trên con đường đạo.

Kinh “Duy Ma Cật Sở Thuyết” của Ngài Cưu Ma La Thập, sau khi dịch ra tiếng Việt, tôi viết thêm phần “TRỰC CHỈ” ở sau mỗi chương hoặc sau mỗi đoạn, thay vì lời sơ giải mà các tiền bối cổ kim thường làm.

TRỰC CHỈ có nghĩa là chỉ thẳng, ý tứ tiềm ẩn, phân tích rõ ràng nghĩa lý sâu xa bằng bạc ở kinh văn, nhằm hướng dẫn cho người đọc nắm được trọng tâm, biết rõ chủ đích từng bài pháp của mỗi vấn đề.

Nhưng than ôi!

Ý Phật nhiệm mầu trông như mây phủ ở đầu non, đến được đầu non mây xa tít.

Cơ thiên bảng lảng tưởng chừng trăng trôi mặt nước, hót tan mặt nước trăng sâu mù.

Do vậy, không thể nào TRỰC CHỈ hết mọi mặt của ý kinh. Cho nên tôi chọn nhan đề của công trình nho nhỏ này là: “DUY MA CẬT SỞ THUYẾT KINH TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG”.

Tôi hy vọng giáo án này, - tôi gọi là giáo án, vì những kinh luận của tôi biên soạn nhằm để triển khai hướng dẫn mọi người đệ tử Phật, học chánh pháp, hành chánh pháp, sống theo chánh pháp và truyền bá chánh pháp chớ không chủ trương đem tụng trước bàn thờ Phật. Giáo án này được đến tay Tăng, Ni sinh trung cao Phật học các trường, tôi xem đó là một cơ hội đóng góp phần nho nhỏ của mình trong sự nghiệp tục diệm truyền đăng.

Đối với hàng Phật tử tại gia tín tâm đã phát khởi với chủng tánh Đại thừa vốn có của mình, đọc học được kinh này thì đường tu tập vững bước tiến lên, không một thế lực ma quân tà đạo nào dám lấy mắt mà nhìn, đừng nói chi chuyện manh tâm mê hoặc.

“Học, học nữa và học mãi”

Học cho đến khi:

- Bò-Đề quả thực, nhất chân phi sắc phi không.
- Bát Nhã hoa khai, vạn pháp tức Tâm tức Phật.

Viết tại HUỖNH MAI TỊNH THÁT

Ngày 16 tháng 12 năm 1991
Pháp Sư : Thích Từ Thông
Kính đề.

PHẠM LỆ

Bộ kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết gồm cả thầy mười bốn chương, được chia thành hai tập. Tập Một có năm chương và tập Hai có chín chương. Khi nghiên cứu bộ kinh này, kính mong quý đọc giả lưu ý:

1.- Phần nguyên văn được in chữ đứng. Đó là phần dịch đúng nguyên bản của kinh văn.

2.- Phần Trục chỉ in chữ nghiêng để cho đọc giả dễ phân biệt. Phần này do tôi đóng góp bằng kiến giải của riêng mình. Hy vọng phần Trục chỉ sẽ giúp cho đọc giả mạnh mẽ tư duy, gợi trí nhận xét khi các Ngài thiên tọa.

3.- Đoạn kinh văn dài, có nhiều ý, tôi đánh số 1, 2, 3 v.v... Đoạn có đánh số là có tiềm ẩn ý nghĩa sâu xa. Tôi phân tích diễn giải phần ý nghĩa tiềm ẩn đó trong phần Trục chỉ sau chương hoặc sau đoạn kinh văn đó.

Mấy lời kính cáo, mong chư đọc giả lưu tâm. Việc tác phẩm hoàn bị hay chưa, giúp ích cho đời được nhiều hay ít, thiết tưởng không có gì đáng nói.

Tôi cho rằng tất cả chúng ta ngày nào còn sống trên cõi đời, thì còn phải:
“Học, học nữa và học mãi”

Pháp Sư : Thích Từ Thông
Cẩn chí.

CHƯƠNG THỨ NHẤT : CÕI NƯỚC PHẬT

1.- Lúc bấy giờ đức Phật ở vườn xoài địa phận thành Tỳ Da Ly cùng với số chúng Tỳ Kheo và Bồ Tát đông đến hàng ngàn người. Tất cả là những người đã trồng sâu cội đức tri hành tự tại trong sự nghiệp giải thoát giác ngộ, các vị gìn giữ chánh đạo, làm tường thành hộ pháp, truyền bá chánh pháp là bạn lành của chúng sanh.

Thi hành nhiệm vụ nối dòng Tam bảo, hàng phục ma quân chế ngự ngoại đạo. Tâm hành của các Ngài thanh tịnh, xa lìa ngũ cái, thập triền, niêm định không rời, biện tài vô ngại. Nói pháp lục độ: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, các Ngài thành tựu viên mãn. Được vô sanh nhẫn mà không khởi tâm sở đắc. Tùy thuận căn cơ mà chuyên pháp luân. Thấu rõ thực tướng các pháp, biết suốt căn tánh chúng sanh. Công đức và trí huệ vượt hơn đại chúng. Tướng hảo đoan nghiêm, uy đức vòi vọi. Đức tin vững chắc thường mưa pháp như độ sanh. Thuyết phục nhơn tâm, truyền đạt pháp âm vi diệu. Thâm nhập chân lý, thấy rõ vạn pháp duyên sanh. Dứt hết tà kiến không kẹt hai bên. Hoặc lậu tam giới không còn, thuyết pháp như sư tử hống. Trí tuệ biện tài vô ngại. Được thập lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng pháp. Từng đóng bít các cửa ác thú mà hiện thân trong ngũ đạo làm vị đại y vương. Tùy bệnh chúng sanh mà cho thuốc pháp. Bản vị của các Ngài vốn là những người đã thành tựu vô lượng công đức trang nghiêm trong cõi nước chư Phật mười phương.

2.- Danh hiệu của các Ngài là: Đẳng Quán Bồ Tát, Bất Đẳng Quán Bồ Tát, Đẳng Bất Đẳng Quán Bồ Tát, Định Tụ Tại Vương Bồ Tát, Pháp Tụ Tại Vương Bồ Tát, Pháp Tướng Bồ Tát, Quang Tướng Bồ Tát, Quang Nghiêm Bồ Tát, Bảo Tích Bồ Tát, Biện Tích Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát v. v...

Lại có Phạm Thiên Vương Đế Thích, Thiên Long Bát Bộ. Có các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di tham dự thính pháp rất đông.

3.- Hôm nay trong thành Tỳ Da Ly có vị trưởng giả tử tên là Bảo Tích cùng với năm trăm trưởng giả tử, mỗi vị cầm một cây lọng thất bảo đồng đến đánh lễ Phật, rồi cùng dâng tất cả lọng ấy cúng dường Phật.

Do uy thần Phật, năm trăm cây lọng hợp thành một. Cõi nước trong ba ngàn đại thiên thế giới; các núi Tu Di, núi Tuyết. Các biển cả, sông ngòi...mặt trời, mặt trăng vô vàn tinh tú. Các Thiên cung, Long cung, Thần cung và cảnh giới chư Phật thuyết pháp, nhập Niết bàn trong mười phương đều hiện rõ trong cây lọng báu.

Đại chúng trông thấy sức thần Phật, đồng tán thán: là một sự kiện hi hữu. Đại chiêm ngưỡng Phật sống sờ không nháy mắt.

4.- Bấy giờ trưởng giả tử Bảo Tích thay lời đại chúng trước Phật, nói lên bài kệ phát xuất từ lòng ái mộ, tôn kính vô biên:

Mắt Phật đẹp như hoa sen xanh
Tâm Phật hằng trụ trong Thiên định
Tịnh nghiệp tích lũy từ lâu đời
Đại chúng cúi đầu nguyên tu học.
Sức thần Phật vượt quá nghĩ bàn
Hiện rõ mười phương vô lượng cõi
Chư Phật thuyết pháp hành Phật sự
Đại chúng hết thấy được thấy nghe.
Pháp vương, pháp lực vượt quần sanh
Thí pháp, thí tài cho tất cả
Phân biệt dạy rành các pháp tướng
Chân lý đệ nhất nghĩa siêu tuyệt.
Thế tôn tự tại trước các pháp
Đại chúng đành lễ đấng pháp vương
Thuyết pháp: không có cũng không không
Có nhân duyên Như Lai nói có.
Pháp vốn vô ngã, vô thọ giả
Thiện ác nghiệp không bao giờ mất
Khi xưa tịnh tọa cõi Bồ đề
Được giải thoát chứng thành đại giác

Diệt tâm, diệt hành ý rỗng rang.

Cho nên chế phục hàng ngoại đạo

Ba lần thuyết pháp cõi đại thiên

Pháp luân ấy bản lai thanh tịnh

Trời người chứng đạo nhờ nương đó.

Tam bảo giờ hiện hữu cõi đời

Phật dùng pháp dược độ quần sanh

Bệnh, lão, tử : đại y vương Phật

Kính lễ đức pháp hải vô biên.

Khen chê bất động Diệu cao sơn

Tốt xấu xử dụng một tâm từ

Tâm hành bình đẳng như hư không

Ai nghe đáng nhân hảo : cung kính.

Con dâng Thế tôn cây lọng mọn

Tam thiên thế giới hiện trong đây

Đại chúng tán thán điều hi hữu

Chúng con đảnh lễ đáng Từ tôn.

Đấng pháp vương nhiều người qui ngưỡng

Tâm tịnh nhìn Phật thấy an vui

Tự thấy Thế tôn ở trước mình.

Đây là sức thần bất cộng pháp

Phật thuyết pháp đồng một pháp âm

Các cơ tùy hiểu hợp cơ mình

Tự như: Thế Tôn vì ta nói.

Đây là thần lực pháp bất cộng

Phật thuyết pháp cùng một diệu pháp

Chúng sanh tùy tánh hiểu khác nhau

Dù hiểu khác đều được lợi ích

Đây là thần lực pháp bất cộng

Phật thuyết pháp đồng một pháp âm

Nghe ra hoặc sợ hoặc vui mừng

Yếm ly trần tục hoặc đoạn nghi.

Đây là thần lực pháp bất cộng

Kính lễ đáng Thập lực viên mãn

Kính lễ đáng vô sở úy viên mãn

Kính lễ đáng bất cộng pháp viên mãn

Kính lễ đáng đạo sư của chúng sanh

Kính lễ đáng viễn ly triền phược

Kính lễ đáng đã đến bờ bên kia

Kính lễ đáng vượt khỏi thế gian

Kính lễ đáng vĩnh ly đường sanh tử

Kính lễ đáng vô sở y như hư không

Không nhiễm thế gian như hoa sen

Hằng trụ an nhiên hạnh không tịnh.

Sau khi nói bài kệ xong, Trưởng giả tử bèn thưa với Phật: “Bạch Thế Tôn, năm trăm trưởng giả tử này đã từng phát tâm cầu Vô thượng Bồ Đề. Hôm nay chúng con muốn được nghe Phật dạy cho chúng con về cõi nước thanh tịnh của Phật và xin Phật dạy cho chúng con trên đường tu hành muốn xây dựng cho mình cõi Phật thanh tịnh thì phải làm sao?”

5.- Phật dạy: Bảo Tích và các trưởng-giả tử hãy lắng nghe. Hôm nay Như Lai sẽ dạy cho các Ông về vấn đề xây dựng cho mình có được cõi Phật thanh tịnh.

Này Bảo Tích: Mọi tầng lớp chúng sanh chính là cõi Phật thanh tịnh của Bồ Tát. Visao? Vì Bồ Tát dựa trên công hạnh giáo hóa chúng sanh mà có được cõi Phật thanh tịnh. Tùy sự điều phục chúng sanh mà có được cõi Phật thanh tịnh. Tùy sự bồi dưỡng trí tuệ cho chúng sanh mà có được cõi Phật thanh tịnh. Tùy sự gieo trồng Phật chủng cho chúng sanh mà Bồ Tát có được cõi Phật thanh tịnh.

Này Bảo Tích: Bồ Tát có được cõi Phật thanh tịnh là dựa trên công hạnh làm lợi lạc cho chúng sanh. Ví như người muốn xây cất lâu đài phải xây nền móng trên đất vậy. Nếu không có đất, không thể xây cất lâu đài. Lại cũng ví như hoa sen. Sen không mọc trên đỉnh núi đá cao trơ trọi. Sen và hoa sen phải được mọc và trở tự bùn lầy.

Bồ Tát cũng như vậy, do làm lợi lạc cho chúng sanh mà Bồ Tát có được cõi Phật thanh tịnh và nhận thấy cõi nước ấy.

Này Bảo Tích, Ông nên biết:

*

Bồ Tát xây cõi Phật cho mình cõi Phật bằng TRỰC TÂM; vì vậy khi thành Phật không còn chút lòng cúi, nịnh bợ ở con người.

*

Bồ Tát xây dựng cõi Phật bằng THÂM TÂM; vì vậy khi thành Phật, đầy đủ tất cả công đức lành.

*

Bồ Tát xây dựng cõi Phật bằng BỒ ĐỀ TÂM; vì vậy khi thành Phật, Phật chỉ nói pháp Đại thừa.

*

Bồ Tát xây dựng cõi Phật bằng việc làm BỐ THÍ; vì vậy khi thành Phật, viên mãn hạnh xả ly.

*

Bồ Tát xây dựng cõi Phật bằng công đức TRÌ GIỚI; vì vậy khi thành Phật, thập thiện nghiệp đạo viên mãn.

*

Bồ Tát xây dựng cõi Phật bằng hạnh NHÃN NHỤC; vì vậy khi thành Phật, có đủ 32 tướng hảo trang nghiêm.

*

Bồ Tát xây dựng cõi Phật bằng sức TINH TẤN; vì vậy khi thành Phật, chỉ có phát triển công đức lành

*

Bồ Tát xây dựng cõi Phật bằng THIỀN ĐỊNH; vì vậy khi thành Phật, thường bất loạn trong sự nhiếp tâm.

*

Bồ Tát xây dựng cõi Phật bằng TRÍ TUỆ; vì vậy khi thành Phật, cõi nước chỉ có chúng sanh chánh định.

*

Bồ Tát xây dựng cõi Phật bằng TỨ VÔ LƯỢNG TÂM; vì vậy khi thành Phật, từ, bi, hỷ, xả thành tựu viên mãn.

*

Bồ Tát xây dựng cõi Phật bằng TỨ NHIẾP PHÁP; vì vậy khi thành Phật, có đầy đủ chánh pháp để hóa độ chúng sanh.

*

Bồ Tát xây dựng cõi Phật bằng PHƯƠNG TIỆN; vì vậy khi thành Phật, vận dụng cách độ sanh tùy ý.

*

Bồ Tát xây dựng cõi Phật bằng 37 PHẨM TRỢ ĐẠO; vì vậy khi thành Phật, pháp Tứ niệm xứ, Tứ Chánh cần, Tứ Như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Giác chi và Bát chánh đạo đầy đủ.

*

Bồ Tát xây dựng cõi Phật bằng sự THUYẾT PHÁP, dạy cho mọi người dứt trừ nhân BÁT NAN; vì vậy khi thành Phật, không còn cái nhân sanh trong tam đồ.

*

Bồ Tát xây dựng cõi Phật bằng TỰ GIỮ GIỚI HẠNH, KHÔNG CHÊ BAI CHỖ SAI KHUYẾT của người khác; vì vậy khi thành Phật không có cái từ phạm giới.

*

Bồ Tát xây dựng cõi Phật bằng THẬP THIÊN NGHIỆP; vì vậy khi thành Phật không chết yếu, phạm hạnh toàn vẹn, lời nói chắc thật, ngôn âm dịu dàng, quyến thuộc thân thương, hòa giải khéo léo không có tật đố, không có phần nộ, mọi cử chỉ hành động đều lợi ích cho chúng sanh.

Như thế đó Bảo Tích! dựa trên trực tâm mà phát hạnh, do phát hạnh mà được thâm tâm. Do thâm tâm mà ý được điều phục. Do ý điều phục mà việc làm đúng lời nói. Do lời nói và việc làm đúng mà được hồi hướng. Do hồi hướng mà có phương tiện. Do phương tiện mà hóa độ chúng sanh. Do hóa độ chúng sanh mà có được cõi Phật thanh tịnh. Do cõi Phật thanh tịnh mà thuyết pháp thanh tịnh. Do thuyết pháp thanh tịnh mà trí tuệ thanh tịnh. Do trí tuệ thanh tịnh mà tâm thanh tịnh. Do tâm thanh tịnh mà có tất cả công đức thanh tịnh.

Như thế đó Bảo Tích! Bồ Tát muốn có cõi Phật thanh tịnh thì phải tu sửa tâm mình thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì Bồ Tát có được cõi Phật thanh tịnh.

6.- Lúc bấy giờ Ông Xá Lợi Phát khởi ý hoài nghi rằng:

Nếu tâm Bồ Tát thanh tịnh thì có cõi nước Phật thanh tịnh; vậy Thế Tôn ta xưa kia khi tu nhân, hành Bồ Tát hạnh có lẽ nào tâm không thanh tịnh hay sao mà cõi Phật ngày nay không thanh tịnh như thế này.

Phật biết ý niệm hoài nghi của Ông Xá Lợi Phát, liền bảo:

Xá Lợi Phát! Ông nghĩ thế nào? Mặt trời, mặt trăng há chẳng sáng sao? Thế mà những người mù không thấy?

Ông Xá Lợi Phát thưa: Bạch Thế Tôn, có. Mặt trời, mặt trăng vẫn sáng nhưng người mù không thấy, lỗi tại mắt họ mù!

Phật dạy: Xá Lợi Phát! Do vì tội chướng của chúng sanh làm cho chúng sanh không thấy cõi nước thanh tịnh trang nghiêm của Phật; chứ không phải cõi nước của Phật không thanh tịnh trang nghiêm.

Xá Lợi Phát! cõi nước của Phật vốn thanh tịnh tại Ông không thấy.

Bấy giờ Trời Loa Kế Phạm Vương nói với Ông Xá Lợi Phát: Ông đừng nghĩ như vậy, không nên cho rằng cõi Phật của Thế Tôn ta không thanh tịnh. Chính tôi thấy cõi Phật Thích Ca Mâu Ni thanh tịnh như cung của Trời Tự Tại; như cõi nước của chư Phật trong mười phương.

Ông Xá Lợi Phát nói:

Tôi thấy cõi này gò nong, gai góc, núi non, rừng rú và nhiều những thứ cấu uế.

Loa Kế Phạm Vương nói: Tại vì tâm của Ngài còn phân biệt thấp cao cho nên Ngài thấy cảnh giới có thấp cao, gò nong. Tại Ngài không xử dụng tuệ nhãn cho nên Ngài thấy cõi nước Phật không thanh tịnh! Thưa Ngài Xá Lợi Phát! Bồ Tát nhìn thấy tất cả chúng sanh bằng cái thấy bình đẳng. Phát xuất từ tâm thanh tịnh và xử dụng trí tuệ thanh tịnh thì Ngài sẽ thấy cõi nước Phật thanh tịnh.

Bấy giờ đức Phật dùng ngón chân ấn xuống đất, tức thì ba ngàn đại thiên thế giới hiển hiện trang nghiêm đẹp đẽ như muôn ngàn thứ trân bảo hợp thành, chẳng khác gì cõi nước của đức Phật Bảo Trang nghiêm kết hợp bằng vô lượng bảo trang nghiêm công đức.

Đại chúng xem thấy hớn hở vui mừng và tán thán là việc thế gian chưa từng có. Mọi người bỗng nhiên tự thấy mình đang ngồi trên tòa sen báu.

Phật bảo: Xá Lợi Phất! Ông đã thấy cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh ấy chưa?

Bạch Thế Tôn! Ông Xá Lợi Phất thưa: Đúng vậy. Thế Tôn, việc này từ trước đến nay con chưa từng thấy và cũng chưa được nghe.

Xá Lợi Phất: Cõi nước của ta thường thanh tịnh trang nghiêm như thế. Chỉ vì người nghiệp chướng nặng nề, phước đức mỏng manh mà thấy toàn những cảnh bất tịnh như xấu. Cũng như số chur Thiên cùng thọ dụng một bát quý đựng cơm, vậy mà tùy phước đức của mỗi chur Thiên mà màu cơm và mùi hương có khác.

Xá Lợi Phất! Nếu tâm của người thanh tịnh thì nhìn thấy cõi này là cõi vô lượng công đức trang nghiêm thanh tịnh.

Đang lúc Phật hiện cõi nước trang nghiêm thanh tịnh và dạy về chân lý liễu nghĩa thượng thừa này thì Bảo Tích và năm trăm trưởng giả tử cùng thể nhập được vô sanh pháp nhẫn. Rất nhiều người phát tâm cầu vô thượng Bồ Đề; nhiều hàng Trời, người tỏ ngộ pháp hữu vi vô thường, xa lìa trần cấu, tâm ý rỗng rang trong sáng.

Đức Phật thâm nhiếp thần lực, thế giới Ta Bà trở lại trạng thái cũ, vẻ đẹp trang nghiêm thanh tịnh không còn.

TRỰC CHỈ

1.- Phật quốc là cõi nước Phật. Nói cách khác là cảnh giới của người tinh thức hoàn toàn và giác ngộ chân lý trọn vẹn.

Cõi nước Phật không ở cao cũng chẳng phải ở xa. Cõi nước Phật tại tâm người. Tâm người dứt hết các vô minh phiền não, tâm người sáng suốt giác ngộ chân lý trọn vẹn và sống đúng chân lý thì tâm đó là Phật. Người có tâm Phật ở đâu thì cõi nước đó trở thành cõi nước Phật là Phật quốc.

Thế cho nên cõi Ta bà đối với chúng sanh là cõi chúng sanh phải chịu nhiều khổ lụy bất bình. Vậy mà đối với đức Thích Ca Mâu Ni Phật thì ngay nơi cõi

Ta bà trở thành Phật quốc đẹp đẽ trang nghiêm thanh tịnh: “Tùy kỳ tâm tịnh tắc Phật độ tịnh”. Hễ tâm người thanh tịnh thì có cõi Phật thanh tịnh.

2.- Danh hiệu của Bồ Tát tiêu biểu cho đức độ và hạnh nguyện của vị Bồ Tát đó.

Đẳng Quán Bồ Tát là vị Bồ Tát thường sử dụng quán trí nhận thức bên mặt “bình đẳng” trên phương diện bản thể chung cùng.

Bất Đẳng Quán Bồ Tát là vị Bồ Tát thường sử dụng quán trí nhận thức vạn pháp bên mặt “sai biệt” trên phương diện hiện tượng tùy duyên.

Đẳng Bất Đẳng Quán Bồ Tát là vị Bồ Tát vận dụng quán trí toàn diện nhận thức vạn pháp cả hai mặt □ bản thể và hiện trạng, bình đẳng lẫn sai biệt.

Tất cả Bồ Tát qua danh hiệu, người học Phật có thể nhận biết tổng quát về các Ngài...

3.-Phật nhận 500 cây lọng của các trưởng-giả tử cúng dường.

Phật dùng sức thần hợp 500 cây lọng thành một. Hiện tượng này, nhằm dạy cho đại chúng bài pháp: “Tất cả là một” và “Một là tất cả”.

Hiện tượng vạn pháp duyên sanh nhiều vô lượng. Nhưng bản thể của chúng thì chung cùng. Trong một cái này có chất liệu của cái kia. Trong những cái kia có chất liệu của một cái này.

Tam thiên đại thiên thế giới và cõi nước của chư Phật mười phương hiện rõ trong cây lọng. Sự kiện đó đức Phật muốn dạy cho đại chúng bài pháp: “Nhất chơn pháp giới” và “Pháp giới bất nhị”.

Khi mê thì tứ Thánh lục phàm có ranh giới. Có khổ có vui. Nhưng nhìn pháp giới qua Phật nhãn, qua sức thần Phật thì pháp giới trở thành nhất chơn, xóa hết ranh giới phân chia và ngăn cách.

Người đời mơ ước cái “Thế giới đại đồng” nguyên tắc chung cũng gần giống như vậy. Khi con người “Giác ngộ” thân thương nhau như ruột thịt thì bờ cõi đất nước còn ngăn ranh cắt giới để làm gì.

4.- Các trưởng giả tử vì quá kính mộ, nói kệ tán thán Phật. Việc làm đáng khen. Nhưng những lời lẽ tán thán đó, chẳng khác nào trẻ con khen ngọc kim cương đẹp. Làm sao lũ trẻ hiểu hết được giá trị màu sắc của ngọc kim cương.

5.-Muôn có cõi Phật thanh tịnh trước phải tịnh tâm. Tâm thanh tịnh thì có cõi Phật thanh tịnh.

Muốn xây dựng cõi Phật, Bồ Tát phải dựa nơi chúng sanh. Chúng sanh là cơ sở để Bồ Tát xây dựng cõi Phật cho mình. Bồ Tát rời chúng sanh thì không còn đối tượng để thi thố Bồ Tát hạnh.

Xây lâu đài phải xây trên đất, cũng như hoa sen đẹp phải mọc từ bùn.

Do có chúng sanh, do sự điều phục và giáo hóa chúng sanh, Bồ Tát xây dựng cho mình một lâu đài Phật quốc. Dựa trên cơ sở chúng sanh Bồ Tát có thể thực hiện.

Trực tâm, Thâm tâm, Bồ đề tâm, Tứ vô lượng tâm, Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ... Đó là chất liệu, Bồ Tát xây dựng nên cõi Phật.

6.- Cõi Phật của đức Phật Thích Ca vẫn trang nghiêm thanh tịnh không kém gì cõi nước của chư Phật mười phương. Thế mà Ông Xá Lợi Phất lại thấy không thanh tịnh chẳng trang nghiêm.

Cái ví dụ người mù đứng dưới ánh nắng ban mai trước cảnh trăm hoa đua nở mà chàng ta không thể thấy sáng, cũng chẳng có gì đẹp đẽ tí nào.

Lỗi tại ai? Mọi người đã rõ.

CHƯƠNG THỨ HAI : PHƯƠNG TIỆN

1.- Bấy giờ thành Tỳ Da Ly có một vị Trưởng giả tên là DUY MA CẬT. Trưởng giả Duy Ma Cật là người đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, gốc rễ lành trồng sâu, cho nên Ông đã được vô sanh pháp nhẫn. Trong hàng Bồ Tát, Duy Ma Cật là vị Bồ Tát biện tài vô ngại. Du hí thần thông. Hàng phục các ma được vô sở úy. Thế nhập sâu sắc các pháp môn. Trí tuệ siêu

tuyệt. Phương tiện linh hoạt. Biết rõ tâm tướng của chúng sanh, phân biệt độn căn, lợi căn của đối tượng. Ở trong Phật đạo từ lâu, đã thuần thục thâm tín đại thừa. Việc làm vững chãi, suy nghĩ chín chắn, trụ oai nghi Phật, tâm lớn như biển. Chư Phật ngợi khen, hàng trời cung kính. Vì muốn độ người, Trưởng giả Duy Ma Cật phương tiện ở thành Tỳ Da Ly.

2.- Vì muốn cảm hóa những người nghèo, Ngài Duy Ma Cật bố thí rất nhiều của cải. Để cảm hóa người phạm giới, Ngài trì giới thanh tịnh. Để cảm hóa người nóng nảy, Ngài biểu lộ hạnh kiên nhẫn ôn hòa. Để độ người giải đãi, Ngài thực hành tinh tấn. Để cảm hóa người loạn tâm, Ngài thiền định nhất tâm. Để cảm hóa người vô trí, Ngài hướng dẫn phát huy trí tuệ. Dù Ngài là bạch y mà phụng trì luật hạnh của Sa môn. Dù ở tại gia mà không lưu luyến tam giới. Giả có vợ con mà thường tu phạm hạnh. Hiện có quyền thuộc mà thường thích viễn ly. Dù phục sức đồ quý mà lòng cur mang thân tướng hảo. Dù có ăn uống như thế gian vị chính là vui trong thiền định. Có lúc tham gia sòng bạc, cốt yếu nhằm để độ người. Lúc tùy thuận ngoại đạo mà chánh tín không lung lạc. Đọc hiểu suốt sách vở thế gian mà thường vui với giáo pháp Phật. Nhằm cảm hóa mọi người mà giữ gìn chánh pháp. Kinh doanh được tiền của, nhưng chẳng lấy đó làm vui. Đạo chơi khắp phố phường để làm điều lợi ích chúng sanh. Có lúc tham gia trị chánh, nhằm để cứu độ quốc dân. Có khi tham dự các diễn đàn hội thảo, cốt lẽo lái hướng dẫn mọi người đi vào đường chánh đạo đại thừa. Vào học đường nhằm để dẫn dắt tuổi thơ. Có lúc đến thanh lâu nhằm chỉ rõ cho mọi người tai họa của ái dục. Vào quán rượu như mọi người nhằm để nêu gương tự chủ.

3.- Ở cương vị trưởng giả, Ông Duy Ma Cật gương mẫu trong hàng trưởng giả, vì họ mà nói chánh pháp. Ở trong cư sĩ, gương mẫu trong hàng cư sĩ, dứt hết các tham nhiễm tâm thường. Ở trong dòng Sát đế ly, gương mẫu trong hàng Sát đế ly, để dạy họ về đức nhẫn nhục. Ở trong trong dòng Bà la môn, gương mẫu trong hàng Bà la môn dạy trừ bỏ tánh ngã mạn. Ở trong nội chính đại thần, gương mẫu trong hàng đại thần nhằm dạy họ học chánh pháp. Ở trong hàng vương tử, gương mẫu trong hàng vương tử để dạy họ về đạo lý hiếu trung. Ở trong nội quan, gương mẫu trong hàng hoạn quan để dạy các cung tần về chánh tâm chánh hạnh. Ở trong thứ dân, gương mẫu trong hàng thứ dân để hướng dẫn họ làm điều phước thiện. Ở trong hàng Phạm Thiên, gương mẫu trong các Phạm Thiên để dạy họ tu về thắng tuệ. Ở trong Đế Thích, gương mẫu trong hàng Đế Thích nhằm dạy họ về chân lý vô thường của hiện tượng vạn pháp. Ở trong cương vị hộ thế thì gương mẫu trong hàng hộ thế nhằm hộ độ nhân dân lạc nghiệp an cư.

Duy Ma Cật trưởng giả vận dụng vô số phương tiện như thế để đem lại lợi lạc cho chúng sanh. Và hôm nay Trưởng giả lại hiện thân có bệnh.

Nghe Trưởng giả Duy Ma Cật bị bệnh, Quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, Bà la môn, các vương tử và các thân thuộc cả mấy ngàn người lần lượt đến tịnh thất của Trưởng giả để vấn an. Nhân cơ hội có nhiều người đến thăm bệnh, Duy Ma Cật trưởng giả thừa cơ thuyết chánh pháp:

4.- Thừa chư nhân giả: thân này vô thường, không mạnh, không dai, không bền, không chắc. Nó là cái thứ mau mục nát, dễ rệu rã chẳng đáng tin cậy. Nó là cái khối chứa nhóm các khổ đau, buồn phiền và nhiều bệnh tật.

5.- Thừa chư nhân giả: người trí không tin cậy ở thân. Nó như bọt nước không thể cầm nắm. Như bong bóng không tồn tại được lâu. Như bóng nắng, do khát ái mà thấy có. Thân này như cây chuối, do bẹ hợp lại thành cây, trong đó không có cái nào rắn chắc. Thân này như huyễn từ điên đảo khởi sanh. Thân này như mộng, do vọng kiến thực chẳng có gì. Thân này như ảnh, do nghiệp duyên hiện sanh. Thân này như vang, do nhân duyên mà có. Thân này như mây nổi phút chốc tan mất. Thân này như chớp niệm niệm không ngừng. Thân này vô chủ ví như núi. Thân này vô ngã ví như lửa. Thân này vô thọ ví như gió. Thân này vô nhơn ví như nước. Thân này không thật vì là sự tổ hợp của tứ đại. Thân này vốn không, vì không có ngã, ngã sở. Thân này vô trí như cỏ cây, ngói gạch. Thân này vô tác giả, do sức gió nghiệp chuyển sanh. Thân này bất tịnh đầy dẫy uế trước xấu xa. Thân này tạm bợ, rỗng không, dù có ăn mặc, tắm rửa nhưng chung qui cũng tiêu ma hoại diệt. Thân này là tai họa chứa nhóm một trăm lẻ một bệnh khổ sâu đau. Thân này như giếng trên đất gò, bao nhiêu lão bệnh bức ngặt thường xuyên. Thân này không cố định, vì không biết sẽ chết lúc nào. Thân này như rắn độc, như giặc thù, như hội tụ hư không, do ngũ âm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới gá hợp mà thành.

6.- Thừa chư nhân giả: phải sanh tâm khinh rẻ cái thân này và nên sanh tâm ham mến thân Phật. Vì thân Phật là pháp thân. Thân Phật từ vô lượng công đức trí tuệ sanh. Từ giới, định tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến sanh. Từ từ, bi, hỉ, xả sanh. Từ bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ sanh. Từ phương tiện sanh. Từ lục thông sanh. Từ tam minh sanh. Từ ba mươi bảy phẩm trợ đạo sanh. Từ chỉ quán sanh. Từ thập lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng pháp sanh. Từ chỗ dứt hết tất cả các pháp bất thiện, chứa nhóm tất cả thiện nghiệp sanh. Từ không phóng dật sanh. Từ vô lượng pháp thanh tịnh như thế mà sanh thân Như Lai!

Thưa chư nhân giả: muốn được thân Phật, muốn vứt bỏ cái thân nhiều bệnh khổ của chúng sanh thì phải phát tâm vô thượng Bồ Đề!

Trưởng giả Duy Ma Cật vì những người đến thăm bệnh, nói những pháp ứng cơ như thế, khiến cho vô số nghìn người phát tâm vô thượng Bồ Đề.

TRỰC CHỈ

1.- Tạo cái cơ qui tụ đông người đến để thuyết pháp, Bồ Tát Duy Ma Cật không bệnh giả bệnh. Đó là phương tiện về việc làm.

Pháp được nói ở phẩm kinh này chưa đá động gì đến pháp Đại thừa. Chỉ nói thuần pháp Tiểu thừa. Đó là phương tiện về thuyết pháp. Hướng dẫn tư tưởng của đại chúng từ suy nghĩ về thân để chán ngán xem thường thân vì sự mục bở, sự bất tịnh, sự không bền chắc. Khuyến khích mọi người hãy phát tâm ham mộ Phật thân. Thân Phật là thân Kim cang bất hoại cô động bởi vô lượng công đức và là sự thể hiện của Bồ Đề Niết Bàn vô thượng. Đó là phương tiện về tư tưởng trong sự nghiệp giáo hóa độ sanh.

2.- Qua thành tích, Bồ Tát Duy Ma Cật có gần đủ những đức tính từ bi, trí tuệ, phương tiện biện tài... của Phật.

Bồ Tát Duy Ma Cật rõ là thành phần tích hạ bản cao.

Thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Đó là đạo đức của các nhà chánh trị cổ kim, vì sự nghiệp ích quốc lợi dân cho một nước.

Bồ Tát Duy Ma Cật ở giai cấp nào gương mẫu trong giai cấp đó.

Có vậy, chúng sanh mới nghe, mới tin, mới phục, thì lý tưởng và mục đích của Bồ Tát mới hiện thực và tồn tại ở trong lòng chúng sanh.

3.- Muốn bắt hùm phải vào hang cọp. Muốn cảm hóa giới nào phải đồng sự với họ. Đường lối đó Bồ Tát Quán Thế Âm đã làm. Đó là “thủ đoạn” nhưng đem lại hiệu quả cao.

Thực ra “thủ đoạn” và “phương tiện” là một. Là thủ đoạn hay là phương tiện, chỉ biết sau khi kết quả của việc làm cụ thể hình thành.

4.- Thân vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Thân như mộng, huyễn, bào, ảnh, như ba tiêu, như Càn thát bà thành... Cần phải yểm ly khinh sẽ nó.

Đó là cái nhìn của chúng tánh Tiểu thừa.

Chùng nào nhận thấy được các đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của hiện tượng vạn pháp, mới là người đích thực chứng ngộ chân lý.

Đó là cái thấy của người chúng tánh Đại thừa.

5.- Yểm ly thân này ham cầu thân Phật, chưa phải là người thể nhập tri kiến Phật của chính mình.

Vì vậy pháp mà Bồ Tát Duy Ma Cật thuyết ở phẩm kinh này là pháp phương tiện.

CHƯƠNG THỨ BA : THANH VĂN

I.- VẤN ĐỀ THIÊN

Bây giờ Trưởng giả Duy Ma Cật tự nghĩ: nay mình nhuốm bệnh nằm một mình một giường và một thất, đức Thế Tôn là bậc đại từ rồi đây thế nào cũng xót thương và sai người đến thăm bệnh. Phật biết thâm ý của Trưởng giả Duy Ma Cật, bèn gọi Ông Xá Lợi Phất đến và bảo:

1.- Xá Lợi Phất! Thầy hãy đi thăm bệnh Trưởng giả Duy Ma Cật. Hiện nay Ông ấy có bệnh.

Ông Xá Lợi Phất thưa:

Bạch Thế Tôn! Con xin Thế Tôn thương cho! Con không kham lãnh trách nhiệm đến thăm bệnh Ông ấy.

Bạch Thế Tôn! Vì trước đây có một hôm nọ, con đang ở trong rừng ngồi thiền dưới một cội cây. Tình cờ Ông Duy Ma Cật đến, nói với con rằng:

Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Ngài bắt tất phải ngồi như thế mới là ngồi thiền! Luận về việc ngồi thiền, thiền giả không dính mắc tam giới mà thân tâm vẫn

sinh hoạt mới là ngồi thiền. Sinh hoạt trong oai nghi như bình nhật mà không rời diệt tận định mới là ngồi thiền. Làm mọi việc như kẻ phàm phu mà không xao lãng đạo pháp mới là ngồi thiền. Tâm không cột vào trong mà cũng không tản mạn ra ngoài mới là ngồi thiền. Trước bao nhiêu tà kiến, bao nhiêu dị thuyết, bao nhiêu chuyện mê tín, hoang đường mà tâm không bị lay động, không bị mê hoặc, cám dỗ, xiêu lòng, vững tâm trong 37 phần trợ đạo, thế mới là ngồi thiền. Không khởi tâm đoạn trừ phiền não mà vẫn có Niết bàn, thế mới là ngồi thiền.

Ngồi được như thế thì đó là thứ thiền được Phật ngợi khen và ấn khả, thừa Ngài Xá Lợi Phất.

Bạch Thế Tôn! Ông Xá Lợi Phất thưa. Sau khi con nghe những lời như thế, con lặng người ra gần như sáng sốt, chẳng trả lời được với Ông Duy Ma Cật câu nào. Vì vậy con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh.

TRỰC CHỈ

1.- Thiền là pháp môn tu phổ biến trong đạo Phật.

Sau Phật Niết Bàn, giáo lý Phật bị phân hóa. Tùy căn cơ nhận thức, họ chia thành bộ phái. Từ bộ phái tiến tới chỗ lập tông chỉ riêng. Từ đó có cái từ “Tông phái”.

Lập trường của các Tông phái “Tiểu dị đại đồng”. Nghĩa là bên mặt hình thức thì mỗi tông phái có khác. Nhưng tất cả đều xử dụng chất liệu Thiền để phát huy hiệu quả trên đường thẳng tiến Bồ Đề vô thượng.

Tu mà không có Thiền giống như ăn cơm không có muối. Dù có được ăn, nhưng yếu đuối, èo uột, ngày chết chẳng còn xa.

Người thọ tam qui, ngũ giới cũng phải học Thiền. Có Thiền mới nhớ Phật, nhớ Pháp, nhớ Tăng. Có Thiền mới chặn đứng những sai trái mình sắp làm.

Tu Thập thiện nghiệp để hưởng phước báu người, Trời, cũng phải học Thiền, tham thiền.

- Sơ thiền, tham đề tài “Ly” cấp I.

- Nhị thiền, tham đề tài “ĐỊNH”.

- Tam thiên, tham đề tài “LY” cấp II.

- Tứ thiên, tham đề tài “XÃ”...

Đó là quá trình hành thiên của Thiên thừa Phật giáo.

Đề được A LA HÁN quả, thiên phải tích cực hơn nhiều. Phải thường xuyên liên tục để thu nhiếp tâm và làm chủ tự tâm. Vì vậy Ngài Xá Lợi Phất say sưa trong tinh tọa ở mé suối ven rừng. Ngài Duy Ma Cật có dịp gặp gỡ luận đàm thiên vị.

Ba mươi bảy phần trợ đạo là đề mục thiên của hàng Thịnh Văn tham tọa:

-TỨ NIỆM XÚ:

- 1.- Quán thân bất tịnh.
- 2.- Quán thọ thị khổ.
- 3.- Quán tâm vô thường.
- 4.- Quán pháp vô ngã.

- TỨ CHÁNH CĂN:

- 1.- Việc ác chưa sanh cố gắng ngăn chặn.
- 2.- Việc ác đã sanh cố gắng dứt trừ.
- 3.- Việc thiện đã sanh cố gắng phát triển.
- 4.- Việc thiện chưa sanh cố gắng phát khởi.

- TỨ NHƯ Ý TỨC:

- 1.- Mong muốn điều thiện.
- 2.- Tinh tấn làm thiện.
- 3.- Vui làm được việc thiện.
- 4.- Quyết tâm không rời việc thiện.

- NGŨ CĂN:

- 1.- Luôn bồi dưỡng đức tin Tam Bảo.
- 2.- Tinh tấn trên đường đạo

- 3.- Luôn nhớ Phật, Pháp, Tăng.
- 4.- Luôn bồi dưỡng định lực.
- 5.- Luôn bồi dưỡng và nâng cao trí tuệ.

- NGŨ LỰC:

- 1.- Tín tâm kiên cố.
- 2.- Tinh tấn kiên cố.
- 3.- Niệm tưởng kiên cố.
- 4.- Định tâm kiên cố.
- 5.- Tuệ giác kiên cố.

- THẤT GIÁC CHI:

- 1.- Trạch pháp.
- 2.- Tinh tấn.
- 3.- Hỷ.
- 4.- Khinh an.
- 5.- Niệm.
- 6.- Định.
- 7.- Xã.

- BÁT CHÁNH ĐẠO:

- 1.- Chánh kiến.
- 2.- Chánh tư duy.
- 3.- Chánh ngữ.
- 4.- Chánh nghiệp.
- 5.- Chánh mạng.
- 6.- Chánh tinh tấn.
- 7.- Chánh niệm.
- 8.- Chánh định.

Bồ Tát thừa thi hành Thiền và phát huy Thiền theo quá trình tiệm tiến qua Lục độ:

- LỤC ĐỘ: 1.- Bồ thí thiền.
- 2.- Trì giới thiền.
- 3.- Nhẫn nhục thiền.
- 4.- Tinh tấn thiền.
- 5.- Thiền định thiền.
- 6.- Trí tuệ thiền.

Năm độ trước thiền phát huy phước đức. Độ thứ sáu thiền phát huy trí tuệ, để Bồ Tát hoàn thành Phước Huệ song tu và chuẩn bị bước lên đỉnh cao Bồ Đề vô thượng.

Đến Phật quả gọi là Như Lai thiền.
Huyền Giác thiền sư nói:

“Đốn giác liễu Như Lai thiền
Lục độ vạn hạnh thể trung viên”

Bồ-Tát Duy Ma Cật luận về thiền và giới thiệu cho Ngài Xá Lợi Phất về Như Lai thiền ấy.

Như Lai thiền không nhất thiết phải “tọa” mới có “thiền”. Như Lai thiền đi, đứng, nằm, ngồi đều hiệu quả như nhau.

Thiền định có nghĩa “Tur duy tu”. Đối cảnh thì tư duy, có đề tài thì quán chiếu. Không luận đứng, đi, nằm, ngồi.

Thiền định còn có nghĩa là “Tĩnh lự”. Thiền giả “Tur lự” một đề tài trong lúc tâm thật yên tĩnh.

Một câu thoại đầu là một đề tài. Một công án là một đề tài. Thoại đầu công án là đề tài cũ sao chép của người xưa. Có đề tài lạc hậu không còn tác dụng trong thời hiện đại.

Thiền giả có thể sáng tác đề tài thiền trong mọi chốn nơi, ở mọi hoàn cảnh và mọi thời gian.

Rút lại, thiền là pháp tu phổ biến trong toàn bộ giáo lý Phật. Học kinh, luật, luận rồi phải hành thiền mới đem lại kết quả. Các tông: Thiền tông, Hoa Nghiêm tông, Pháp Hoa tông triển khai thiền thiên nặng về pháp tánh.

Duy Thức tông, Tam luận tông, Luật tông, Tịnh Độ tông, Chân ngôn tông triển khai thiền thiên nặng về pháp tướng.

Do vậy, chỗ ở của người tu sĩ Phật giáo được gọi “Thiền môn”.

II.- VẤN ĐỀ THUYẾT PHÁP

Đức Phật gọi Ông Đại Mục Kiền Liên bảo: “Mục Kiền Liên! Thầy hãy đến thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật”.

Ông Mục Kiền Liên thưa:

“Bạch Thế Tôn! Con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh Ông ấy. Bạch Thế Tôn! Trước đây có lần con đi vào thành Tỳ Da Ly. Trong một thôn xóm nọ, con vì một nhóm cư sĩ nói pháp cho họ nghe. Bây giờ trưởng giả Duy Ma Cật đến nói với con rằng:

1.- Thưa Ngài Mục Kiền Liên! Vì hàng bạch y cư sĩ nói pháp Ngài không nên nói những pháp như vậy. Phạm nói pháp phải nói pháp “NHƯ” của pháp. Bởi vì pháp không có tướng chúng sanh, xa lìa sự cấu nhiễm về chúng sanh. Pháp không có tướng thọ mệnh, xa lìa sanh tử ưu bi. Pháp không có tướng nhọn, vì thời gian trước và thời gian sau không phải là một. Pháp thường vắng lặng, vì dứt bật các tướng. Pháp ly tất cả tướng, vì nó không phải đối tượng sở duyên. Pháp không có tên, không có lời để gọi, vì ngoài sự nghỉ ngơi nói năng. Pháp không có gì để nói, vì nó ly các giác quán. Pháp không hình tướng, vì nó như hư không. Pháp không như trò giỡn, vì nó hoàn toàn rỗng lặng. Pháp không phải là ngã sở, vì nó rời ngoài ngã sở. Pháp không thể phân biệt, vì nó vượt ngoài sự nhận thức đánh giá. Pháp không có thể so sánh, vì nó không ở trong vòng đối đãi. Pháp không lệ thuộc vào nhọn, vì pháp tồn tại ở duyên. Pháp hoà đồng pháp tánh, vì nó dung nhập với pháp tánh. Pháp tùy thuận với pháp “Như”, vì nó không chỗ tùy. Pháp trụ nơi thật tế, vì pháp bất đồng với bên hữu bên vô, bên đoạn bên thường. Pháp không có giao động, vì nó không tương can với lục trần. Pháp không

có đến đi, vì pháp vốn là bất trụ. Pháp thuận với không, tùy vô tướng, hợp với vô tác. Pháp rời tốt xấu. Pháp không tăng nhiều, khônggiảm thiểu. Pháp không có chỗ qui thú, nó vượt qua nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân tâm. Pháp không có cao thấp, pháp thường trú bất động. Pháp xa lìa tất cả sự nghĩ ngợi và thi thố.

Thưa Ngài Mục Kiền Liên! Pháp như thế thì làm sao mà có thể nói được?

Luận đến chỗ cứu kính của vấn đề thuyết pháp thì người nói không nói gì hết, không phô bày gì hết. Người nghe không nghe gì hết và không được có một sở đắc nào. Ví như ảo thuật sư làm ra người ảo, người ảo lại nói chuyện ảo. Phải xác lập ý thức kiên định như thế rồi mới nên thuyết pháp.

2.- Còn nữa, thưa Ngài Mục Kiền Liên! Người thuyết pháp phải biết căn tánh của chúng sanh. Trước một hay nhiều đối tượng phải đọc thấy rõ ràng căn tánh của họ lợi hay độn, phải lấy tâm đại bi mà khen ngợi đại thừa. Phải nghĩ rằng thuyết pháp là truyền bá, duy trì cho ngôi Tam Bảo cửu trụ thế gian.

Thuyết pháp nhằm để báo đáp thâm ân Phật. Phải lập chí như vậy, rồi sau mới thuyết pháp.

Bạch Thế Tôn! Ông Mục Kiền Liên thưa. Sau khi trưởng giả Duy Ma Cật nói thời pháp đó, có 800 cư sĩ phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Bạch Thế Tôn! Con không được biện tài như thế, cho nên con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật.

TRỰC CHỈ

1.- Pháp có pháp tánh và pháp tướng. Pháp liễu nghĩa, pháp bất liễu nghĩa, pháp đại thừa, pháp tiểu thừa.

Về pháp tánh, khởi ý nghĩ đã sai. Mở lời nói không đúng. Bồ Tát Duy Ma Cật gọi thứ pháp tánh đó là pháp NHƯ.

Như có nghĩa là tự nó sao để vậy. Đừng nói càn đừng nghĩ ngợi. Vì nó ly tất cả. Ly văn tự, ly ngôn thuyết, ly tâm duyên.

Người nói được pháp tánh phải là người thành thạo diễn đạt nghĩa lý của chữ “BÁT” và “VÔ”.

Đại Mục Kiền Liên là Thanh văn chứng tánh chưa hiểu diệu lý: “...Chư pháp không tướng, BÁT sanh, BÁT diệt, BÁT cấu, BÁT tịnh, BÁT tăng, BÁT giảm...”

Chưa hiểu được: “VÔ sắc, VÔ thọ, VÔ tướng, VÔ hành, VÔ thức... VÔ nhân, nhĩ, tử, thiết, thân, ý...”

Người thể nhập diệu lý đó, khi thuyết pháp thường thuyết pháp NHƯ.

Bồ Tát Duy Ma Cật muốn Ngài Đại Mục Kiền Liên truyền đạt pháp Như cho mọi người. Có vậy, người nghe pháp mới được lợi ích lớn.

2.- Theo Bồ Tát Duy Ma Cật, nhìn đối tượng, nhận xét căn cơ là một chi tiết không thể thiếu của một vị pháp sư.

Phải quán cơ rồi mới nên thuyết pháp. Thuyết đúng đối tượng pháp đó mới đem lại lợi ích cho người nghe. Người nói thì đền đáp được thâm ân Phật.

III.- VẤN ĐỀ KHÁT THỰC

Đức Phật gọi Ông Đại Ca Diếp đến và bảo: “Đại Ca Diếp! Thầy hãy đến thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật, ông ấy đang có bệnh”.

Ông Ca Diếp thưa: “Bạch Thế Tôn! Con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh Ông Duy Ma Cật.

Bạch Thế Tôn! Vì con nhớ trước đây, một hôm nọ con đi khát thực trong một xóm nghèo, Ông Duy Ma Cật gặp và thuyết pháp cho con một thời pháp dài rằng: “Thưa Ngài Đại Ca Diếp, Ngài có tâm từ mà không phổ biến, chẳng bình đẳng đối với chúng sanh. Ngài chừa nhà giàu, tìm nhà nghèo để mà khát thực. Thưa Ngài Đại Ca Diếp! Hãy nên trụ ở pháp bình đẳng, khát thực theo thứ tự của xóm làng. Không phải vì ăn mà khát thực thì mới nên đi khát thực. Nhằm hoại diệt cái thân tướng hòa hiệp này mà nhận lấy thức ăn nắm vất đây. Phải xử dụng cái ý tưởng không thọ nhận, mới thọ nhận thức

ăn. Vào làng xóm, phải tưởng như đến chỗ không người. Thấy sắc mà như đui. Nghe thanh như nghe vang. Ngửi hương như hít gió. Nếm vị nhưng không phân biệt. Thọ xúc như tri chứng. Biết tướng của các pháp như huyền, xưa vốn không sanh cho nên nay không có diệt.

Còn nữa thưa Ngài Đại Ca Diếp! Có thể không cần rời bỏ bát tà mà được bát giải thoát. Ngay nơi tà pháp mà thể nhập chánh pháp. Một chút thức ăn có thể đem bố thí cho tất cả, có thể cúng dường chư Phật và các hiền thánh, sau đó mới đáng ăn!

Ăn bằng cách như vậy, sẽ không có phiền não cũng không rời phiền não. Không dụng ý nhập định cũng không dụng ý xả định. Không trụ thế gian cũng không trụ Niết Bàn. Người thí chủ không có phước lớn cũng không có phước nhỏ, không thêm công đức cũng chẳng mất công đức. Đây là con đường vào Phật thừa đạo chơn chánh, không chòn vòn khắp khênh ở cỗ xe bé bỏng của Thanh văn.

Thưa Ngài Đại Ca Diếp! Nếu được như thế mà ăn thì mới không luống uổng thức ăn của người thí chủ cúng dường”.

“Bạch Thế Tôn! Ông Ca Diếp thưa. Lúc con nghe bài pháp ấy rồi, con được cái chưa từng có. Ngay lúc đó con sanh tâm cung kính chư Bồ Tát một cách thân thiết chân thành. Vì con nghĩ rằng, ngoài địa vị Bồ Tát, không ai có thể có trí tuệ biện tài thâm diệu như thế. Thảo nào người nghe ai mà chẳng phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Từ đó về sau con không khuyên dạy ai học tu theo pháp Thanh văn, Bích chi Phật nữa. Vì lẽ đó con không kham lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật”.

TRỰC CHỈ

Khất thực là một hạnh trong mười hai hạnh đầu đà. Sống đời khất thực có thể phải đủ được từng phần phiền não, cởi mở được một ít mối manh ràng buộc.

Giàu nghèo là chuyện của xã hội, của chúng sanh, ai có phần nấy.

Nghèo không hẳn khổ. Biết đạo đức, sống tri túc, nghèo cũng có thể an vui hạnh phúc.

“Thanh bần thường lạc” là chuyện có thật.

Giàu không hẳn vui. Làm giàu bằng bất chánh, bất lương, bất nhân, bất nghĩa. Bên ngoài giàu, bên trong lo âu sợ sệt, đau khổ triền miên.
“Trọc phú đa ưu” là chuyện có thật.

Quan niệm giàu là người đầy đủ phước đức, được hưởng nhiều hạnh phúc là sai.

Quan niệm nghèo là kẻ đáng thương, cần giúp đỡ để cho họ được hưởng phần nào hạnh-phúc, cũng sai.

Người tu sĩ, nhìn bằng tuệ nhãn không đánh giá khổ vui qua hình thức sự nghiệp nghèo, giàu.
BÌNH ĐẲNG là tiêu chuẩn đo đạo đức và quả chứng của người đạo sĩ.

Từ vô lượng tâm của Phật thể hiện tiêu chuẩn đó.

Phải ban bố lòng từ bình đẳng như ánh sáng mặt trời chiếu xuống trần gian cho sanh linh vạn vật.

Nhằm tạo phước đức cho người nghèo, lòng từ đó có đối tượng, ví như ánh sáng của chiếc đèn “pin”.

Ý niệm năng độ, sở độ, hành vi năng thí, sở thọ còn, thì quả Bồ đề vô thượng hy vọng còn lâu.

Quan điểm khát thực của Bồ Tát, ăn là phụng, giáo hóa chúng sanh là chánh. Tạo phước cho chúng sanh là phụng, dạy cho chúng sanh thành Phật là chánh. Thuyết pháp cho chúng sanh là phụng, đoạn trừ vô minh phiền não cho mình là chánh. Dạy cho chúng sanh thành Phật là phụng, bồi dưỡng trí tuệ Phật cho mình là chánh.

Pháp liễu nghĩa thượng thừa không chủ trương cúng dường để được phước đức.

Cũng không chủ trương chú nguyện ban phước đức cho người cúng dường.

Chủ trương người thí, người nhận đều là “Xứng tánh khởi tu”, “Tùy thuận pháp tánh”.

Người thí và người nhận đều thành Phật. Đến đó mới đạt mục tiêu

IV.- LẠI ĐỀ KHÁT THỰC

Đức Phật gọi Ông Tu Bồ Đề bảo: “Hiện giờ trưởng giả Duy Ma Cật đang bị bệnh. Tu Bồ Đề! Thầy hãy đi thăm bệnh Ông ấy”.

1.- Ông Tu Bồ Đề thưa: “Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh Ông Duy Ma Cật. Bởi vì trước đây, có lần đi khát thực con ghé nơi nhà Ông, lúc bấy giờ Ông lấy bình bát của con sốt đây một bát com và nói với con rằng:

Thưa Ngài Tu Bồ Đề: người khát thực ở nơi vật thực có tâm bình đẳng, ở nơi các pháp cũng có tâm bình đẳng. Ngược lại, ở nơi các pháp có tâm bình đẳng, ở nơi vật thực cũng có tâm bình đẳng. Khát thực được như thế, người khát thực mới xứng đáng nhận lấy vật thực của người thí chủ cúng dường.

2.- Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Không cần đoạn trừ dâm nộ si, mà cũng tùy thuận với dâm nộ si. Không cần hủy hoại thân này mà vẫn tùy thuận tướng nhất (Nhất chơn pháp giới), không cần diệt si ái mà cũng có giải thoát. Ngay nơi tướng ngũ đạo mà được giải thoát. Không mở cũng không cột, không học hạnh Tứ đế, không phải không học hạnh Tứ đế. Không đắc quả, không phải không đắc quả. Không phải phạm phũ, không phải xa rời pháp phạm phũ. Không phải Thánh nhân, không phải không Thánh nhân. Dù thành tựu tất cả pháp mà rời ngoài cái tướng của tất cả pháp.

Được vậy, mới nên nhận lấy vật thực của người cúng dường.

3.- Còn nữa, thưa Ngài Tu Bồ Đề! Không cần tìm gặp Phật. Không cần nghe pháp Phật. Bọn lục sư ngoại-đạo: Phú Lô Na Ca Diếp, Mạc Già Lê Câu Xa Lê Tử, Xan Xà Dạ Tỳ La Chi Tử, A Kỳ Da Xí Xá Khâm Bà La, Ca La Câu Đà Ca Chiên Diên, Ni Kiên Đà Nhã Đề Tử... Bọn đó phải là thầy của Ngài. Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Ngài hãy y chỉ vào họ mà xuất gia. Họ đọa địa ngục Ngài cũng đọa theo. Được vậy mới xứng đáng thọ ỉn nhận vật thực của thí chủ cúng dường.

4.- Còn nữa, thưa Ngài Tu Bồ Đề! Cứ xông pha trong các thứ tà kiến, không cần tránh né để đến Niết Bàn. Phải ở ngay trong bát nạn, không được không nạn. Nhập cuộc với phiền não, xa lìa pháp thanh tịnh đi. Ngài được Tam

muội vô tránh, tất cả chúng sanh cũng được Tam muội đó. Người thí chủ của Ngài không được gọi là gieo giống phước điền, kẻ cúng dường Ngài đọa trong ba đường ác. Họ là một cánh tay của bọn ma khuấy rối. Ngài cùng các bọn ma và các trần lao không hơn kém. Đối với tất cả chúng sanh phải có tâm oán. Chê báng Phật, hủy mạ pháp, không làm Tăng và không cần Niết Bàn. Nếu Ngài được như thế thì mới xứng đáng nhận lấy vật thực cúng dường.

Bạch Thế Tôn! Ngài Tu Bồ Đề thưa: Khi nghe những điều đó tâm trí con mờ mịt, không còn biết phải nói lời gì, và không biết phải đối đáp ra sao. Con bèn để bình bát xuống và muốn mau được đi khỏi nhà Ông Duy Ma Cật. Như đoán được ý con, Ông Duy Ma Cật nói tiếp:

Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Ngài cứ nhận lấy bát cơm đi, đừng sợ. Ngài nghĩ thế nào? Giả như đức Như Lai hóa hiện ra một người, đem những điều như thế đàm luận với Ngài thì Ngài có sợ chẳng...?

- Không sợ. Bạch Thế Tôn! Con đáp như thế.

Ông Duy Ma Cật lại nói tiếp:

Tất cả các pháp như huyễn, như hóa, Ngài không nên có ý sợ sệt. Tất cả ngôn thuyết cũng là huyễn hóa. Bậc trí giả không dính mắc văn tự cho nên không có gì, vì tánh của văn tự vốn không. Hiểu được rằng văn tự vốn không có tánh thì người đó được giải thoát. Vì cái tướng giải thoát chính là tướng các pháp vậy.

Bạch Thế Tôn! Ông Tu Bồ Đề thưa. Sau khi Trưởng giả Duy Ma Cật nói thời pháp ấy rồi, có hai trăm vị thiên tử được pháp nhãn thanh tịnh. Do vậy, con không kham lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh Ông Duy Ma Cật.

TRỰC CHỈ

1.- Ngài Đại Ca Diếp khát thực bỏ nhà giàu, tìm nhà nghèo đã sai. Ngài Tu Bồ Đề bỏ nhà nghèo, tìm khát thực nhà giàu lý lẽ cũng không đúng.

Bỏ giàu tìm nghèo, biểu lộ tánh chấp trong việc làm. Bỏ nghèo tìm giàu, biết đâu đó là thứ chứng bệnh phổ biến của chúng sanh.

Dù là tánh chấp hay là chứng bệnh cũng là cái không nên có của một đạo sĩ.

Phải vận dụng tâm BÌNH ĐẲNG, thực hiện tứ vô lượng tâm, đi con đường “Trung đạo” noi dấu chân Phật mà đi.

Giàu nghèo là chuyện của chúng sanh, người đạo sĩ không tham dự lo cái lo đó.

Người đạo sĩ có cái lo riêng, kể từ lúc thế phát xuất gia hành đạo.

“...Nội cần khắc niệm chi công. Ngoại hoảng tránh chi đức”.

Đó là mối lo chánh đáng của một đạo sĩ.

2.- Thâm ngộ “Thật tướng” là vấn đề then chốt đối với một đạo sĩ.

Không thâm ngộ “Thật tướng” dù có nói ”tu” thế này, “Đoạn” thế kia “Trừ” như thế nọ chỉ là hí luận.

“Bất cầu vọng tướng bất cầu chơn”.

Thâm nhập thật tướng, người đạo sĩ đối diện với tất cả, không né tránh, không trốn chạy, không dụng công Đoạn, không gắng sức Trừ...

3.- Gặp Phật qua 32 tướng tốt; gặp Phật qua giọng thuyết pháp hay, chưa hẳn đã gặp được Phật Như Lai.

Gặp Như Lai Viên giác Diệu tâm mới thật gặp được Phật và mới nghe được pháp Phật.

V.- LẠI VẤN ĐỀ THUYẾT PHÁP

Đức Phật gọi Ông Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử đến bảo:

“Phú Lô Na! Ông hãy đi thăm bệnh Trưởng giả Duy Ma Cật”.

Ông Phú Lô Na thưa: Bạch Thế Tôn! Con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh Ông ấy.

Bạch Thế Tôn! Trước đây vào một hôm nọ, con ở trong khu rừng đại lâm, cùng với một số tân học Tỳ Kheo ngồi dưới bóng mát của một cây cổ thụ. Lúc con đang thuyết pháp dạy cho số Tỳ Kheo tân học, tình cờ Trưởng giả Duy Ma Cật đến, nói với con:

Thưa Ngài Phú Lô Na! Trước hết Ngài phải nhập định quán xét tâm tánh của các vị Tỳ Kheo, rồi sau đó hãy thuyết pháp.

Thưa Ngài Phú Lô Na! Ngài không nên đem thức ăn thiêu bản mà đựng trong chén ngọc đĩa vàng. Ngài phải biết ý niệm của các vị Tỳ Kheo đang nghĩ tưởng gì, nhiên hậu sẽ thuyết pháp. Không nên xử dụng một thứ nhìn đồng nhất rồi cho rằng lưu ly và thủy tinh là một. Ngài chưa biết căn cơ chủng tánh của chúng sanh thì đừng đem pháp tiểu thừa mà dạy cho họ. Họ vốn không có ghé, đừng làm cho lở loét một con người. Họ muốn đi đại lộ, đừng chỉ cho họ ngõ hẹp quanh co. Ngài đừng đem nước biển đựng vào đầu chân trâu. Đừng lấy ánh sáng mặt trời mà đọ với ánh lập lòe của đom đóm.

Thưa Ngài Phú Lô Na! Các vị Tỳ Kheo ấy đã phát tâm đại thừa từ lâu, khoảng giữa họ quên đi tâm ý đó. Tại sao Ngài lấy pháp tiểu thừa hướng dẫn cho họ làm chi? Tôi nghĩ rằng thứ trí tuệ của hàng tiểu thừa nhỏ nhen, cạn cợt chẳng khác người đui. Họ không thể phân biệt được ai độn căn, ai lợi căn trong số chúng sanh, tâm họ vốn còn trong trắng. Bây giờ Ông Duy Ma Cật liền nhập tam muội truyền một lực tĩnh tâm khiến cho các vị Tỳ Kheo kia tự biết túc mệnh của mình: Rằng họ đã từng trông sâu gốc rễ phước ở 500 đức Phật từ thuở xa xưa.

Mọi người tự xoay về quả vô thượng chánh đẳng chánh giác. Thoạt nhiên họ liền trở lại tâm đại thừa vốn có. Lúc bấy giờ các vị Tỳ Kheo ấy đánh lễ dưới chân Ông Duy Ma Cật.

Sau thời pháp của Trưởng giả Duy Ma Cật, các vị Tỳ Kheo ấy không còn thoái chuyển đối với ngôi vị vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Ông Phú Lô Na thưa. Qua sự kiện đó con suy nghĩ rằng hàng Thanh văn không thể quán xét căn tánh của người thì không nên thuyết pháp. Do vậy, hôm nay con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh Ông Duy Ma Cật!

TRỰC CHỈ

Như ta đã biết. Pháp có pháp liễu nghĩa và bất liễu nghĩa. Có pháp Đại thừa và Tiểu thừa. Có pháp cứu cánh và pháp phương tiện.

Thế nên thuyết pháp cần phải quán căn cơ, nhìn đối tượng.

Hỏi tại thế, đức Phật thường vận dụng “Tứ tất đàn” mỗi khi thuyết pháp. Do vậy, pháp Phật có ngũ thừa.

Ngài Phú Lô Na thuyết pháp không phải sai pháp, nhưng sai đối tượng.

Sai đối tượng người nghe không có kết quả, pháp đúng trở thành sai.

Chiếc áo trắng khi đã nhúng chàm, chiếc áo sẽ không còn nhuộm màu đẹp hơn được nữa.

Nhuộm tâm hồn người ta bằng màu sắc tiểu thừa là làm bẩn một tâm hồn trong trắng.

Cầu thần, khấn quỷ, van cô, lạy cậu, truyền bá thứ đức tin đó lại càng tệ lậu hơn nhiều. Người trí gọi đó là mê tín.

Người ta có khả năng đi đại lộ, không nên chỉ ngõ hẻm quanh co. Chỉ sai đường làm chận trễ bước tiến của người đi, ơn không ra ơn mà có thể còn là một cái tội.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh thì tất cả chúng sanh đều có chủng tánh Đại thừa. Được hướng dẫn bằng pháp Đại thừa thì hạt giống Đại thừa sẽ phát triển.

Tu mà cầu phước báu là chưa biết giáo lý Phật.

Được quả A La Hán là phước báu ư? Được Niết Bàn an lạc là phước báu ư? Thành Phật là phước báu ư? Nói bậy!

Bồ Đề, Niết Bàn là tự tánh vốn có của mọi người. Ở địa vị Thanh văn nó không tăng thêm, ở phàm phu nó không giảm bớt.

Nước trong trắng hiện, mây đen tan trời xanh hiện, phiền não vô minh hết, Phật tánh hiện.

Tất cả quả vị “Chứng đắc” không ai ban cho. Bồ Đề, Niết Bàn không do Phật thưởng.

Nói phước báu là nhằm dẫn dụ những người sơ cơ. Đó là phương tiện ở trong phương tiện.

Trâu sắt không sợ tiếng rống của sư tử. Người nộm không có ý bắt chim sẻ. Thế nhập thật tướng còn ngu si đâu nữa để kỳ thị với bọn ngoại đạo lục sư.

Ngũ uẩn thân hợp tan như mây nổi. Tham, sân, si chìm nổi như bọt bèo. Thì ai tạo nghiệp, ai chịu khổ?

4.- Không đoạn vọng, chẳng cầu chơn. Vì vọng chơn cả hai đều vọng.

Ở trong nước dùng nhọc công kiếm nước. Đứng trên non chớ phí sức tìm non.

Ở trong phiền não mà nhận lấy Bồ Đề. Ở trong sanh tử thọ hưởng Niết Bàn tự tại.

Được như thế, người đạo sĩ xứng đáng nhận lấy thức ăn. Và mục đích khát thực mới đạt yêu cầu.

VI.- THUYẾT PHÁP YẾU

Đức Phật gọi Ông Ca Chiên Diên bảo: “Ca Chiên Diên! Thầy hãy đi thăm bệnh Trưởng giả Duy Ma Cật”.

1.- Ông Ca Chiên Diên thưa: “Bạch Thế Tôn! Trước kia con đã từng được nghe Phật nói pháp yếu cho các Tỳ kheo. Hôm nọ con cùng các Tỳ Kheo hội họp lại, con bèn trùng tuyên diễn nói lại về ý nghĩa vô thường, khổ ,không, vô ngã và tịch diệt...Lúc bấy giờ Trưởng giả Duy Ma Cật đến, nói với con rằng:

2.- Thưa Ngài Ca Chiên Diên! Ngài không nên dùng tâm hành sanh diệt mà nói pháp thật tướng. Thưa Ngài, các pháp không sanh không diệt, đó là

nghĩa vô thường. Ngũ âm rỗng không, không có điểm sanh khởi, đó là nghĩa khổ. Các pháp rỗng ráo không, không có nguồn gốc, đó là nghĩa không. Ngã và vô ngã không hai, đó mới là nghĩa vô ngã. Các pháp xưa không sanh, nay không diệt, đó là nghĩa tịch diệt.

Sau khi Ông Duy Ma Cật diễn nói về những pháp yếu đó, các Tỳ Kheo tâm được cởi mở. Vì vậy hôm nay con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh Trưởng giả Duy Ma Cật”.

TRỰC CHỈ

Học Phật phải tập nhìn vạn pháp qua hai mặt. Thuyết pháp cũng vậy.

Pháp có pháp tánh và pháp tướng. Chưa ngộ nhập “thật tướng”, chỉ nói được pháp tướng. Thể nhập thật tướng mới được pháp tánh.

Thấy cái ta thật có, cho nên thấy cái ta vô ngã.

Muốn ngã và ngã sở trường cửu nên thấy vạn pháp giai không.

Thấy phiền não là thật, cho nên thấy tịch diệt Niết Bàn.

Vô thường, khổ, không, vô ngã, tịch diệt, Ông Ca Chiên Diên càng diễn giải tỉ mỉ chi ly, càng chứng tỏ tâm Ông bị dính mắc càng nhiều.

Thật tướng vạn pháp là CHƠN THƯỜNG. Vì các pháp sanh không thật sanh. Các pháp diệt không thật diệt. Sanh diệt là hiện tượng tùy duyên, nhìn bên mặt pháp tướng. Không sanh không diệt là thật tướng các pháp nhìn bên mặt pháp tánh.

Vì thật tướng “VÔ” tướng.

Vì thấy vạn pháp sanh diệt VÔ THƯỜNG cho nên KHỔ.

Vì thấy VÔ THƯỜNG, KHỔ cho nên thấy vạn pháp KHÔNG.

Vì thấy VÔ THƯỜNG, KHỔ, KHÔNG, cho nên thấy vạn pháp VÔ NGÃ.

Vì thấy VÔ THƯỜNG, KHỔ, KHÔNG, VÔ NGÃ, cho nên thấy TỊCH DIỆT NIẾT BÀN cầu mong chứng đắc.

Nhìn qua cái nhìn pháp nhãn của Thanh văn là thế.

Nhận biết thật tướng vạn pháp không sanh diệt, cho nên biết vạn pháp THƯỜNG.

Vì biết vạn pháp THƯỜNG, cho nên có CHƠN LẠC.

Vì biết vạn pháp CHƠN THƯỜNG, CHƠN LẠC, cho nên có CHƠN NGÃ.

Vì biết vạn pháp CHƠN THƯỜNG, CHƠN LẠC, CHƠN NGÃ, cho nên có CHƠN TỊNH.

Với tuệ nhãn của Bồ Tát thì vạn pháp CHƠN THƯỜNG, CHƠN LẠC, CHƠN NGÃ, CHƠN TỊNH.

Nhìn vạn pháp CHƠN THƯỜNG, CHƠN LẠC, CHƠN NGÃ, CHƠN TỊNH thì NIẾT BÀN TỊCH DIỆT còn dùng vào đâu mà cầu mong “chứng” với “đắc”.

Nhằm xiển dương “thật tướng vô tướng” của các pháp, Bồ Tát Duy Ma Cật tung đòn “đổi trị tất đàn” để khùng bố tư tướng tiêu thừa của Ông Ca Chiên Diên:

“Các pháp không sanh không diệt là VÔ THƯỜNG”.

“Ngũ uẩn giai không là KHỔ”

VII.- VẤN ĐỀ THIÊN NHÃN

Đức Phật gọi Ông A Na Luật bảo: “A Na Luật! Thầy hãy đi thăm bệnh Trưởng giả Duy Ma Cật”.

Ông A Na Luật thưa: “Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh Trưởng giả Duy Ma Cật. Bởi vì con nhớ một hôm nọ, con đang kinh hành, bấy giờ có vị Phạm Vương tên là Nghiêm Tịnh và hàng ngàn Phạm Vương khác phóng hào quang đến chỗ con, dập đầu làm lễ và hỏi con rằng:

- Thưa Ngài A Na Luật! Thiên nhãn Ngài chứng được có thể quan sát thấy được bao xa?

Bạch Thế Tôn! Con trả lời với Phạm Thiên Vương rằng: “Thiên nhãn của tôi trông thấy cõi Tam thiên Đại thiên thế giới của đức Phật Thích Ca như xem trái quít để trên bàn tay”.

Bạch Thế Tôn! Lúc bấy giờ Trưởng giả Duy Ma Cật đến hỏi con:

Thưa Ngài A Na Luật! Thiên nhãn của Ngài khi thấy có khởi tướng tác ý hay không có tác ý? Giả sử có khởi tướng tác ý thì giống như cái thấy của bọn người ngoại đạo được ngũ thông. Còn như không khởi tướng tác ý là vô vi, lẽ ra không có thấy.

Bạch Thế Tôn! Lúc đó con chẳng biết nói gì, đành im lặng. Các Phạm Thiên thì được sự khinh an chưa từng có. Họ bèn làm lễ Ông Duy Ma Cật và hỏi:

- Thưa Trưởng giả! Trên đời này có ai là người được chơn thiên nhãn?

Ông Duy Ma Cật đáp: Chỉ có Phật Thế Tôn là người được chơn thiên nhãn, thường ở trong chánh định và thấy tất cả cõi nước chư Phật không có tướng hai.

Bấy giờ Nghiêm Tịnh Phạm Vương và năm trăm Phạm Thiên Vương quyền thuộc đều phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Tất cả lễ lạy dưới chân Ông Duy Ma Cật và thoát nhiên biến mất.

Vì duyên có đó, con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh Trưởng giả Duy Ma Cật.

TRỰC CHỈ

“Nhục nhãn ngại phi thông
Thiên nhãn thông phi ngại
Pháp nhãn quan nhất thể
Tuệ nhãn liễu tri không
Phật nhãn thể dụng đồng”.

Thiên nhãn của Ngài A Na Luật do tu chứng.
Thiên nhãn của các Phạm Vương do quả báo.
Thiên nhãn của Chư Thiên do “báo đắc”, xử dụng tự nhiên, không cần tác tướng.

Thiên nhãn của Ngài A Na Luật do “chứng đắc”, khi sử dụng có tác tướng.

Tác tướng tức là khởi ý dụng công.

Dù báo đắc hay chứng đắc, thiên nhãn vẫn là thiên nhãn.

Biết rộng là tối cần, thấy xa chưa quan trọng

Thấy dễ mà thấy. Dù thấy gần thấy xa cũng vậy thôi.

Thấy và biết toàn diện, thấy biết tận nguồn gốc vạn pháp, đó là CHON THIÊN NHÃN.

Với CHON THIÊN NHÃN nhìn pháp giới “bất nhị” không có tướng hai.

“Cần phải tu học, nhìn pháp giới không có tướng hai” ấy.

Dem thiên nhãn “chứng đắc” so sánh với thiên nhãn “báo đắc” rốt cuộc chỉ là hý luận.

Mừng rằng mình được thiên nhãn! Hãy coi chừng! Ngày trở thành ngoại đạo tà kiến không xa.

VIII.- GIẢNG LUẬT

Đức Phật gọi Ông Ưu Ba Ly bảo: “Ưu Ba Ly! Thầy hãy đi thăm bệnh Trưởng giả Duy Ma Cát”.

Ông Ưu Ba Ly thưa: “Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh Ông Duy Ma Cát.

Bạch Thế Tôn! Còn nhớ một lần nọ có hai vị Tỳ Kheo lỡ phạm luật hạnh, họ lấy làm xấu hổ không dám đem việc ấy ra thưa với Phật mà đến hỏi con rằng:

Thưa Ngài Ưu Ba Ly! Hai chúng tôi đã lỡ phạm luật hạnh, chúng tôi lấy làm xấu hổ, không dám đến thưa với Phật. Vậy xin Ngài hãy chỉ giáo cho chúng tôi phải làm gì để xóa hết được cái lỗi ấy.

Bạch Thế Tôn! Ông Ưu Ba Ly thưa. Con liền như Luật mà giải đáp rằng: Tứ khí thì tấn xuất. Tội tăng tàn thì bất cộng trú...

Bấy giờ Ông Duy Ma Cật đến bảo con rằng: Thưa Ngài Ưu Ba Ly! Ngài đừng làm tăng tội cho hai vị Tỳ Kheo kia. Hãy dừng ngay cách phán xử luật nghi của Ngài đi! Thưa Ngài Ưu Ba Ly! Tánh của tội không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Đức Phật đã từng dạy: Tâm cầu cho nên chúng sanh cầu. Tâm tịnh thì chúng sanh tịnh. Tâm cũng không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Tâm vốn đã NHƯ, tội cầu cũng NHƯ và các pháp cũng NHƯ. Tất cả không vượt ngoài tánh NHƯ. Cũng như Ngài trong khi Ngài xử dụng cái tướng của tâm giải thoát, vậy lúc đó tâm Ngài còn có cầu không?

- Không. Bạch Thế Tôn! Con đáp như thế.

Ông Duy Ma Cật giảng tiếp: “Tâm của tất cả chúng sanh cũng giống như vậy, vốn không có tướng cầu. Vọng tưởng là cầu, không vọng tưởng là tịnh. Điên đảo là cầu, không điên đảo là tịnh. Chấp ngã là cầu, không chấp ngã là tịnh.

Thưa Ngài Ưu Ba Ly! Tất cả pháp sanh diệt cũng dừng, như huyền hóa, như điện chớp không có chờ nhau, cho đến trong một niệm cũng không có trụ. Các pháp đều do vọng thấy như chiêm bao, như ngân nước giữa cơn nắng gắt, như trăng đáy nước, như bóng trong gương. Tất cả đều do vọng tưởng sanh ra. Người nào biết kỹ những việc đó mới là người trì luật chơn chánh. Người nào hiểu rõ những điều đó mới là người luận giải luật đúng ý Phật.

Bạch Thế Tôn! Ông Ưu Ba Ly thưa. Sau giây phút lãnh hội pháp ngữ hùng hồn siêu việt của Ông Duy Ma Cật, hai vị Tỳ Kheo bèn tán thán: Ôi! thượng trí thay! Ngài Ưu Ba Ly không bằng được.

Đây mới là người trì luật tối thượng. Đây mới là người luận giải luật đệ nhất. Tuyệt diệu thay! Không còn ngôn từ tán thán cho vừa.

Bạch Thế Tôn! Ông Ưu Ba Ly thưa. Lúc đó con cũng cảm kích và xúc động. Con nghĩ rằng: Ngoài đức Như Lai ra, chưa có một vị Thanh Văn, Bồ Tát

nào có biện tài lạc thuyết vô ngại của một bậc trí tuệ thông đạt tuyệt luân như vậy.

Bạch Thế Tôn! Khi bấy giờ hai vị Tỳ Kheo kia dứt trừ mọi hoang mang sợ sệt và đồng mãnh phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì duyên có đó, con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh Ông Duy Ma Cật.

TRỰC CHỈ

Tội lỗi không có tánh cố định. Cũng như phiền não vô minh không có tánh cố định.

Lỡ làm sai, biết là sai thì tội đã tự giảm khinh. Biết tội sanh tâm hổ thẹn, tội đó phải được xem như hết.

“Tội tánh bản không”.

Tội không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Tâm tạo tội cũng không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa.

“Tội tòng tâm khởi tòng tâm diệt”.

Tâm cũng NHƯ. Tội cũng NHƯ. Vạn pháp cũng NHƯ. Giải thoát cũng NHƯ.

Tìm tâm trong ba thời, không có: Tâm NHƯ.

Tìm tội trong ba thời, không có: Tội NHƯ.

Tìm pháp trong ba thời, không trụ: Pháp NHƯ.

Tìm tướng giải thoát trong ba thời, không có: Giải thoát NHƯ.

NHƯ tức là NHƯ NHƯ, cũng tức CHƠN NHƯ. Muốn đánh đổ phá hoại, không phá hoại được. Muốn xây dựng bồi bổ, không bồi bổ được. NHƯ là tánh viên mãn tự nhiên, tánh ly ngôn thuyết.

Tất cả pháp sanh diệt không dừng, như huyễn như hóa. Tội cấu cũng như vậy.

Không linh hoạt trong nguyên tắc: KHAI, TRÌ, GIÁ, PHẠM vô tình tăng tội cho người thêm nặng.

IX.- VẤN ĐỀ XUẤT GIA

Bấy giờ đức Thế Tôn gọi La hâu La bảo: “La Hâu La! Thầy nên đi thăm bệnh Trưởng giả Duy Ma Cật”.

Ông La Hâu La thưa: “Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh trưởng giả! Bởi vì trước đây có lần các trưởng giả tử trong thành Tỳ Da Ly đến chỗ con, cúi đầu làm lễ và hỏi con rằng:

- Thưa Ngài La Hâu La! Ngài là con của Phật, Ngài bỏ địa vị chuyển luân thánh vương đi xuất gia hành đạo. Vậy xin hỏi việc xuất gia đó có được lợi ích gì?

Bạch Thế Tôn! Con vì các trưởng giả tử, nói rõ những cái lợi và công đức của việc xuất gia. Bấy giờ Ông Duy Ma Cật đến nói với con rằng:

1.- Thưa Ngài La Hâu La! Ngài không nên nói về cái lợi và cũng không nên nói về công đức của việc xuất gia. Vì sao? Bởi vì không có lợi, không có công đức mới xuất gia. Bởi vì xuất gia thuộc về pháp vô vi. Pháp vô vi không có lợi và không có công đức.

Thưa Ngài La Hâu La! Luận về xuất gia là không kia, không đây. Không có cái giữa. Rời sáu mươi hai thứ kiến chấp mà ở chỗ Niết Bàn. Là việc của người trí cảm nhận, bậc thánh thường hành. Hàng phục các ma. Cứu độ ngũ đạo. Thanh tịnh ngũ nhãn. Thành tựu ngũ lực. Làm chủ ngũ căn. Không nào hại người. Xa lìa xấu ác. Đẹp các ngoại đạo. Vượt khỏi các giả danh. Ra khỏi bùn lầy phiền não. Không có người buộc. Không có ngã sở hữu. Không có cái sở thọ. Lòng không khát vọng. Giữ ý an vui. Thuận theo thiên định. Xa rời các lỗi lầm. Nếu được như thế, chính là chơn xuất gia.

Tiếp theo Ông Duy Ma Cật nói với các trưởng giả tử:

2.- “Các vị hãy ở trong chánh pháp và nên xuất gia trong chánh pháp. Bởi vì người sanh ra trong đời gặp được Phật rất là khó”.

Các trưởng giả tử nói:

- Thừa cư sĩ! Chúng tôi nghe Phật nói rằng, nếu cha mẹ không cho thì không được xuất gia.

- Đúng vậy! Ông Duy Ma Cật đáp: Nhưng các trưởng giả tử đừng lo! Khi nào các vị phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác thì chính lúc đó được xem như xuất gia rồi và đã thọ giới cụ túc rồi!

Khi bấy giờ có 32 vị trưởng giả phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Vì duyên có ấy, con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh!”.

TRỰC CHỈ

Xuất gia mục đích không phải vì lợi, cũng không phải vì công đức.

Lợi và công đức, chỉ đề nói với người có trí bậc hạ và bậc trung. Bậc thượng trí vừa nghe, đã biết sai từ căn bản.

1.- Xuất gia là ra khỏi nhà tam giới, nhà phiền não, tham, sân, si, mạn. Mục đích tối hậu là đến bảo sở Bồ Đề, Niết Bàn vô thượng.

Xuất gia là pháp vô vi. Không được nói lợi, không được đề cập công đức.

Xuất gia là việc của người trí cảm nhận, của bậc Thánh thường hành.

2.- Xuất gia là quý. Phải xuất gia theo chánh pháp, sống đúng chánh pháp. Đó là:

“Thân xuất gia, tâm xuất gia”.

Xuất gia đúng chánh pháp, sống không đúng chánh pháp. Đó là:

“Thân xuất gia, tâm không xuất gia”.

Các trưởng giả tử chưa có điều kiện xuất gia hãy phát tâm cầu vô thượng Bồ Đề.

Kể từ phút phát tâm, xem như xuất gia rồi, thọ cụ túc giới rồi. Đó là:

“Tâm xuất gia, thân không xuất gia”.

X.- NHƯ LAI BỆNH

Đức Phật gọi Ông A Nan và bảo: “A Nan! Thầy hãy đi thăm bệnh Trưởng giả Duy Ma Cật!”.

1.- Ông A Nan thưa: “Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh trưởng giả. Bởi vì trước đây, có lần Như Lai trong người hơi có chút bệnh, phải cần dùng sữa. Con mang bình bát đến đứng trước nhà của một đại Bà La Môn để xin. Bấy giờ, Trưởng giả Duy Ma Cật đến nói với con rằng:

- Thưa Ngài A Nan! Ngài làm gì mang bình bát đến đứng ở đây sớm thế?

Con đáp rằng:

- Như Lai trong người hơi có bệnh, cần phải dùng sữa, tôi đến đây hóa duyên xin sữa cho Như Lai.

Ông Duy Ma Cật nói:

- Thôi! Thôi! A Nan! Ngài đừng nói như vậy. Thân Như Lai là thân Kim Cang, các xấu ác đã hết, chứa nhóm tất cả công đức thiện, nào có bệnh tật, nào hại gì?

Hãy im! và đi đi! Ngài nói như vậy là phỉ báng Như Lai đó. Đừng để cho người ngoài họ nghe được những lời bất kính đó! Đừng để cho các hàng chư Thiên đại oai đức và các Bồ Tát ở các cõi Tịnh độ khác nghe được những lời ấy!

2.- Thưa Ngài A Nan! Chuyển Luân Thánh Vương chỉ có phước đức chút ít mà còn không bệnh, huống chi Như Lai là thân Kim Cang hội tụ vô lượng phước đức!

Hãy đi đi, Ngài A Nan! Đừng để chúng tôi phải chịu sự xấu hổ đó! Hàng ngoại đạo Phạm Chí họ nghe được những điều đó, họ sẽ nghĩ gì về một bậc thầy của chúng ta!

Bản thân một vị thầy có bệnh mà không thể tự cứu thì làm sao cứu bệnh cho ai? Ngài hãy âm thầm đi nhanh đi. Đừng để lộ ra cho người ngoài nghe biết!

A Nan! Ngài nên biết rằng: Thân của Như Lai là pháp thân, không phải thân do tư dục. Phật là bậc Thế Tôn vượt ngoài tam giới. Thân Phật vô lậu, vì các lậu đã hết. Thân Phật vô vi, không đối đãi với các số. Thân như thế thì còn có bệnh gì?

- Bạch Thế Tôn! Ông A Nan thưa. Lúc đó con rất là xấu hổ. Nghĩ rằng con được hầu bên Phật há lại nghe lầm ư? Liền đó, con tư nghe có tiếng trong không trung vọng đến: A Nan! Lời cư sĩ như thế là đúng, nhưng vì Phật xuất hiện trong đời ngũ trược ác thế thị hiện ra việc làm như vậy nhằm hoá độ chúng sanh. A Nan! Ông hãy đi xin sữa, đừng có hổ thẹn!

Bạch Thế Tôn! Ông A Nan thưa. Ông Duy Ma Cật có sức trí tuệ biện tài vô ngại như thế, con không dám lãnh trách nhiệm đến thăm bệnh.

Ngoài mười vị đại đệ tử Thanh Văn này, còn có năm trăm vị nữa ở trước Phật đến trình bày duyên cớ đã từng gặp Ông Duy Ma Cật trước kia.

Tất cả đồng xưng tán Trưởng giả Duy Ma Cật và đồng thưa lên Phật, rằng không dám đi thăm bệnh.

TRỰC CHỈ

1.- Người Thanh Văn xử dụng “pháp nhãn” nhìn vạn pháp chỉ thấy được pháp tướng.

Bồ Tát nhìn vạn pháp bằng “tuệ nhãn”, biết suốt căn nguyên, thấy tốt pháp tánh.

Nhìn pháp chỉ thấy “pháp tướng” thì nhìn Phật chỉ thấy “Phật tướng”.

Thấy “Phật tướng” thì rõ ràng Phật có bệnh, Ông A Nan đi xin sữa là phải.

Nếu chỉ biết có “Phật tướng”, tu sĩ dễ lạc “tà đạo” không biết được Như Lai Phật.

2.- Phải thâm nhập ngộ pháp tánh, mới nhận thức rõ pháp thân.

Pháp thân Phật là “bản thể ” của ứng thân Phật.

Ứng thân Phật là “tướng dụng” của pháp thân.

Pháp thân biến nhất thiết xứ. Là thể bất sanh, bất diệt, vô thi, vô chung.

Nhìn bằng tuệ nhãn sẽ thấy pháp thân Phật không hề có bệnh.

Phải hiểu Phật qua pháp thân mới thật hiểu Phật.

Ứng hóa thân chỉ là công cụ phương tiện của Như Lai.

Nói là: “tiếng vọng trong không trung” người trí phải hiểu đó là “tiếng lòng” phản tỉnh của Ông A Nan qua những giây phút tiếp thu hơi ấm lửa Đại thừa. Người khơi dậy ngọn lửa trong đống tro tàn là Ông Duy Ma Cật.

Trở về với “pháp tướng” nhớ “Phật tướng” ở tịnh xá mà Ông A Nan phải tiếp tục đi xin sữa cho Phật dùng!

CHƯƠNG THỨ TƯ : BỒ TÁT

I.- VẤN ĐỀ THỌ KÝ

Bấy giờ đức Phật gọi Bồ Tát Di Lặc bảo: “Di Lặc! Ông hãy đi thăm bệnh Trưởng giả Duy Ma Cật!”

Bồ Tát Di Lặc thưa: “Bạch Thế Tôn! Con không kham nhận trách nhiệm đi thăm bệnh trưởng giả! Bởi vì trước đây, trong một hôm nọ con vì Đâu Suất Thiên Vương và một số chư Thiên quyền thuộc, dạy cho họ về hạnh bất thối chuyển đối với quả vô thượng Bồ Đề. Bấy giờ Ông Duy Ma Cật đến bảo con rằng:

- Thưa Ngài Di Lặc! Thế Tôn thọ ký cho Ngài một đời sẽ thành vô thượng Bồ Đề; vậy Ngài định dùng đời nào, khi Ngài nhận sự thọ ký ấy? Đời quá khứ? Đời hiện tại? Hay đời vị lai u? Nếu đời quá khứ thì đã qua rồi! Đời vị

lai thì chưa đến! Đòi hiện tại? Có hiện tại nào lại không vận động biến chuyển? Có hiện tại nào tồn tại cố định? Đức Phật đã thường dạy: “Này các thầy Tỳ Kheo! Ngay bây giờ, các thầy vừa có sanh, vừa có lão, vừa có diệt vong!” Hay là Ngài định xử dụng cái vô sanh mà cho rằng được thọ ký ư? Nói đến vô sanh tức là chánh vị. Đã là chánh vị thì không có vấn đề thọ ký và cũng không có cái gọi là “được” quả vô thượng Bồ Đề. Thế thì làm sao Ngài Di Lặc lại “được thọ ký” một đời? Hay là Ngài dựa theo đời của chân như sanh mà được thọ ký? Hay là đời của chân như diệt mà được thọ ký? Nếu dựa theo đời của chân như sanh không được. Vì chân như không có sanh. Nếu dựa theo đời của chân như diệt cũng không được. Vì chân như không có diệt. Ngài nên biết tất cả chúng sanh đều NHƯ. Tất cả pháp đều NHƯ. Các thánh hiền cũng NHƯ. Chính Di Lặc ngài cũng NHƯ. Nếu Ngài được thọ ký thì tất cả chúng sanh lẽ ra cũng được thọ ký. Vì luận về nghĩa NHƯ thì không còn có cái hai. Không có cái nào khác với cái nào. Nếu Ngài được vô thượng Bồ Đề lẽ ra tất cả chúng sanh cũng được quả vô thượng Bồ Đề! Vì tất cả chúng sanh là tướng của Bồ Đề. Nếu Ngài được diệt độ thì tất cả chúng sanh cũng phải được diệt độ. Vì chư Phật biết tất cả chúng sanh là tướng của Niết Bàn vốn đã vĩnh cửu tịch diệt. Cho nên chẳng còn gì để diệt nữa. Vì vậy, Ngài không nên lấy pháp bất thối chuyển mà dạy cho các Thiên tử. Thực ra không có người phát tâm vô thượng Bồ Đề và cũng không có người thối thất với quả vô thượng Bồ Đề. Ngài nên hướng dẫn cho các Thiên tử này xả bỏ quan niệm chấp mắc về quả Bồ Đề. Vì sao? Vì Bồ Đề không phải được từ nơi thân, cũng không phải được từ nơi tâm.

Tịch diệt là Bồ Đề, vì diệt hết các tướng chấp.

Bất quán là Bồ Đề, vì xa lìa hết các trần duyên.

Bất hành là Bồ Đề, vì không lưu một ức niệm, một hy vọng nào.

Đoạn là Bồ Đề, vì xa lìa tất cả kiến chấp.

Ly là Bồ Đề, vì lìa xa tất cả vọng tưởng.

Chướng là Bồ Đề, vì chống lại tất cả mong muốn.

Bất nhập là Bồ Đề, vì không dính dáng vào chuyện tục lụy.

Thuận là Bồ Đề, vì thuận theo chân như.

Trụ là Bồ Đề, vì hằng trụ ở pháp tánh.
Chí là Bồ Đề, vì đạt đến chỗ thật tế của chân lý.
Bất nhị là Bồ Đề, vì xa rời ý căn và pháp trần.
Đẳng là Bồ Đề, vì bình đẳng như hư không.
Vô vi là Bồ Đề, vì không sanh, không trụ, không dị, không diệt.
Tri là Bồ Đề, vì rõ biết hết tâm hành của chúng sanh.
Bất hội là Bồ Đề, vì các nhập không nhóm được.
Bất hiệp là Bồ Đề, vì dẹp tan hết các phiền não.
Giả danh là Bồ Đề, vì biết rõ tánh của ngôn ngữ văn tự vốn không.
N hư hóa là Bồ Đề, vì không còn dính ở thủ, xả hai bên.
Vô loạn là Bồ Đề, vì tự tâm thường trụ tướng tịch tĩnh.
Thiền tịch là Bồ Đề, vì thể tự tánh lúc nào cũng vắng lặng.
Bất thủ là Bồ Đề, vì xa lìa hết các phan duyên.
Bất dị là Bồ Đề, vì nhìn các pháp bằng cái thấy bình đẳng.
Vô tỉ là Bồ Đề, vì các pháp không có tướng đối đãi để so sánh.
Vi diệu là Bồ Đề, vì các pháp khó biết mà biết rõ tất cả.

-Bạch Thế Tôn! Bồ Tát Di Lặc thừa. Khi Trưởng giả Duy Ma Cật thuyết thời pháp ấy, hai trăm Thiên tử được vô sanh pháp nhẫn. Vì vậy, con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh”.

TRỤC CHỈ

Kinh Phật thường gọi đức Di Lặc là Bồ Tát nhất sanh bổ xứ. Được Phật thọ ký một đời sẽ thành vô thượng Bồ Đề.

Tự tin mình một đời sẽ thành tựu quả vô thượng Bồ Đề. Bồ Tát Di Lặc chẳng có lỗi gì. Dem hạnh nguyện bất thối chuyển dạy cho chư Thiên Đâu Suất cung, khiến cho “bất thối chuyển” quả vô thượng Bồ Đề, Bồ Tát Di Lặc cũng chẳng có lỗi gì. Vì lợi tha là Bồ Tát hạnh.

Điểm yếu của Bồ Tát Di Lặc ở chỗ:

- 1.- Tin vào ngữ ngôn Thọ Ký.
- 2.- Tin ở văn tự Một Đời.
- 3.- Tin ở quả chứng Bồ Đề.

Kinh Hoa Nghiêm, “Nhật xuất tiên chiếu” Phật dạy:

“Tất cả chúng sanh sẽ thành Phật. Vì tất cả chúng sanh đều có phước đức trí tuệ Phật”.

Kinh Pháp Hoa, “Nhật một hoàn chiếu” Phật dạy:

“Tất cả chúng sanh đã thành Phật”.

Xem thế, không phải chỉ có Bồ Tát Di Lặc được “Thọ ký” mà tất cả chúng sanh cũng đã được Phật thọ ký từ lâu rồi.

Đời, nói cách khác là Thời gian. Thời gian thì không có “Mốc”. Chỉ dựa trên hiện tượng vật chất, người ta đánh giá “Mốc thời gian”.

Thời gian thọ mệnh của rùa...
Thời gian thọ mệnh của người...
Thời gian thọ mệnh của “Cầu”, của “Kê”...
Thời gian thọ trường của cây tùng, cây bách..
Thời gian thọ trường cam, quít, lựu, lê...

Xóa bỏ vật chất ra sẽ không có Đời. Dựa trên vật chất để đánh giá Đời, thì Đời chẳng có gì để làm tiêu chuẩn.

Tin ở ngữ ngôn văn tự, Bồ Tát Di Lặc bị “Hố”, đối với chân lý đệ nhất nghĩa.

Xưa kia đức Thích Ca cũng có lần được Phật Nhiên Đăng thọ ký thành Phật sau này. Đức Thích Ca hồi ấy có nghe; mà không để lòng nghĩ ngợi đặt hy vọng ở lời Thọ Ký của Phật Nhiên Đăng. Nhờ vậy, đức Thích Ca thành Phật trước.

Người thực khách thông minh, không tin ở tấm biển “MAI ĂN KHỎI TRẢ TIỀN” của tiệm ăn quảng cáo có nhiều đặc sản ấy.

Trông chờ hy vọng “quả vô thương Bồ Đề”. Coi chừng! Sai một ly, đi một dặm.

“Nhật hành lãnh thượng mạc tầm sơn”!

Cần phải khai quật Bồ Đề tâm, phát huy Bồ Đề tự tánh. Đó mới là con đường tiến đến vô thượng Bồ Đề. Đi theo con đường đó thì:

* Tịch diệt là Bồ đề.

* Bất quán là Bồ đề.

* Bất hành là Bồ đề.

* Đoạn là Bồ đề.

* Ly là Bồ đề.

* Chương là Bồ đề.

* Bất nhập là Bồ đề.

* Thuận là Bồ đề.

* Trụ là Bồ đề.

* Bất nhị là Bồ đề.

* Đẳng là Bồ đề.

* Vô vi là Bồ đề.

- * Tri là Bồ đề.
- * Bất hội là Bồ đề.
- * Bất hiệp là Bồ đề.
- * Vô xứ là Bồ đề.
- * Giả danh là Bồ đề.
- * Như huyễn là Bồ đề.
- * Vô loạn là Bồ đề.
- * Thiện tịch là Bồ đề.
- * Vô thủ là Bồ đề.
- * Vô dị là Bồ đề.
- * Vô tử là Bồ đề.
- * Vi diệu là Bồ đề.

Bồ Đề đạo là đạo tỉnh thức.

Bồ Đề giả là người tỉnh thức.

Luôn luôn tỉnh thức sống đúng, sống hợp chân lý là sống trong Bồ Đề đạo, không cần phải lo lắng vấn đề “thối chuyển”. Ôm tâm trạng “Sợ” thối chuyển là đã sụp đổ một góc lâu đài Niết Bàn rồi.

Cố học và giữ gìn cái “Hạnh bất thối chuyển”, càng làm cho tòa Niết Bàn mờ ảo xa xăm hơn

Trước mắt, Bồ Đề chưa thấy mà Niết Bàn của các Thiên vương cứ sụp đổ và mất hút dần.

Chưa thâm ngộ “thật tướng” học pháp “bất liễu nghĩa”, thực hành pháp “bất liễu nghĩa” thường bị “kẹt”. Nhìn Bồ Đề Niết Bàn, còn bị bao phủ những lớp sương mù “chấp mắc”.

II. VẤN ĐỀ ĐẠO TRÀNG

Đức Phật gọi Quang Nghiêm Đồng Tử bảo: "Quang Nghiêm! Ông hãy đi thăm bệnh Trưởng giả Duy Ma Cát".

Quang Nghiêm Đồng Tử thưa: "Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cát! Bởi vì, trước đây vào một hôm nọ, con từ thành Tỳ Da Ly đi ra, Ngài Duy Ma Cát thì từ ngoại thành đi vào. Con lễ phép chào và hỏi:

- Thưa cư sĩ! Ngài từ đâu đến đây?

Ông Duy Ma Cát đáp: Tôi từ đạo tràng đến.

Con lấy làm lạ hỏi: Ngài nói đạo tràng, vậy đạo tràng nào? Ở đâu?

Ông Duy Ma Cát đáp:

Trực tâm là đạo tràng: Tâm hạnh thành thật, thẳng thắn không hư dối quanh co.

Phát hạnh là đạo tràng: Siêng năng tinh tấn làm tất cả việc.

Thâm tâm là đạo tràng: Luôn luôn vun bồi công đức và làm tăng trưởng công đức.

Bồ đề tâm là đạo tràng: Vận dụng trí tuệ trong sự thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết...để tránh mọi si mê lầm lạc.

Bồ thí là đạo tràng: Thí tài, thí pháp và thí cả vô úy cho chúng sanh mà không hy vọng đáp đền ơn nghĩa.

Trì giới là đạo tràng: Giữ giới thanh tịnh đúng như chí nguyện mong ước lúc phát khởi sơ tâm.

Nhẫn nhục là đạo tràng: Tâm được điều thuận, nhu nhuyễn đối với tất cả chúng sanh không còn bị chướng ngại.

Tinh tấn là đạo tràng: Không lúc nào giải đãi trong việc học chánh pháp, hành chánh pháp và sống trong chánh pháp.

Thiền định là đạo tràng: Tâm nhu hòa an ổn, không rong rui ở lục dục thất tình.

Trí tuệ là đạo tràng: Thấy rõ bản chất vô thường, vô ngã và bất tịnh của các pháp đúng như thật.

Từ là đạo tràng: Đối với tất cả chúng sanh đều thương như con một.

Bi là đạo tràng: Vận dụng mọi phương tiện cứu khổ cho chúng sanh.

Hỉ là đạo tràng: Lúc nào cũng vui mừng khi thấy người khác được vui.

Xã là đạo tràng: Đoạn hết mọi ý niệm ghét thương trong lòng.

Thần thông là đạo tràng: Thành tựu đầy đủ lục thông.

Giải thoát là đạo tràng: Luôn luôn vận dụng pháp bội xả và sống trong pháp bội xả.

Phương tiện là đạo tràng: Giáo hóa chúng sanh bằng nhiều hình thức, tùy căn cơ, đối tượng.

Tứ nhiếp là đạo tràng: Thuyết pháp độ chúng sanh bằng nhiều cách và tùy cơ duyên mà hóa độ.

Đa văn là đạo tràng: Nghe chánh pháp rồi thực hành đúng chánh pháp.

Phục tâm là đạo tràng: Vận dụng chánh quán mà quán các pháp.

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là đạo tràng: Rời bỏ hết các pháp hữu vi.

Tứ đế là đạo tràng: Thấy đúng như thật, biết đúng như thật, nói đúng như thật các pháp thế gian.

Duyên khởi là đạo tràng: Biết rõ từ vô minh cho đến lão tử đều không có cái hết.

Các phiền não là đạo tràng: Vì nhận biết sự tác hại của phiền não một cách quyết định.

Chúng sanh là đạo tràng: Vì nhận biết sự hòa hợp, sự nương gá tạm bợ, biết rõ tánh chất vô thường vô ngã của chúng.

Tất cả pháp là đạo tràng: Vì biết rõ tất cả pháp vốn không.

Hàng ma là đạo tràng: Vì biết trước các thế lực bất hảo của ma.

Tam giới là đạo tràng: Dù nhận có tam giới mà không bị ràng buộc trong tam giới.

Sư tử hống là đạo tràng: Vì sự thuyết pháp độ sanh đạt đến vô sở úy.

Thập lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng pháp là đạo tràng: Vì thân, khẩu, ý đã thuần thực đạt đến chỗ tột cùng của thanh tịnh, không còn có sự sai lầm.

Tam minh là đạo tràng: Nhận thức các pháp thấu suốt tận gốc, tận nguồn.

Nhất niệm tri nhất thiết pháp là đạo tràng: Vì thành tựu nhất thiết chủng trí.

Thế đấy! Quang Nghiêm đồng tử! Bồ Tát nếu ứng dụng trí tuệ ba la mật giáo hóa chúng sanh thì mọi hành động giở chân lên, hạ chân xuống đều từ đạo tràng đến và lúc nào cũng ở trong Phật pháp vậy.

Bạch Thế Tôn! Quang Nghiêm thưa. Trưởng giả Duy Ma Cật nói thời pháp ấy rồi có năm trăm trời, người đều phát tâm vô thượng Bồ đề. Vì vậy con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh".

TRỰC CHỈ

ĐẠO TRÀNG, thông thường người ta có ba cách nghĩ:

Một, chỗ đức Phật thành đạo dưới cội Bồ Đề

Hai, chỗ tụ hội của một tập thể đông đảo.

Ba, chỗ làm chay có xô đàn thí rế, cầu siêu, bạc tiền...

Trong nhận thức của Quang Nghiêm đồng tử cũng chưa vượt ra ba ý nghĩa đó.

Bồ Tát Duy Ma Cật trong dáng vẻ ung dung tự tại đi vào nội thành Tỳ Da Ly, khiến cho Quang Nghiêm đồng tử rất ngạc nhiên khi nghe Ông Duy Ma Cật trả lời:

"Tôi từ đạo tràng đến".

Một câu trả lời bình thường như bao nhiêu ngữ ngôn bình thường. Vậy mà sức công phá hết sức lớn lao. Nó xé toạc màn vô minh vĩnh viễn cho thế hệ tương lai, vén mây ngút chỉ trời xanh cho những người thức giả lúc bấy giờ rằng:

Đạo tràng không phải là chỗ Phật ngồi. Cũng không phải là chỗ tụ hội của một nhóm người đông đảo, cũng không phải đám làm chay có xô đàn thí rế, tụng tán chóc cheng...

- Trục tâm là đạo tràng.
- Thâm tâm là đạo tràng.
- Bồ Đề tâm là đạo tràng.
- Phát hạnh là đạo tràng.
- Bồ thí là đạo tràng.
- Trì giới là đạo tràng.
- Nhẫn nhục là đạo tràng.
- Tinh tấn là đạo tràng.

- Thiên định là đạo tràng.
- Trí tuệ là đạo tràng.
- Từ là đạo tràng.
- Bi là đạo tràng.
- Hỉ là đạo tràng.
- Xã là đạo tràng.
- Đoạn là đạo tràng.
- Thân thông là đạo tràng.
- Giải thoát là đạo tràng.
- Phương tiện là đạo tràng.
- Tứ nhiếp là đạo tràng.
- Đa văn là đạo tràng.
- Phục tâm là đạo tràng.
- Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là đạo tràng.
- Tứ đế là đạo tràng.
- Thập nhị nhân duyên là đạo tràng.
- Các phiền não là đạo tràng.
- Chúng sanh là đạo tràng.
- Tất cả pháp là đạo tràng.
- Hàng ma là đạo tràng.

- Tam giới là đạo tràng.
- Sư tử hồng là đạo tràng.
- Thập lực là đạo tràng.
- Tứ vô sở úy là đạo tràng.
- Thập bát bất cộng pháp là đạo tràng.
- Tam minh là đạo tràng.
- Nhất niệm tri nhưt thiết pháp là đạo tràng.

Bồ Tát sống trong các Ba la mật môn, giáo hóa chúng sanh khiến cho họ phát tâm thì nhất cử, nhất động, giở chân lên, để chân xuống đều từ đạo tràng đến và ở chỗ nào, cũng là ở trong Phật pháp.

III. PHÁP VUI VÔ TẬN

Đức Phật gọi Bồ Tát Trì Thế bảo: "Trì Thế! Ông hãy đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật".

Bồ Tát Trì Thế thưa: "Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh trưởng giả.

Bạch Thế Tôn! Con còn nhớ một hôm nọ con đang ở nơi tịnh thất, bấy giờ có ma Ba tuần đem theo cả một vạn hai ngàn Thiên nữ, giả dạng y như Trời Đế Thích. Họ đánh trống thổi kèn, đàn nhạc, ca hát, đi đến chỗ con. Một số đông dập đầu lễ lạy dưới chân con; rồi chấp tay cung kính đứng trước con, hàng ngũ trang nghiêm trật tự. Con nghĩ họ là Trời Đế Thích. Con bèn thuyết pháp cho họ rằng:

Quý hóa thay! Kiêu Thi Ca! Các vị có phước báu, nhưng không nên buông lung, trong khi hưởng phước. Phải quán ngũ dục là vô thường, để trông sâu cõi phúc. Dựa trên tự thân, trên của cải vô thường mà tu tập quán chiếu, ngõ hầu được cái thân bền chắc...!

Bấy giờ trong số người đó nói với con rằng: Thưa Chánh sĩ! Chúng tôi xin hiến cho Ngài, hai nghìn Thiên nữ này, Ngài hãy nhận để làm người hầu hạ. Họ sẽ giúp đỡ cho Ngài công việc khi cần.

Bạch Thế Tôn! Lúc bấy giờ con bèn nói với họ: Kiền Thi Ca! Không nên đem hàng Thiên nữ như thế mà hiến tặng cho sa môn Thích tử chúng tôi. Việc làm đó phi pháp, hàng sa môn Thích tử chúng tôi không thể nhận những người như thế để giúp việc.

Con nói chưa dứt lời thì Ông Duy Ma Cật đến, bảo con rằng:

Này Ngài Trì Thế! Họ không phải là Đê Thích. Họ là ma đến để trêu ghẹo ông đây.

Ông Duy Ma Cật bèn nói với các ma: Các cô gái kia ơi! Hãy hiến các cô cho tôi! Như tôi đây mới là người đáng nhận sự hầu hạ giúp đỡ của các cô.

Bấy giờ bọn ma rất sợ hãi, nghĩ rằng: Có thể Ông Duy Ma Cật sẽ làm bức não chúng ta!

Tất cả đều muốn biến hình trốn đi, nhưng vẫn không biến được. Chúng vận hết sức thần cũng không sao ẩn hình trốn thoát. Bỗng nhiên, trên không trung có tiếng vọng lên rằng: "Ma Ba tuần hãy hiến tặng các cô gái ấy đi thì mới có thể rời khỏi nơi đó".

Bọn ma cả sợ, lạy sấp, lạy ngửa mà dâng.

Bấy giờ Ông Duy Ma Cật bảo các cô gái rằng: Ma đã hiến các cô cho tôi rồi! Các cô nên phát tâm vô thượng Bồ Đề đi!

Sau đó, tùy căn tánh mỗi người, trưởng giả Duy Ma Cật thuyết pháp khiến cho hàng ma nữ vui mừng phát tâm hướng về Phật đạo...

Trưởng giả Duy Ma Cật dạy tiếp: Các cô đã phát tâm theo Phật đạo, các cô sẽ có cái vui chính của các cô, mà không cần đến cái vui của ngũ dục nữa.

Thiên nữ hỏi: Cái vui đó là thế nào?

Ông Duy Ma Cật đáp: Vui thường tin Phật. Vui ham nghe Pháp. Vui cúng dường Tăng. Vui vĩnh ly ngũ dục. Vui quán ngũ ấm như ác tặc. Vui quán tứ

đại như độc xà. Vui quán nội nhập như rỗng không. Vui thuận theo ý đạo. Vui lợi ích chúng sanh. Vui kính trọng và cúng dường sư trưởng. Vui làm bố thí được nhiều. Vui giữ giới kiên trì và thanh tịnh. Vui nhẫn nhục nhu hòa. Vui siêng nhóm thiện căn. Vui thiền định không loạn. Vui cầu hết, tuệ sanh. Vui được tâm Bồ Đề rộng lớn. Vui hàng phục các ma. Vui đoạn các phiền não. Vui thấy cõi Phật thanh tịnh. Vui thành tựu tướng hảo. Vui tu các công đức lành. Vui trang nghiêm đạo tràng. Vui nghe pháp sâu xa mà không sợ. Vui với tam giải thoát môn. Vui gần bạn đồng học. Vui ở trong chỗ phi đồng học mà tâm không bị chướng. Vui chuyển hóa được những người ác tri thức. Vui tâm thường thanh tịnh. Vui tu vô lượng đạo phẩm. Đó là pháp vui của Bồ Tát, các cô nên biết. Khi bấy giờ, Ma Ba tuần bảo các ma nữ rằng: Ta muốn các ngươi cùng ta hãy trở về thiên cung.

Các ma nữ nói: đã hiển chúng tôi cho cư sĩ, bây giờ chúng tôi có được pháp vui, chúng tôi vui lắm rồi. Từ đây chúng tôi không thích cái vui ngũ dục nữa.

Ma Ba tuần nói: Thưa cư sĩ! Mong Ngài thả các cô ấy đi! Theo chúng tôi biết Bồ Tát hạnh là xả thí tất cả các sở hữu của mình cho người khác.

Ông Duy Ma Cật nói: Tôi đã thả rồi, các cô tự ý mà đi. Các cô hãy nhớ làm thế nào cho chúng sanh đều được học chánh pháp như các cô vậy.

Bấy giờ các cô gái hỏi Ông Duy Ma Cật: Khi trở về cung ma, chúng tôi phải làm gì? Thưa Ngài Duy Ma Cật!

Ông Duy Ma Cật bảo: Này các cô! Có pháp môn tên là : "Vô tận đăng", các cô hãy siêng năng tu học. Vô tận đăng có nghĩa là cây đèn vô tận. Ví như một ngọn đèn đem môi thêm ra cả trăm ngọn đèn, khiến cho chỗ tối được sáng, sáng rộng và sáng mãi mà ngọn đèn nguyên thủy chẳng hao mòn chút ánh sáng nào. Cũng như vậy, thưa các cô! Bồ Tát có thể dạy dỗ cho trăm, ngàn chúng sanh khiến cho họ phát tâm vô thượng Bồ Đề mà đạo tâm và đạo hạnh của Bồ Tát chẳng có giảm sút. Ví như ngọn vô tận đăng ấy! Các cô dù ở cung ma xử dụng pháp "Vô tận đăng" khiến cho chư Thiên tử, thiên nữ phát tâm vô thượng Bồ Đề, thì chính các cô đã đèn đáp thâm ân Phật.

Bấy giờ các Thiên nữ đầu mặt lễ dưới chân Ông Duy Ma Cật. Lễ xong, cùng theo thiên ma về cung. Tất cả hốt nhiên biến mất.

Bạch Thế Tôn! Bồ Tát Trì Thế thưa: Trưởng giả Duy Ma Cật có trí biện tài tự tại như thế, cho nên con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh".

TRỰC CHỈ

Ma Ba Tuần mà nhận là Thiên Đế Thích. Thế là lầm lẫn đối tượng trong khi thuyết pháp.

Pháp thuyết sai đối tượng không phát huy được công dụng của pháp. Thuốc hay trị không đúng bệnh mất đi công hiệu của thuốc. Bệnh trị không đúng thuốc, uống thuốc cũng như không.

Sợ ma bị ma nhiễu loạn. Không sợ ma, ma sợ lại. Bồ Tát Trì Thế không dám nhận "Thiên nữ", lại được ép tặng "Thiên nữ" cho. Bồ-Tát Duy Ma Cật rất bằng lòng nhận các "Thiên nữ", tất cả "Thiên nữ" đều kinh tâm táng đờm.

Đối với ma quân, Bồ Tát gặp lúc cần phải trực diện đương đầu. Từ đó thi thố khả năng điều phục.

Phật tánh tùy duyên nhi bất biến. Bất biến nhi tùy duyên.

Dù là "Nữ thiên ma", khi gặp thiện tri thức khai thị Phật tri kiến cho mình, ma có khả năng quay về chánh đạo, phát tâm cầu tiến vô thượng Bồ Đề.

Vui trong ngũ dục, là cái vui của người nướng mình trên hầm lửa. Cái vui của con người bệnh hoạn. nhiễm nặng vi rút vô minh.

Người trí chọn cho mình cái vui trường cửu ở mọi hoàn cảnh ở mọi thời gian. Bồ Tát Duy Ma Cật nói:

Vui thường tin Phật. Vui ham nghe Pháp. Vui cúng dường Tăng. Vui vĩnh ly ngũ dục. Vui quán ngũ ấm như oán tặc. Vui quán tứ đại như độc xà. Vui thuận theo ý đạo. Vui lợi ích chúng sanh. Vui kính trọng sư trưởng. Vui bố thí được nhiều. Vui giữ giới thanh tịnh. Vui nhẫn nhục nhu hòa. Vui tinh tấn thiện hạnh. Vui thiền định không loạn. Vui trí tuệ tăng trưởng.

Dù là thiên ma, khi phát Bồ đề tâm là đã "Hồi đầu thị ngạn". Bây giờ các thiên nữ có cái vui chân thật không còn thích cái vui ngũ dục nữa. Các cô từ chối không muốn trở lại ma cung.

Bồ Tát Duy Ma Cật cho rằng các cô có thể trở về ma cung mà chẳng có tổn hại gì.

"Ngọc trắng dù ở trong bùn bần, không vì vậy mà hoen ố sắc màu".

"Người phát Bồ Đề tâm dù ở trong cảnh trược, không vì vậy nhiễm loạn chất thanh cao".

Điều cốt yếu, các cô hãy luôn luôn bồi dưỡng trí tuệ, phát Bồ đề tâm ngày thêm rộng lớn.

Đề đền đáp ơn Phật, các cô hãy mỗi thêm mãi "Vô tận đặng" khiến cho chỗ tối được sáng, chỗ sáng được rực rỡ huy hoàng.

Vô tận đặng tức là ngọn đèn chánh pháp. Học Bồ Tát hạnh, các cô có trách nhiệm truyền bá rộng rãi đến tất cả, khiến cho thiên tử, thiên nữ phát Bồ đề tâm thì các cô đền đáp được thâm ân Phật.

IV.- HỘI ĐẠI THÍ

Bấy giờ Phật gọi trưởng giả tử Thiện Đức bảo: "Thiện Đức! Ông hãy đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật".

Thiện Đức thưa: "Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh ông Duy Ma Cật. Vì trước đây, lúc ở tại nhà của thân phụ, con có thiết lập một hội đại thí, kỳ hạn bảy ngày cúng dường các sa môn, Bà la môn, ngoại đạo và bố thí cho tất cả những người nghèo khó, cho những kẻ ăn xin. Khi bấy giờ, Ông Duy Ma Cật đến nói với con rằng:

Thưa trưởng giả tử! Hội đại thí lập như vậy chưa đúng. Ngài lập hội tài thí trong bảy ngày, những người được thọ thí đỡ khổ trong bảy ngày. Sau bảy ngày họ không còn gì nương cậy. Ngài nên lập hội pháp thí mới đem lại lợi ích lâu dài cho người thọ thí.

Con hỏi: Hội pháp thí là thế nào?

Ông Duy Ma Cật nói: Hội pháp thí không phải chỉ có lợi cho thời gian trước hay thời gian sau, trong một thời cúng dường cho tất cả chúng sanh.

- Thế nghĩa là sao? Thưa cư sĩ, con hỏi.

- Nghĩa là vì vô thượng Bồ đề, khởi từ tâm. Vì cứu độ chúng sanh, khởi bi tâm. Vì hộ trì chánh pháp, khởi hỷ tâm. Vì sự nghiệp trí tuệ, khởi xả tâm. Vì hóa độ xan tham khởi bố thí ba la mật. Vì hóa độ phạm giới, khởi trì giới ba la mật. Vì biết rõ tánh vô ngã của các pháp, khởi nhẫn nhục ba la mật. Vì biết rõ thân tâm như huyễn, khởi tinh tấn ba la mật. Vì Bồ đề, khởi thiền định ba la mật. Vì nhất thiết chủng trí, khởi bát nhã ba la mật. Vì giáo hóa chúng sanh, khởi quán vạn pháp giai không. Nhằm trực diện với các pháp hữu vi, khởi quán chư tướng vô tướng. Thị hiện thọ sanh, mà khởi quán không, vô tác. Nhằm truyền bá chánh pháp, khởi nhiều phương tiện. Nhằm hóa độ chúng sanh, thực hành pháp tứ nhiếp. Vì cung kính tất cả, khởi trừ tâm ngã mạn. Vì biết rõ thân mệnh tài như huyễn, khởi ái mộ pháp thân, bát nhã và giải thoát. Đối với lục niệm, thường khởi tưởng niệm. Đối với pháp lục hòa, khởi tâm chánh trực. Dùng tâm hoan hỷ, khởi ý gần gũi thánh hiền. Khởi tâm điều phục, không ghét người ác. Với pháp xuất gia, khởi tâm kính mộ. Vì tri hành không lệch lạc, khởi ý chí đa văn. Nhằm tránh mọi ràng buộc, khởi ý đặt mình như ở chỗ cô tịch. Nhằm đạt đến Phật tuệ, khởi chí tọa thiền. Vì ái mộ cõi Phật thanh tịnh, khởi làm việc phước đức.

Thế đây, Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát lập hội pháp thí như thế, thì vừa là đại thí chủ vừa là phước điền cho tất cả chúng sanh.

Bạch Thế Tôn! Trưởng giả tử Thiện Đức thưa. Ông Duy Ma Cật thuyết thời pháp ấy, có hai trăm Bà la môn phát tâm vô thượng Bồ Đề. Riêng con cảm thấy tâm mình được cởi mở nhẹ nhàng thanh thoát. Con đánh lễ dưới chân Ông và cởi râu chuỗi anh lạc giá trị trăm ngàn vàng dâng cúng; nhưng Ông Duy Ma Cật không nhận.

Sau lời thỉnh cầu, hiến dâng thành khẩn của con, Ông Duy Ma Cật nhận lấy và liền chia làm hai phần. Một phần bố thí cho người hành khát tối hạ cơ cực nhất. Một phần Ông dâng cúng đức Nan Thắng Như Lai. Khi bấy giờ cả chúng hội đều được thấy cõi nước trang nghiêm của đức Nan Thắng. Đồng thời thấy chuỗi anh lạc biến thành bốn trụ cột của một bảo đài. Bốn mặt đài đẹp đẽ trang nghiêm và trong suốt không chướng ngại nhau.

Ông Duy Ma Cật nói với đại chúng rằng: Một thí chủ bố thí cho người hành khất tối hạ bằng tấm lòng bình đẳng y như cúng dường đấng Như Lai phước điền tối thượng. Cúng dường và bố thí phát xuất từ một bi tâm. Không hy vọng trả ơn không mong cầu phước báu.

Đó là mô hình của hội pháp thí viên mãn nhất.

Bạch Thế Tôn! Trưởng giả tử Thiện Đức thưa: Những người hành khất tối hạ thấy thần lực của Ông Duy Ma Cật và nghe thuyết những pháp thâm thâm như thế, họ đều phát tâm hướng về vô thượng Bồ Đề. Vì duyên có đó, con không kham lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật".

Nhiều vị Bồ Tát ở trước Phật cùng trình bày những trường hợp bị khiển trách của mình. Tất cả đều từ khước không dám đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật.

TRỰC CHỈ

Bố thí cúng dường là hạnh thứ nhất trong lục độ Ba la mật.

Bố thí cúng dường đúng chánh pháp, lợi mình, lợi người, lợi ở hiện tại và tương lai.

Bố thí cúng dường không đúng chánh pháp có thể đem lại cho mình hậu quả khổ đau đời này kiếp nọ. Phật là người trí mới thấy biết hết điều này.

Bố thí cúng dường có hai cách: Một, thí tài. Hai, thí pháp.

Bố thí tài có hai cách: Một, nội tài. Hai, ngoại tài.

Nội tài, người tại gia hay xuất gia đều làm được.

Ngoại tài, để cho vua quan, cư sĩ, cận sự nam, cận sự nữ.

Cúng dường đồng nghĩa như bố thí. Cúng dường là bố thí cho kẻ bề trên. Bố thí là cúng dường, không phân biệt đối tượng.

Người thọ lễ cúng dường, kẻ nhận quà bố thí, thực chất đều là "Khất thực", không ai hãnh diện hơn ai.

Đó là dụng ý thâm sâu của Thế Tôn ta về bài học "Diệt ngã vì vô ngã".

Tài thí giúp cho người "đỡ ngặt" chưa giúp được "đỡ nghèo". Yêu cầu "đỡ khổ" tài thí chẳng giúp được gì.

Đạo Phật lấy sự cứu khổ là chánh: Cứu ngặt, cứu nghèo, phần việc đó có vua, quan, cư sĩ... Các nhà khoa học, kỹ thuật, kinh tế gia chăm lo việc xã hội ấy.

Lập hội pháp thí mới là cứu khổ cho tất cả mọi người trong mọi giai tầng xã hội. Lợi ích của pháp thí không có biên giới. Vua, quan, cư sĩ giàu nghèo, sang hèn đều có khổ. Chỉ khác nhau hoàn cảnh và môi trường. Khổ không có ranh giới quá khứ, hiện tại hay tương lai.

Chỉ có hội pháp thí trong một thời mới có thể cúng dường cho tất cả.

Người hoàn thành pháp thí hội, vừa là đại thí chủ, vừa là phước điền cho tất cả chúng sanh.

Người hoàn thành pháp thí hội phải là người làm được những việc sau:

- Vì vô thượng Bồ Đề, khởi tâm Từ.
- Vì cứu độ chúng sanh, khởi tâm Bi.
- Vì hộ trì chánh pháp, khởi tâm Hỷ.
- Vì sự nghiệp trí tuệ, khởi tâm Xả.
- Vì độ xan tham, khởi Bồ thí ba la mật.
- Vì độ sai trái của ba nghiệp, khởi Trì giới Ba la mật.
- Vì độ tánh chấp ngã, khởi Nhẫn nhục Ba la mật.
- Vì nhận rõ thân tâm như huyễn, khởi Tinh tấn Ba la mật.
- Vì Bồ Đề, khởi Thiền định Ba la mật.
- Vì nhất thiết chủng trí, khởi Trí tuệ Ba la mật.

- Vì giáo hóa chúng sanh, khởi Vạn pháp giai không.
- Vì đối diện các pháp hữu vi, khởi Chư pháp vô tướng.
- Vấn thọ sanh khởi Không vô tác.
- Vì hoành dương chánh pháp, khởi nhiều Phương tiện.
- Vì hóa độ chúng sanh, khởi Tứ nhiếp pháp.
- Vì biết rõ thân, mệnh, tài như huyễn, khởi tâm ham mộ Pháp thân Bát nhã, giải thoát.
- Vì tri hành chân lý, khởi Đa văn.
- Vì giải thoát triền phược, khởi Cô tịch độc hành.
- Vì Phật trí tuệ, khởi Tọa Thiền...

Nói tóm lại, những kinh điển Đại thừa khó nghe, khó hiểu, khó tin, khó hành. Mà nghe được, hiểu được, tin được và thực hành được. Từ đó, mình được giác ngộ, giải thoát trước rồi mới truyền bá cho mọi người học tu để cùng được giác ngộ, giải thoát.

Đó là cách cúng dường ưu việt nhất. "Chư cúng dường trung, pháp cúng dường tối".

Người cúng chuỗi anh lạc phát xuất từ tâm thanh tịnh vô cầu.

Người nhận chuỗi, không thấy nhận, thỏa lòng ham muốn.

Một phần cúng dường người ăn xin tối hạ. Một phần cúng dường đức Nan Thắng Như Lai tối thượng.

Tuyệt diệu thay! Tinh thần Bình đẳng!

Năng sở bình đẳng. Cao hạ bình đẳng.

Do vậy chuỗi anh lạc kết thành bốn cột trụ trong suốt của tòa bảo đài chân lý.

CHƯƠNG THỨ NĂM : VĂN THÙ BỒ TÁT THĂM BỆNH

Bấy giờ đức Phật bảo Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi: "Văn Thù! Ông hãy đi thăm bệnh Trưởng giả Duy Ma Cật".

Bồ Tát Văn Thù thưa: "Bạch Thế Tôn! Bậc thượng nhân kia khó đối đáp với Ông khi đàm đạo. Ông đã quán triệt sâu sắc thực tướng. Thuyết pháp rất giỏi. Biện tài vô ngại, trí tuệ siêu thường. Ông biết hết pháp thức của Bồ Tát. Thâm nhập kho tàng bí mật của chư Phật. Hàng phục ma quân. Thần thông du hí. Trí tuệ, phương tiện đáng làm thầy người. Dù vậy, vâng lời Phật, con sẽ đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật".

Các Bồ Tát, Thinh văn, Phạm Thiên, Đế Thích, Tứ Thiên vương cùng có ý niệm: Nay hai vị đại sĩ Văn Thù Sư Lợi và Duy Ma Cật đàm đạo, chắc sẽ nói những pháp mầu nhiệm sâu xa. Chúng hội cả mấy ngàn người đều muốn tháp tùng.

Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi cùng đại chúng tùy tùng hàng hàng, lớp lớp trang nghiêm cung kính đi vào Tỳ Da Ly đại thành để thăm bệnh Trưởng giả Duy Ma Cật.

1.- Ông Duy Ma Cật biết Bồ Tát Văn Thù và đại chúng sắp đến. Ông cho dẹp hết các vật sở hữu chỉ để tịnh thất trống. Không có thị giả và độc nhất có một cái giường, bệnh nhân là Ông Duy Ma Cật nằm choán hết.

2.- Bồ Tát Văn Thù vào thất thấy sự kiện có vẻ lạ thường chưa hỏi han được gì, trưởng giả Duy Ma Cật cất tiếng:

- Quý hóa thay! Ngài Văn Thù Sư Lợi đến mà không có tướng đến. Thấy mà không có tướng thấy.

Bồ Tát Văn Thù đáp: Đúng vậy, thưa cư sĩ. Nếu đến thì lại chẳng đến. Nếu đi thì lại chẳng đi. Bởi vì đến không chỗ "Tù". Đi không chỗ "Tới". Gọi là "Thấy" kỳ thật chẳng thấy gì.

Thôi chúng ta gác lại chuyện ấy. Xin hỏi bệnh của cư sĩ có được đỡ chưa! Trị liệu có bớt không? Thế Tôn ân cần thăm hỏi và lo lắng lắm đó.

Do nguyên nhân gì cư sĩ phát sanh bệnh như thế? Bệnh đã bao lâu rồi và phải làm sao cho hết?

3.- Ông Duy Ma Cật nói: Vì có si mê ái nhiễm mà bệnh của tôi sanh. Vì tất cả chúng sanh bệnh cho nên tôi bệnh. Nếu tất cả chúng sanh không bệnh thì bệnh của tôi lành. Bởi vì Bồ Tát vì chúng sanh cho nên vào trong sanh tử. Có sanh tử thì có bệnh. Nếu chúng sanh khỏi bệnh thì Bồ Tát không còn bệnh nữa. Ví như trưởng giả có một đứa con, đứa con bệnh, cha mẹ cũng bệnh theo. Nếu bệnh của con lành thì bệnh của cha mẹ cũng lành. Bồ Tát cũng như vậy. Với chúng sanh thương như con một. Chúng sanh bệnh thì Bồ Tát bệnh. Chúng sanh lành bệnh thì bệnh của Bồ Tát cũng lành.

Ngài hỏi: Do nguyên nhân gì, bệnh của tôi phát sanh.

4.- Xin thưa: Bệnh của Bồ Tát phát sanh do tâm đại bi.

Bồ Tát Văn Thù hỏi: Vì sao thất của Ngài trống không và không có thị giả?

Trưởng giả Duy Ma Cật đáp:

- Cõi nước của chư Phật cũng không như vậy.
- Do đâu mà biết không?
- Do trống không cho nên biết không.
- Dùng không để không cái gì?
- Dùng không để không phân biệt.
- Đã không thì phân biệt được gì?
- Phân biệt cũng không.
- Tìm cái không ở đâu, dựa vào đâu để nhận biết?
- Dựa vào 62 kiến chấp của ngoại đạo.

- 62 kiến chấp phải tìm ở đâu?
- Tìm trong đức giải thoát của chư Phật.
- Đức giải thoát của chư Phật tìm ở đâu?
- Tìm nơi tâm tánh của tất cả chúng sanh.

5.- Thưa Ngài Văn Thù! Ngài hỏi vì sao tôi không có thị giả. Thưa Ngài: Tất cả ma quân và các ngoại đạo là thị giả của tôi. Bởi vì ma quân rất ưa sanh tử, mà Bồ Tát thì ở trong sanh tử không xa rời. Ngoại đạo ưa kiến chấp, Bồ Tát thì ở trong kiến chấp mà không động.

5.- Bồ Tát Văn Thù hỏi: Bệnh của cư sĩ trạng huống ra sao?

- Bệnh của tôi không hình trạng không thấy được.
- Bệnh của Ngài thuộc thân hay thuộc tâm?
- Không phải thuộc thân vì tôi đã ly cái tướng thân. Cũng không phải thuộc tâm, vì tâm như huyễn.
- Địa, thủy, hỏa, phong, trong bốn đại, Ngài bệnh đại nào?
- Bệnh của tôi không phải địa đại nhưng không rời địa đại. Không phải thủy, hỏa, phong; cũng không rời thủy, hỏa, phong. Bệnh của chúng sanh phát từ tứ đại. Chúng sanh bệnh cho nên tôi bệnh.

7.- Bồ Tát Văn Thù hỏi: Khi một Bồ Tát nhuốm bệnh, vị Bồ Tát đi thăm bệnh phải thăm hỏi thế nào, nói những gì?

Ông Duy Ma Cật đáp: "Bồ Tát đi thăm bệnh nên nói: Rằng thân vô thường, nhưng không bảo phải chán bỏ thân. Rằng thân là khổ, nhưng không khuyên nhận cái vui Niết Bàn. Rằng thân là vô ngã, mà khuyến khích tích cực giáo hóa chúng sanh. Rằng thân rỗng lặng như hư không, nhưng không nói vĩnh viễn không như sừng thỏ, lông rùa. Rằng nên ăn năn tội trước, nhưng không nên ôm ấp những lỗi đã qua. Hãy quán xét bệnh của mình mà thương xót người đang có bệnh. Phải tự thức tỉnh rằng: ta đã từng khổ đau trong nhiều kiếp, mà đừng quên nghĩ đến việc lợi lạc cho chúng sanh. Nhớ làm phước

đức, luôn nghĩ tưởng đến đời sống trong sạch. Không nên sanh tâm buồn rầu, thường khởi tâm tinh tấn. Ta phải làm vị đại y vương để trị bệnh cho tất cả chúng sanh.

Bồ Tát đi thăm bệnh phải thăm hỏi như thế, an ủi như thế khiến cho Bồ Tát có bệnh phát khởi hoan hỉ.

8.- Văn Thù Sư Lợi hỏi: Thưa cư sĩ! Bồ Tát có bệnh phải điều phục tâm mình như thế nào?

Trưởng giả Duy Ma Cật đáp: Bồ Tát có bệnh nên quán chiếu và tư duy rằng, bệnh của ta hôm nay là do các phiền não vọng tưởng điên đảo đời này, đời trước mà sanh ra. Nó là pháp không thật thì ai là người thọ bệnh!

Thân này là kết quả của sự tổ hợp, nương gá tứ đại mà thành. Tứ đại không có chủ thể thì thân này là vật vô ngã. Bệnh sanh khởi là do chấp ngã. Vì vậy, đối với bản ngã không nên sanh tâm luyến ái chấp mắc.

9.- Đã biết nguồn gốc của bệnh, cần phải trừ bỏ quan niệm "chấp ngã" và "chúng sanh". Chỉ lưu lại ý tưởng về "pháp". Do các pháp hợp lại mà thành thân. Sanh chỉ là pháp sanh; diệt chỉ là pháp diệt. Pháp thì chẳng biết gì nhau. Khi sanh nó chẳng nói ta sanh. Khi diệt chẳng nói ta diệt. Tư duy như vậy, Bồ Tát có bệnh trừ diệt quan niệm về "pháp". Lại tư duy rằng: quan niệm về "pháp" cũng chỉ là một thứ điên đảo. Điên đảo còn thì còn khổ não, còn bệnh hoạn. Thế nên Bồ Tát khởi ý tưởng "Ly".

- Ly là thế nào?

- Ly ngã và ngã sở.

- Ly ngã, ngã sở là sao?

- Ly cả hai pháp.

- Ly cả hai pháp là thế nào?

- Ly nội tâm, ly ngoại cảnh, thể hiện tánh bình đẳng.

- Bình đẳng như thế nào?

- Bình đẳng về ý niệm ngã và bình đẳng về ý niệm Niết bàn. Nhận thức rõ ràng: Ngã vốn không, Niết-bàn cũng chẳng có. Ngã và Niết bàn đều không.

- Do gì biết đó là không?

- Tư duy rằng chúng chỉ dựa trên văn tự mà giả lập. Chúng không có tính quyết định. Hiểu được tính bình đẳng đó thì không còn bệnh nào khác., chỉ có bệnh "không". Cuối cùng "không" cũng không. Bây giờ Bồ Tát có bệnh xử dụng vô sở thọ mà thọ cái thọ. Khi nào Phật pháp chưa đầy đủ, cũng không diệt thọ để nhận lấy quả sở chứng. Giả sử thân có khổ, nhớ nghĩ chúng sanh trong ác thú mà khởi lòng đại bi: rằng ta đã điều phục cũng sẽ điều phục cho chúng sanh. Vì vậy chỉ trừ bỏ bệnh chấp mà không trừ bỏ "pháp". Vì muốn trị dứt gốc bệnh của chúng sanh mà giáo hóa họ.

10.- Thế nào là gốc bệnh?

- Gốc bệnh có vì có tâm phan duyên. Chừng nào còn có tâm phan duyên thì gốc bệnh còn.

- Đối tượng phan duyên là gì?

- Đối tượng phan duyên là tam giới.

- Làm sao đoạn được phan duyên?

11.- Muốn đoạn phan duyên phải vô sở đắc. Vô sở đắc thì hết phan duyên.

- Sao gọi là vô sở đắc?

- Vô sở đắc có nghĩa là vĩnh ly hai thứ kiến chấp.

- Hai thứ kiến chấp là gì?

- Là nội kiến và ngoại kiến. Nội kiến là chấp bản ngã của tự thân. Ngoại kiến là chấp hiện tượng vạn pháp bên ngoài.

Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi! Đây là những điều Bồ Tát có bệnh phải điều phục tâm mình. Nhằm dứt trừ các khổ, lão, bệnh, tử. Đó là Bồ Đề của Bồ Tát. Nếu không như thế thì việc tu sửa của mình sẽ không có được trí tuệ sắc bén. Ví như có chiến thắng đối thủ ngoan cường thì mới gọi là chàng dũng

sĩ! Được vậy, Bồ Tát gọi đó là người chiến sĩ tiêu trừ giặc cướp: lão, bệnh, tử.

12.- Bồ Tát có bệnh còn quán chiếu tư duy rằng: Bệnh của ta đây không thật có. Bệnh của chúng sanh cũng không thật có. Quán chiếu tư duy như thế đối với chúng sanh. Nếu sanh khởi lòng đại bi ái kiến thì cần phải xả ly. Bởi vì Bồ Tát nhằm đoạn trừ khách trần phiền não mà phát khởi lòng đại bi. Nếu lòng đại bi còn có tâm ái kiến thì ở trong sanh tử sẽ có lúc mỗi mệt mà thoái thoát đạo tâm. Xa lìa đại bi ái kiến thì hóa độ chúng sanh đời này, kiếp khác cùng không có chán nản mỗi mệt. Người không bị ràng buộc mới dạy cách mở cho người ràng buộc. Đang bị ràng buộc mà dạy cách mở ràng buộc cho người khác là chuyện không thể có. Mình không bị ràng buộc, mở ràng buộc giúp cho người khác là việc dễ dàng! Thế nên Bồ Tát không nên làm những điều gì khiến cho mình bị ràng buộc.

13.- Thế nào là bị ràng buộc. Thế nào là được mở ràng buộc?

- Đam mê thiên vị là Bồ Tát bị ràng buộc. Xử dụng các phương tiện trong sinh hoạt bình thường là Bồ Tát không bị ràng buộc.

Lại nữa Bồ Tát không phương tiện, không trí tuệ là bị ràng buộc. Có phương tiện có trí tuệ là Bồ Tát được mở ràng buộc.

- Thế nào là không phương tiện, không trí tuệ, Bồ Tát bị ràng buộc?

- Nghĩa là Bồ Tát dùng tâm ái kiến mà trang nghiêm cõi Phật hóa độ chúng sanh. Dùng "không", "vô tướng", "vô tác" mà điều phục tâm mình. Đó là Bồ Tát không phương tiện, không trí tuệ, Bồ Tát bị ràng buộc.

- Có trí tuệ, có phương tiện, Bồ Tát được mở ràng buộc là thế nào?

- Nghĩa là Bồ Tát lìa xa các tham dục, sân nhuế tà kiến, các phiền não mà trông cội phước, hồi hướng thẳng vô thượng Bồ Đề. Đó là có trí tuệ, có phương tiện, Bồ Tát được mở ràng buộc.

Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi! Bồ Tát có bệnh phải nên quán các pháp như thế.

Lại nữa, quán thân vô thường, khổ, không, vô ngã. Đó là trí tuệ. Thân dù có bệnh mà ở trong sanh tử làm lợi ích cho chúng sanh không chán nản, mỗi một. Đó là có phương tiện.

Lại quán về thân. Thân không rời bệnh, bệnh không rời thân. Thân ấy, bệnh ấy không phải mới, không phải cũ gọi đó là trí tuệ. Thân dù có bệnh mà không diệt thân, gọi đó là phương tiện.

14.- Thừa Ngài Văn Thù Sư Lợi! Bồ Tát có bệnh nên như thế mà điều phục tâm mình. Không trụ ở tâm điều phục, cũng không trụ ở tâm bất điều phục. Vì trụ tâm bất điều phục là pháp của phàm phu. Trụ ở tâm điều phục là pháp của Thanh văn. Thế nên, Bồ Tát không trụ ở tâm điều phục và tâm bất điều phục. Ly được cả hai pháp, thì Bồ Tát làm việc ở sanh tử mà không bị nhiễm ô. Trụ ở Niết bàn mà không diệt độ hẳn. Thế nên Bồ Tát hạnh không phải là hạnh phàm phu cũng không phải là hạnh hiền thánh. Bồ Tát hạnh không phải hạnh cầu, cũng không phải hạnh tịnh.

15.- Bồ tát hạnh dù vượt quá hạnh ma mà hiện hàng phục các ma.

Bồ tát hạnh cầu nhất thiết trí mà không cầu phi thời.

Bồ tát hạnh dù quán các pháp không sanh mà không vào chánh vị.

Bồ tát hạnh dù quán thập nhị nhân duyên mà tham nhập các tà kiến.

Bồ tát hạnh dù chinh phục tất cả chúng sanh mà không luyến ái.

Bồ tát hạnh dù ưa vui với hạnh viễn ly mà không có ý tưởng diệt hết tướng thân tâm.

Bồ tát hạnh dù sanh hoạt trong tam giới mà không tổn hoại pháp tánh.

Bồ tát hạnh dù không chấp ở việc làm phúc đức mà vẫn trông các cõi phước đức.

Bồ tát hạnh dù thấy tất cả vô tướng mà vẫn cứu độ chúng sanh.

Bồ tát hạnh dù biết vạn pháp vô tác mà vẫn hiện thọ thân.

Bồ tát hạnh dù việc làm vô khởi mà khởi các hạnh lành.

Bồ tát hạnh dù thực hành lục ba la mật mà phổ biến khắp đủ tâm và tâm sở pháp của chúng sanh.

Bồ tát hạnh dù thực hành đủ lục thông mà không hết hoặc lậu.

Bồ tát hạnh dù thực hành tứ vô lượng tâm mà không tham đắm sanh cõi Phạm thế.

Bồ tát hạnh dù thực hành thiền định, giải thoát tam muội mà không đam nhiễm vị thiền.

Bồ tát hạnh dù thực hành tứ niệm xứ mà không vĩnh viễn xa lìa thân, thọ, tâm, pháp.

Bồ tát hạnh dù thực hành tứ chánh cần mà không bỏ rời sự tinh tấn của thân tâm.

Bồ tát hạnh dù hành tứ như ý túc mà được tự tại thần thông.

Bồ tát hạnh dù thực hành ngũ căn mà phân biệt các căn lợi độn của chúng sanh.

Bồ tát hạnh dù thực hành ngũ lực mà ưa cầu thập lực.

Bồ tát hạnh dù thực hành thất giác chi mà phân biệt trí tuệ Phật.

Bồ tát hạnh dù thực hành bát chánh đạo mà ưa thực hành vô lượng Phật đạo.

Bồ tát hạnh dù thực hành pháp chỉ quán trợ đạo mà không bị rơi vào tịch diệt hoàn toàn.

Bồ tát hạnh dù biết rõ các pháp không sanh, không diệt mà vẫn dùng tướng hảo trang nghiêm thân.

Bồ tát hạnh dù hiện oai nghi Thanh văn, Duyên giác mà không rời pháp Phật.

Bồ tát hạnh dù tùy thuận thật tướng mà vẫn tùy thuận chỗ hiện thân cần thiết.

Bồ tát hạnh dù quán đất nước chư Phật vắng lặng như hư không mà hiện cảnh trí thanh tịnh của cõi Phật.

Bồ tát hạnh dù được thành Phật đạo, chuyên pháp luân, nhập Niết bàn mà không rời bỏ đạo Bồ tát.

Sau khi Trưởng gia Duy Ma Cật nói thời pháp ấy có tám ngàn Thiên chúng tùy tùng phát tâm cầu vô thượng chánh đẳng chánh giác.

TRỰC CHỈ

1.- Tịnh thất trống, tiêu biểu "Nhất chân pháp giới, vạn pháp giai không" nhằm xiển dương chân lý:

"Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc là không, không là sắc".

Một giường, một thân. Một thân nằm trên một giường, tiêu biểu pháp thân và huyễn thân bất ly. Pháp thân không rời huyễn thân. Huyển thân ở trong pháp thân.

"Huyễn hóa không thân tức pháp thân".

2.- Nếu đứng bên mé sông, trên bờ biển, người ta sẽ thấy chiếc thuyền đi từ địa điểm này đến địa điểm nọ: Đi từ Thái Bình Dương sang đến Đại Tây Dương chẳng hạn...

Qua sự thấy biết đó, người ta cho rằng chiếc thuyền có Đi có Đến.

Giả sử người ta được nhìn thấy qua cái nhìn thấy cao rộng của phi hành gia vũ trụ thì sự Đi và Đến của chiếc thuyền kia chẳng có nghĩa lý gì cả, vì nó chưa có phút giây tạm rời khỏi mặt địa cầu.

Sự di chuyển "Đến", "Đi" của con người trong pháp giới "nhất chân" cũng chẳng có nghĩa gì.

Nhìn bằng tuệ nhãn, Bồ tát thấy rõ:

"Đến mà không có tướng đến"

"Đi không chỗ khởi hành"

Bởi trong quá trình Đi, Đến không có giây phút tạm rời pháp giới nhất chân.

"Tánh thấy" và "đối tượng thấy". Phải học cách nhìn "Pháp nhĩ như thị", người đệ tử Phật mới có cơ may nhận thức được chân lý.

Pháp nhĩ như thị nghĩa là thấy mà không có tướng thấy. Thấy cũng như không thấy, không thấy cũng như thấy. Có cũng như không có. Không có cũng như có. Có là không. Không là có. Vì biết rằng: thật tướng của các Pháp là vô tướng.

3.- Sanh, lão, bệnh, tử đối với Bồ tát không có gì đáng nói. Vì đó là quy luật phổ biến. Nó là chân lý của cuộc đời. Có gì phải bận tâm Bồ tát.

Bồ tát Duy Ma Cật bệnh, chỉ là một cái cơ được tạo ra nhằm triển khai thật tướng, chỉ bày pháp tánh, giới thiệu pháp thân, xiển dương đệ nhất nghĩa của Đại thừa.

Vì gió độc si ái làm cho Bồ tát sanh bệnh. Vì chúng sanh bệnh mà Bồ tát bệnh. Chừng nào chúng sanh hết bệnh, thì bệnh Bồ tát lành.

Bồ tát thương chúng sanh như cha mẹ thương con. Con bệnh cha mẹ bệnh theo. Con lành bệnh, bệnh cha mẹ cũng lành.

Bệnh của Bồ tát phát sanh do tâm đại bi.

4.- Cõi nước của chư Phật cũng trống không, thất của Bồ tát Duy Ma Cật cũng trống không, nhằm khai thị đạo lý "Hành thâm Bát Nhã, chiếu kiến ngũ uẩn giai không".

Tuy nhiên người đạt đạo phải tìm thấy "Cái không ngay trong cái có".

Đó là cái nhìn của tuệ nhãn: Đương thể tức không của Bồ tát.

5.- Ma quân ưa sanh tử. Bồ tát ở trong sanh tử không rời. Ngoại đạo đam mê kiến chấp, Bồ tát ở trong kiến chấp mà không động.

Do vậy Bồ tát không cô đơn. Ma quân và ngoại đạo là người hầu cận, là "thị giả" rồi.

6.- Bệnh của Bồ tát không thuộc thân, vì Bồ tát đã ly "thân tướng". Cũng không phải thuộc tâm, vì Bồ tát biết rõ "tâm như huyễn".

7.- Khi thăm bệnh, Bồ tát cần nhắc nhở bệnh nhân về sự vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh của thân, nhưng không khuyến khích chán nản thân, bi quan, yếm thế và tiêu cực vì thân.

Hãy quán xét bệnh của mình, mà nghĩ đến bệnh khổ của chúng sanh. Hãy phát chí nguyện làm vị đại y vương để trị bệnh cho tất cả.

8.- Bồ tát có bệnh nên tự quán chiếu rằng: Bệnh của ta do phiền não vọng tưởng điên đảo, do chấp ngã pháp mà sanh. Có điên đảo thì có bệnh khổ.

9.- Muốn trừ diệt bệnh khổ, Bồ tát khởi ý tưởng "Ly". Ly ngã, ngã sở. Ly nội tâm, ly ngoại cảnh. Khởi ý niệm bình đẳng rằng: Ngã vốn không và Niết bàn cũng chẳng có.

10.- Gốc bệnh của chúng sanh là tâm phan duyên. Chừng nào chúng sanh còn tâm phan duyên thì gốc bệnh còn.

11.- Muốn đoạn tâm phan duyên phải "Vô sở đắc". Muốn được vô sở đắc phải viễn ly chấp ngã và chấp pháp.

12.- Bồ tát cứu độ chúng sanh không được có lẫn tâm ái kiến. Nếu lòng đại bi mà có lẫn ái kiến thì việc độ sanh sẽ có lúc mỏi mệt nản lòng.

13.- Trong việc độ sanh, thực hiện đúng chánh pháp, Bồ tát tự tại trong nhiệm vụ lợi tha. Thực hiện sai chánh pháp, Bồ tát có thể bị ràng buộc, mắc mưu, chướng ngại sự giải thoát giác ngộ của mình.

Nếu Bồ tát còn móng niệm đam mê, trụ chấp dù là đam mê trụ chấp thiên định lục ba la mật, Bồ đề, Niết bàn, Bồ tát bị ràng buộc rồi.

Bồ tát phải thường xuyên xử dụng trí tuệ, luôn luôn vận dụng phương tiện trong việc độ sanh là Bồ tát được cởi mở ràng buộc.

14.- Bồ tát có bệnh điều phục tâm mình bằng cách: không trụ ở tâm điều phục, cũng không trụ ở tâm bất điều phục. Bởi vì trụ ở tâm điều phục là pháp của Thanh văn. Trụ ở tâm bất điều phục là pháp của phàm phu.

15.- Bồ tát phải thể hiện Bồ tát hạnh. Không thể hiện Bồ tát hạnh thực nghĩa Bồ tát không còn.

Bồ tát hạnh không phải là hạnh phàm phu, cũng không phải là hạnh hiền thánh. Bồ tát hạnh không phải hạnh cầu nhiệm cũng không phải hạnh thanh tịnh.

Bồ tát hạnh: "Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm".

LỜI TỰA TẬP II

THIÊN và QUÁN là tông chỉ của đạo Phật. Trên đường tu Phật, thiên, quán là phương tiện đặc thù không thể không có đối với một Phật tử. Bồ đề, Niết bàn là mục đích cần đạt đến mà Thiên Quán được ví như hai cỗ xe chuyên chở lữ hành trên suốt lộ trình tiến về mục đích ấy.

Muốn hiểu kinh Duy Ma Cật học giả phải vận dụng công phu trong việc "Tu duy", phải xử dụng nhiều "Quán trí". Có "Tu duy tu" trong "tĩnh lự" có quán chiếu sâu sắc mới thật thấy, thật biết và thật chứng nhiều điều trong kinh nói. "Thập huyền duyên khởi" là những đề tài Thiên Quán vi diệu thậm thâm. Đọc, nghiên cứu kinh Bất Tư Nghì Giải Thoát Pháp Môn mà không có khả năng tư duy không thể nhập Thập huyền duyên khởi thì không thể nào hiểu đúng được tông chỉ mục đích của kinh.

Để chuẩn bị tư tưởng, trước khi nghiên cứu tập hai của bộ kinh Duy Ma Cật, tôi trân trọng giới thiệu cùng quý đọc giả về những đề tài Thiên Quán vi diệu thậm thâm ấy:

- 1.- Đồng thời cụ túc tương ứng môn.
- 2.- Nhất đa tương dung bất đồng môn.
- 3.- Chư pháp tương túc tự tại môn.
- 4.- Nhân đà la võng cảnh giới môn.
- 5.- Vi tế tương dung an lập môn.

- 6.- Bí mật ẩn hiện câu thành môn.
- 7.- Chư tàng thuần tạp cụ đức môn.
- 8.- Thập thể cách pháp dị thành môn.
- 9.- Duy tâm hồi chuyển thiện thành môn.
- 10.- Thác sự hiển pháp sanh giải môn.

Thiền giả tư duy vạn pháp, nhận thức vạn pháp qua "mười mặt" của một vấn đề. Thế nhập sâu sắc "Thập huyền duyên khởi". Thiền giả sẽ lý giải đúng ý nghĩa, quán triệt hết tông chỉ mục đích của toàn kinh. Những chuyện nghe như hoang đường, thần thoại, sau khi lý giải đúng tông chỉ mục đích của kinh, thì ra đó không phải kinh có ý nghĩ chép chuyện thần thoại hoang đường. Mà đó là nhằm mục đích hướng dẫn cho người đệ tử Phật cách nhận thức vạn pháp trong vũ trụ qua "mười mặt" của một vấn đề. Phải nhận thức như thế mới biết bằng cái biết toàn diện, thấy bằng cái thấy toàn diện của "một pháp".

Thiền của kinh Duy Ma Cật là Đại thừa thiền. Thiền mà không cần trốn tránh trách nhiệm, không từ chối bổn phận trong việc lợi lạc chúng sanh. Thiền giả có thể làm tất cả việc, mà không luyến ái chấp thủ ở sự nghiệp, ở thành tích của mình làm. Thiền giả cũng không cần xua đuổi chối bỏ thành tích để hy vọng đổi lấy cảnh giới Niết bàn, Bồ đề nào ở một thế giới xa xăm nếu có.

"Bất tận hữu vi, bất trụ vô vi" là tinh thần Thiền của Duy Ma Cật. Về tục đế, không một việc gì lợi ích chúng sanh mà không làm. Bên chân đế, không thủ đắc một pháp dù đó là Bồ đề, Niết bàn vô thượng.

Tu học kinh Duy Ma Cật là tu học Bất Tư Nghì Giải Thoát Pháp Môn, cho nên thành quả của hành giả chứng đắc phải là Cảnh giới bất tư nghì giải thoát, nghĩa là giải thoát ngay trong cuộc sống hiện tại, giải thoát ở trên mặt đất này, ở trong mọi hoàn cảnh mà kinh điển thường gọi : "Bất ly u đương xứ".

Viết tại Huỳnh Mai Tịnh Thất
Ngày 20 tháng 12 năm 1991.

Pháp sư THÍCH TỪ THÔNG
Kính đề.

CHƯƠNG THỨ SÁU : BÁT TU NGHÌ

1.- Ông Xá Lợi Phát thấy trong tịnh thất không có giường cũng chẳng có một chiếc ghế nào. Ông bèn khởi ý nghĩ: Tịnh thất trống trơn như thế này, chư Bồ tát và Thanh văn chúng rồi sẽ ngồi vào đâu?

Biết ý nghĩ của Ông Xá Lợi Phát, trưởng giả Duy Ma Cật bèn hỏi:

- Thưa ngài Xá Lợi Phát! ngài vì pháp đến đây hay vì chỗ ngồi mà đến?

- Tôi vì pháp mà đến chứ không phải vì chỗ ngồi. Ông Xá Lợi Phát đáp.

- Thưa ngài Xá Lợi Phát! người thực tâm cầu pháp, thân mạng còn không đáng tiếc hà huống phải quan tâm nghĩ đến chỗ ngồi. Cầu pháp phải quên đi cái thân ngũ uẩn. Cầu pháp phải đóng bít lục căn, cắt đứt lục trần và vô hiệu hóa hết cả lục thức.

Cầu pháp không cầu những pháp triền phược tương quan trong cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc.

- Thưa ngài Xá Lợi Phát! người cầu pháp không phải vì ham quả vị Phật. Cầu pháp không phải vì đam mê giáo pháp. Cầu pháp không phải vì cảm tình với chúng Tăng. Không vì thấy khổ mà cầu pháp. Không vì đoạn tập mà cầu pháp. Không vì chứng đắc Niết bàn mà cầu pháp. Và cũng không vì nguyên nhân chứng đắc Niết bàn mà cầu pháp. Vì sao? Vì pháp không phải hý luận. Nếu nói rằng ta vì thấy khổ, vì đoạn tập, vì chứng Niết bàn, vì tu đạo mà cầu pháp thì pháp đó trở thành hý luận, không phải cầu pháp.

- Thưa ngài Xá Lợi Phát! Pháp là tịch diệt. Nếu biểu hiện qua hành vi sanh diệt thì đó là cầu sanh diệt, chứ không phải cầu pháp.

Pháp là vô nhiễm. Nếu nhiễm ở pháp cho đến nhiễm Niết bàn, thế là cầu nhiễm chứ không phải cầu pháp.

Pháp không năng hành, sở hành. Nếu dụng ý hành ở nơi pháp, đó là cầu năng hành sở hành chứ không phải cầu pháp.

Pháp không có thủ xả. Đối với pháp mà có ý thủ xả, đó là cầu thủ xả chứ không phải cầu pháp.

Pháp không có xứ sở. Nếu chấp nê xứ sở, đó là cầu xứ sở chứ không phải cầu pháp.

Pháp là vô tướng. Nếu dựa trên tướng để nhận biết, đó là cầu tướng chứ không phải cầu pháp.

Pháp không được trụ. Nếu trụ ở nơi pháp, đó là cầu trụ chứ không phải cầu pháp.

Pháp không phải thấy, nghe, hiểu biết. Nếu biểu hiện qua thấy, nghe, hiểu biết đó là cầu thấy, nghe, hiểu biết chứ không phải cầu pháp.

Pháp là vô vi. Nếu hiểu qua hữu vi, đó là cầu hữu vi chứ không phải cầu pháp. Vì vậy cho nên:

- Thưa ngài Xá Lợi Phất! nếu là người cầu pháp, đối với tất cả không nên khởi ý niệm cầu.

Ông Duy Ma Cật nói xong những điều trên, bấy giờ có năm trăm thiên tử đối với các pháp có được cái nhận thức thanh tịnh (đặc pháp nhãn tịnh).

2.- Ông Duy Ma Cật hỏi Bồ tát Văn Thù rằng: Nhân giả từng vân du vô lượng vô số cõi nước, Ngài biết cõi Phật nào có tòa sư tử đẹp nhất do công đức trang nghiêm thành tựu?

- Có, thưa cư sĩ. Bồ tát Văn Thù đáp. Ở về phương Đông, từ đây phải trải qua ba mươi sáu hằng hà sa nước, có thể giới tên Tu Di Tướng, đức Phật ở cõi nước đó hiệu Tu Di Đẳng Vương đang trụ thế. Thân Phật lớn tám muôn bốn ngàn do tuần. Tòa sư tử của Phật cũng cao tám muôn bốn ngàn do tuần, lộng lẫy trang nghiêm bậc nhất.

Ông Duy Ma Cật vận dụng hiện sức thần thông khiến ba muôn hai ngàn tòa sư tử lộng lẫy trang nghiêm cao rộng tự chuyển vào trong tịnh thất của ông trong khoảnh khắc.

Chư Bồ tát, các đại đệ tử, Đế Thích, Phạm thiên nghĩ rằng việc này từ trước đến nay chưa từng thấy. Chu vi ngôi tịnh thất hữu hạn chừng ấy, lại bao dung cả ba muôn hai ngàn tòa sư tử đồ sộ thế kia mà không chướng ngại gì nhau. Thành Tỳ Da Ly cũng có chừng mực phạm vi của nó thế mà mọi hiện trạng đều y nguyên như cũ, không chật chội hơn chút nào!

Ông Duy Ma Cật mời Bồ tát Văn Thù và chư đại Bồ tát an tọa. Các Bồ tát được thân thông tự biến thân cao lớn bốn muôn hai ngàn do tuần, mới lên tòa ngồi được. Các Bồ tát tân phát ý và hàng Thanh văn đại đệ tử đều không lên ngồi được.

Trưởng giả Duy Ma Cật mời ông Xá Lợi Phất thăng tòa.

Ông Xá Lợi Phất nói: Thưa cư sĩ, tòa cao quá tôi không lên được.

Trưởng giả Duy Ma Cật nói: Xá Lợi Phất! Ngài làm lễ đức Tu Di Đăng Vương Như Lai rồi có thể lên tòa ngồi được.

Hàng tân phát ý Bồ tát và tất cả đại đệ tử Thanh Văn làm lễ đức Tu Di Đăng Vương Như Lai, bấy giờ mọi người đều lên được tòa ngồi.

Ông Xá Lợi Phất nói: Thưa cư sĩ! Quả là việc lạ lùng chưa từng có. Diện tích của ngôi tịnh thất hữu hạn này mà lại có thể dung chứa hàng mấy muôn cái tòa cao rộng. Thành Tỳ Da Ly, xóm làng, cõi nước đều không chật chội trở ngại gì nhau. Đây là việc chưa từng có!

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Ông Duy Ma Cật nói: Chư Phật, Bồ tát có pháp môn giải thoát gọi là "Bất khả tư nghì". Nếu Bồ tát trụ trong pháp môn giải thoát đó, có thể lấy núi Tu Di cao rộng để vào trong một hạt cải, mà núi Tu Di vẫn y nguyên trạng, hạt cải cũng không thêm bớt chút nào. Trời Tứ Thiên vương, Đạo Lợi, chư Thiên không thể hay biết cảnh giới chư Thiên đang ở trong hạt cải. Chỉ có những người đáng độ (Bồ tát đẳng địa), mới thấy biết núi Tu Di được đặt vào trong hạt cải.

Bồ tát trụ bất tư nghì giải thoát, có thể lấy nước biển cả để vào lỗ chân lông mà nước biển cả vẫn y nguyên. Các loài thủy tộc cá, tôm, rùa, trạch v.v...không bị khuấy động, Long vương, quỷ thần, A tu La...không hề hay biết và họ chẳng bị nhiễu hại chút nào.

Bồ tát trụ bất tư nghi giải thoát, còn xắn lấy ba ngàn đại thiên thế giới để trên bàn tay và ném qua hàng hà sa thế giới, rồi thu về đặt lại chỗ cũ, mà thế giới vẫn y nhiên. Người người ở trong các thế giới kia không hề hay biết về sự đi lại của mình.

3.- Còn nữa thưa ngài Xá Lợi Phất! Nếu có chúng sanh thích sống lâu ở đời, vì hóa độ họ, trong khoảng bảy ngày, Bồ tát nói với họ là một kiếp, khiến chúng sanh kia tin nhận là một kiếp. Hoặc có chúng sanh không thích sống lâu ở đời, vì hóa độ họ, Bồ tát rút ngắn một kiếp nói là bảy ngày, khiến chúng sanh kia tin nhận là bảy ngày.

Còn nữa thưa ngài Xá Lợi Phất! Trụ bất tư nghi giải thoát, Bồ tát lấy những sự trang trí đẹp đẽ của tất cả cõi Phật nhóm lại ở một chỗ chỉ bày cho chúng sanh xem thấy rõ ràng. Bồ tát lại lấy tất cả chúng sanh và cõi Phật để trên bàn tay bay đến khắp mười phương, chỉ rõ cho tất cả mà "bổn xứ" không hề động chuyển.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Những món đồ cúng dường chư Phật trong mười phương, Bồ tát có thể đem vào trong một lỗ chân lông khiến cho ai cũng có thể được thấy.

Mười phương cõi nước có bao nhiêu nhật nguyệt, tinh tú gom về trong một lỗ chân lông, khiến cho xem thấy dễ dàng.

Mười phương thế giới có bao nhiêu gió, Bồ tát hợp vào miệng mà thân không hề tổn hại. Tất cả cỏ cây bên ngoài không bị gãy đổ.

Mười phương thế giới, khi kiếp tận, lửa cháy ngút trời, Bồ tát hút tất cả lửa vào trong bụng, mà thân không bị hại.

Bồ tát có thể lấy một cõi Phật ở hàng hà sa thế giới ở hạ phương, cầm đem lên cách hàng hà sa số thế giới ở thượng phương như cầm một que tăm găm vào một lá táo, không khó khăn mệt nhọc chút nào.

Còn nữa thưa ngài Xá Lợi Phất! Trụ bất tư nghi giải thoát, Bồ tát có thể dùng thân thông hiện thân Bích chi Phật, hoặc hiện thân Thanh văn, hoặc hiện thân Đế Thích, hoặc hiện thân Phạm vương, hoặc hiện thân Chuyển luân vương.

Lại nữa, trong mười phương thế giới có bao nhiêu thứ âm thanh, thượng, trung, hạ đều có thể biến thành âm thanh Phật, diễn nói những pháp của chư Phật trong mười phương đã nói như vô thường, khổ, không, vô ngã khiến cho chúng sanh hữu duyên đều được nghe.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Tôi lược nói về thần lực bất khả tư nghì giải thoát của Bồ tát là thế. Nếu nói rộng suốt kiếp cũng không thể nói hết được.

4.- Ngài Đại Ca Diếp, sau khi nghe pháp môn bất khả tư nghì giải thoát, rất hoan hỉ, tán thán và nói với ông Xá Lợi Phất rằng:

Ví như sắc tượng hiện hữu ngay trước mắt người mù nhưng người mù không sao thấy được. Cũng vậy, với pháp môn bất khả tư nghì giải thoát, hàng Thanh văn dù có nghe nhưng cũng không hiểu rõ được.

Người trí ai nghe mà chẳng phát tâm vô thượng Bồ đề.

Hàng Thanh văn chúng ta vì sao lại dứt hẳn hạt giống đại thừa để cho mầm tược cháy khô! Tất cả hàng Thanh văn nghe pháp môn bất khả tư nghì giải thoát, nên khóc rống lên đi! Khóc cho vang động cả ba ngàn đại thiên thế giới! Còn tất cả những Bồ tát, những người chúng tánh đại thừa nên hoan hỉ tiếp thụ, kê đầu đội lấy pháp môn này.

Bồ tát tin và hiểu pháp môn bất khả tư nghì giải thoát, tất cả các ma dù có thể lực bao nhiêu đi nữa cũng không làm gì động chuyển.

Ngài Đại Ca Diếp nói xong, khi bấy giờ có ba muôn hai ngàn thiên tử phát tâm vô thượng Bồ đề.

Ông Duy Ma Cật nói với ngài Đại Ca Diếp:

5.- Thưa nhân giả! Trong thập phương vô lượng A tăng kỳ thế giới, những người làm ma vương phần nhiều là Bồ tát trụ bất khả tư nghì giải thoát, dùng sức phương tiện giáo hóa chúng sanh mà hiện làm ma vương như vậy.

Lại nữa, thưa ngài Ca Diếp! Bồ tát trong mười phương nhiều vô số. Có khi người ta theo các ngài để xin mắt, mũi, tay, chân, máu thịt, xương tủy, đầu óc...Xin quốc thành thê tử, tượng mã, kim ngân...xin cả y phục và thức ăn. Người xin như vậy, phần nhiều là Bồ tát trụ bất khả tư nghì giải thoát dùng

sức phương tiện để thử thách hạnh sở hành của Bồ tát khiến cho sức kiên cố càng thêm kiên cố.

Thử thách như vậy để làm gì?

Bởi vì Bồ tát trụ bất tư nghi giải thoát có nghị lực và uy đức lớn lao, cho nên dùng những hành động bức bách dồn ép làm những việc khó làm để biểu thị sức tinh tấn, chỉ bày đức nhẫn nhục... vì sự nghiệp giáo hóa chúng sanh.

Hạng phàm phu hạ liệt không có uy lực, không thể kham chịu những sự bức bách nghiệt ngã như Bồ tát được. Ví như sức lừa không thể chịu nổi sự đâm đạp của long tượng.

Đó là pháp môn phương tiện và trí tuệ của Bồ tát trụ bất khả tư nghi giải thoát pháp môn.

TRỰC CHỈ

Bất khả tư nghi có nghĩa là vượt ngoài khái niệm suy tư phân biệt của sự hiểu biết thường tình. Sự kiện bất tư nghi đồng nghĩa với những gì xưa nay chưa từng có mà nay có.

Duy Ma Cật là người bất tư nghi. Ông thuyết bất tư nghi pháp, tập hợp bất tư nghi chúng để khởi động bất tư nghi tâm, khiến cho những ai còn mơ hồ về khả năng trí tuệ của đại thừa, nhân cơ hội này đều được nghe qua sự trình diễn "bất tư nghi cảnh", của vị Bồ tát tại gia là trưởng giả Duy Ma Cật.

1.- Tịnh thất trống không tiêu biểu chân lý: vạn pháp giai không.

Một thân nằm trên một giường, tiêu biểu pháp giới thân và pháp giới độ viên dung, bất ly, bất tức.

Phật có "Pháp thân, Báo thân, và Ứng thân". Con người ai ai cũng có ba thân như vậy. Về pháp thân thì ở Thánh cũng không thể tốt thêm ra, ở phàm cũng không xấu bớt, nghĩa là pháp thân thì Phật và chúng sanh cùng có y nhau. Chỉ có Báo và Ứng hai thân này thì sự thọ dụng tùy phước đức và trí huệ riêng khác của mỗi con người.

Vì vậy, một thân nằm choán trên một giường và chỉ một giường bệnh đơn độc ở trong một tịnh thất trống, đó là một báo hiệu mở màn cho những thời pháp bất tư nghi ở các chương sắp tới.

Đi nghe pháp cốt để học chánh pháp, hành chánh pháp và sống theo chánh pháp. Sống đúng chánh pháp tức là sống trong Bồ đề Niết bàn rồi. Cho nên nghe pháp, học pháp không nên dụng ý khởi tâm mong cầu. Cầu chứng đắc Bồ đề, Niết bàn vẫn đã là sai hướng chi cầu chỗ ngồi, nghĩ đến chỗ ngồi và khởi tâm mong cầu những điều gì khác.

Sống đúng theo chánh pháp đồng nghĩa với sống đúng pháp tánh. Sống đúng pháp tánh tức là mình sống với Phật tánh của mình rồi. Vì Phật tánh và Pháp tánh không hai. Vì tánh thanh tịnh bản nhiên của chúng sanh vô tình trong vũ trụ vạn hữu gọi là pháp tánh. Tánh thanh tịnh bản nhiên của chúng sanh hữu tình, của con người gọi là Phật tánh. Ví như cùng là lửa do đốt rơm hay đốt than đá mà tên của lửa và độ nóng của lửa khác nhau.

2.- Bồ tát trụ trong pháp môn bất tư nghi có thể làm tất cả việc bất tư nghi do Bồ tát sử dụng "Quán trí" bất tư nghi vậy.

Sử dụng Quán trí bất tư nghi, Bồ tát thấy và hiểu biết rõ tánh duyên khởi huyền diệu của vạn pháp như sau:

a.- Đồng thời cụ túc tương ứng môn : Bồ tát sử dụng quán trí biết và thấy rõ rằng một pháp có đủ chủng tử, chất liệu của vạn pháp tự nó ứng hợp lại với nhau mà hình thành.

b.- Nhất đa tương dung bất đồng môn: Một là một của cái nhiều. Nhiều là nhiều của cái một. Một và nhiều dung nhiếp quyện chặt với nhau. Trong cái nhiều có nhiều cái một. Cái một là yếu tố cấu tạo nên cái nhiều. Dù vậy tướng một và tướng nhiều không hai mà cũng không phải một.

c.- Chư pháp tương tức tự tại môn: Pháp này tức là pháp kia. Pháp kia tức là pháp này. Trong pháp này hàm chứa chủng tử của pháp kia. Trong tất cả pháp kia có chứa chất liệu chủng tử của pháp này. Chủng tử của vạn pháp trùng trùng duyên khởi cho nhau, tương tức tương nhập một cách tự tại.

d.- Nhân đà la võng cảnh giới môn: Nhân đà la võng là màn lưới châu nhiều lớp của Thiên Đế Thích. Lưới châu này ánh hiện hình ảnh trùng trùng, cho nên sự phản chiếu và ánh hiện của lưới châu vô tận. Hiện tượng vạn

pháp tương ưng, tương dung, tương tức, tương nhập tác dụng lẫn nhau mà hình thành, sự tương quan tác dụng đó như sự ánh hiện của lưới châu trời.

e.- Vi tế tương dung an lập môn: Dù vật nhỏ như một mảy may hay ở một điểm vi tế nào cũng hàm dung chất liệu của tất cả hiện tượng vạn pháp. Ví như đầu mảy lông của con sư tử vàng cùng với chất vàng của toàn thân con sư tử tương dung tương tức mà an lập hình thành ra sư tử vàng.

f.- Bí mật ẩn hiển câu thành môn: Một pháp tức là tất cả các pháp. Khi thấy biết một pháp thì một pháp hiển, tất cả pháp ẩn. Bây giờ, tất cả pháp tức là một pháp. Khi thấy biết tất cả pháp thì tất cả pháp hiển, một pháp ẩn. Bây giờ, một pháp là tất cả pháp. Ví như ngôi nhà và nguyên liệu xây dựng ngôi nhà.

g.- Chư tạng thuần tạp cụ đức môn: Mỗi pháp là một chỉnh thể hàm tạng hỗn hợp. Những pháp do hỗn hợp nhiều chất liệu, nhiều yếu tố mà thành gọi là tạp. Có pháp không do nhiều chất tương đối có tính đơn thuần hỗn hợp mà vẫn được thành, gọi đó là thuần. Dù thuần dù tạp pháp nào cũng có vị trí của nó và tương quan tác dụng với nhau để hình thành vạn pháp trong thế giới hiện tượng.

h.- Thập thể cách pháp dị thành môn: Dựa trên bảy môn trên, thiền giả quán chiếu nhận thức vạn pháp bên mặt không gian, không có pháp nào đơn độc tự nó hình thành ra nó. Về mặt thời gian cũng thế. Khái niệm thời gian là dựa trên quá trình vận động biến chuyển vô thường của sự vật hiện tượng. Đã là biến chuyển vận động vô thường thì không thể có một phút giây dừng đứng. Cho nên, đời chỉ là một khái niệm ước định nhận thức của con người. Chơn thật mà nói, đời không có gì làm điểm tựa. Quá, hiện, vị lai gọi là ba đời. Kỳ thật trong quá khứ đã có đủ quá, hiện, vị lai. Trong hiện tại đã có quá, hiện, vị lai và vị lai vẫn đã có quá, hiện, vị lai. Chín đời tổng hợp thành một đời. Một đời do chín đời hợp lại. Cho nên gọi là thập thể cách pháp dị thành nghĩa là chín đời dị biệt lại có thể thành tựu một đời.

i.- Duy tâm hồi chuyển thiện thành môn: Duy tâm tức là Duy Như Lai tạng tâm. Tất cả vạn pháp duy Như Lai tạng tâm mà chuyển biến xoay vần, duyên khởi tác dụng vào nhau hình thành một cách mẫu nhiệm. Cho nên gọi là Duy tâm hồi chuyển thiện thành.

j.- Thác sự hiển pháp sanh giải môn: Dựa trên sự vật cụ thể phô diễn trước mắt, người ta có thể suy luận, tư duy và nhận thức vạn pháp một cách không

khó khăn về cả hai mặt: không gian và thời gian. Người thiền giả nhận thức rõ sự tổ hợp hình thành của vạn pháp với chân lý trùng trùng duyên khởi qua Thập huyền môn cũng là một chân lý hiển nhiên không khó khăn gì.

Thế nhập sâu sắc chân lý của vạn pháp qua thập huyền duyên khởi, người học Phật mới cắt nghĩa được những bất tư nghì sự của Bồ tát thi thố, mới hiểu đúng những bất tư nghì pháp của Bồ tát nói, mới thật thấy mà không phải thấy thật những bất tư nghì cảnh giới mà Bồ tát trình diễn ở kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết này.

Tòa sư tử cao rộng 84.000 do tuần (một do tuần 30 km), vậy $84.000 \times 30 = 2.520.000$ km. Thế là một tòa sư tử chiếm diện tích: hai triệu năm trăm hai chục ngàn cây số. Vậy mà trưởng giả Duy Ma Cật mượn về và đem vào tịnh thất của mình ba muôn hai ngàn tòa sư tử cao rộng như thế. Thế mà tịnh thất vẫn dung chứa hết. Thành Tỳ Da Ly, xóm làng cũng không chật chội hơn chút nào.

Sự kiện này, kinh Duy Ma Cật muốn nói gì đây? Người đệ tử Phật phải tin hiểu cách nào? Pháp sư truyền bá chánh pháp phải giảng dạy như thế nào để cho người đệ tử Phật sau khi học pháp không ngu đần mê tín dị đoan hơn lúc chưa đi nghe pháp.

Giải đáp mấy nghi vấn vừa nêu, người học Phật chỉ có một con đường duy nhất phải hành thiền, phải tư duy và quán chiếu thập huyền duyên khởi cho thấu triệt, thế nhập tận tường. Bấy giờ trí tuệ của thiền giả phát triển thì sự thấy nghe và nhận thức vạn pháp xuyên qua kinh điển không làm.

Bồ tát trụ bất tư nghì giải thoát làm những việc bất tư nghì...là cách vận dụng ngôn ngữ để chuyên chở trí tuệ bất tư nghì của con người thành tựu nhất thiết chủng trí.

Xử dụng nhất thiết chủng trí nhìn bất cứ một pháp nào đều thấy :Đồng thời cụ túc tương ứng.

Xử dụng nhất thiết chủng trí nhìn vạn pháp, thiền giả sẽ thấy: Chư pháp tương tức tự tại.

Xử dụng nhất thiết chủng trí nhìn vạn pháp, thiền giả sẽ thấy: Nhất đa tương dung bất đồng.

Xử dụng nhất thiết chủng trí nhìn vạn pháp, thiên giả sẽ biết: Quảng hiệp tự tại vô ngại.

Kinh nói trường giả Duy Ma Cật mượn ba muôn hai ngàn tòa sư tử cao rộng 84.000 do tuần ở thế giới thượng phương đem vào trong thất mà tịnh thất vẫn dung nạp hết. Thành Tỳ Da Ly và xóm làng không hề chật chội và chẳng trở ngại gì.

Mở gút nghi ngờ đó, thiên giả phải xử dụng nhất thiết chủng trí nhìn vạn pháp qua tri kiến: Quảng hiệp tự tại vô ngại. Thiên giả thấy rằng: sự rộng, hẹp, lớn, nhỏ của vạn pháp trên hiện tượng chỉ là hiện tượng. Còn bản thể của vạn pháp thì tương ứng, tương dung, tương tức, tương nhập, tương thành.

Người học Phật và là đệ tử Phật chơn chánh tuyệt đối không được khởi niệm tin rằng Bồ tát Duy Ma Cật có tài phép biến hóa như một nhà ảo thuật, như một thôi miên gia...

3.-Nói về việc kéo dài thời gian ngắn ra dài, dài rút ngắn để đáp ứng nguyện vọng của chúng sanh cốt là khiến cho họ quay về với Phật pháp.

Làm được điều đó, thiên giả chỉ cần xử dụng quán trí: Thập thế cách pháp dị thành. Thành tựu phép quán đó, thiên giả chợt thấy thời gian chẳng có giá trị chơn thật. Khái niệm thời gian chỉ là dựa trên sự vô thường vận động chuyển biến của các pháp hữu vi vẫn luôn luôn chuyển biến vận động vô thường.

Do vậy, dưới mắt của người thành tựu nhất thiết chủng trí thời gian ngắn dài chỉ là hí luận để luận thuyết với những ai còn mê mộng chân lý cuộc đời.

Xử dụng nhất thiết chủng trí nhìn vạn pháp qua lăng kính Bát nhã Ba la mật, thiên giả sẽ thấy vạn pháp giai không thì không gian và thời gian dù có diễn tả thiên ngôn vạn ngữ bù tai đẹp ý cách nào thì cũng chỉ là hí luận mà thôi.

Người học Phật không tư duy sâu sắc, không thể nhập ý nghĩa Thập huyền duyên khởi mà đem kinh Duy Ma Cật ra giảng nói lếu láo, qua loa càng khiến cho những người Phật tử chưa có điều kiện học Phật vốn đã mê tín, sau thời gian đi nghe giảng kinh Duy Ma, óc mê tín càng tăng thêm vạn bội.

Bởi vì trường giả Duy Ma Cật là người bất tư nghi, tập hợp bất tư nghi chúng, thuyết bất tư nghi pháp, làm bất tư nghi sự, trình diễn bất tư nghi

cảnh giới, trụ bất tư nghi giải thoát pháp môn, nhưng bất tư nghi không được hiểu như người có tài phép biến hóa. Càng không được hiểu bất tư nghi đồng nghĩa với sự khéo tay trình diễn trước công chúng của các nhà ảo thuật thiên tài.

4.- Hàng Thanh văn sau khi nghe bất tư nghi sự của Bồ tát rồi tự trách về tri kiến mình và sau đó, phát tâm Vô thượng Bồ đề, đó là chân lý đương nhiên vậy.

5.- Có lửa cao mới biết tuổi vàng. Có chiến đấu mới thể hiện khả năng của dũng sĩ. Bồ tát thì phải làm cho được những việc khó làm. Để trải nghiệm mức độ thành công của Bồ tát là những sự bức bách, những bất như ý, khó khăn Bồ tát phải vận dụng sức trí tuệ đáp ứng mọi tình huống, mọi yêu cầu để hoàn thành hạnh nguyện. Vì tất cả chủng loại chúng sanh là Tịnh Độ của Bồ tát.

CHƯƠNG THỨ BẢY : QUÁN CHÚNG SANH

1.- Bồ tát Văn Thù Sư Lợi hỏi ông Duy Ma Cật rằng: Đối với chúng sanh, Bồ tát quán chiếu và thấy như thế nào?

Ông Duy Ma Cật nói: Bồ tát quán thấy chúng sanh như nhà huyền thuật thấy người huyền do huyền thuật hóa ra. Lại ví như như người trí thấy trăng trong nước, như bóng trong gương, như sóng nắng lúc trời nắng gắt của ngày hè, như vang của tiếng, như mây trong không, như bọt trên mặt nước, như bong bóng dưới cơn mưa, như sự bền chắc của cây chuối, như sự dừng lâu của tia chớp lung trời, như đại thứ tám, như ẩm thứ sáu, như nhập thứ mười ba, như giới thứ mười chín.

Bồ tát quán chúng sanh như thế đấy.

Lại nữa, Bồ tát quán thấy chúng sanh: như sắc chất trong cõi vô sắc, như mầm của thóc rang, như thân kiến của người được quả Tu Đà hoàn, như sự nhập thai của người được quả A la hán, như tham, sân, si của Bồ tát được chứng pháp vô sanh nhẫn, như phiền não tập khí của Phật, như sự thấy màu sắc của người mù, như dấu chim trong hư không, như con của thạch nữ, như phiền não của huyền nhơn, như chiêm bao lúc thức, như lửa không khói.

Bồ tát quán thấy chúng sanh như thế đấy. Thừa ngài Văn Thù Sư Lợi!

2.- Bồ tát Văn Thù Sư Lợi hỏi: Bồ tát đã khởi quán chúng sanh như vậy, thế còn hạnh từ bi Bồ tát phải thực hiện hạnh từ bi của mình đối với chúng sanh bằng cách nào?

Ông Duy Ma Cật nói: Bồ tát khởi quán như thế rồi tự nghĩ rằng ta sẽ vì chúng sanh mà nói pháp như thế đó là hành chơn thật từ. Tiếp đến, Bồ tát vận dụng:

Hành tịch diệt từ biết rõ các pháp vốn không sanh.

Hành bất nhiệt từ không để cho phiền não sanh khởi trong lòng.

Hành bình đẳng từ với quá khứ, hiện tại, vị lai thời nào tâm cũng bình đẳng.

Hành vô tránh từ không khởi ý tranh cãi thị phi.

Hành bất nhị từ cắt đứt ý phân biệt ngoại cảnh nội tâm.

Hành bất hoại từ biết rõ tánh rỗng ráo không của các pháp.

Hành kiên cố từ tâm thâm tín chánh pháp không gì lay động nổi.

Hành thanh tịnh từ biết rõ tánh của vạn pháp vốn thanh tịnh.

Hành vô biên từ tâm rộng lặng cõi mở như hư không.

Hành La hán từ đề cao cảnh giác hóa giải hết những phiền não kiết sử.

Hành Bồ tát từ sẵn sàng đem lại mọi an ổn hạnh phúc cho chúng sanh.

Hành Như lai từ thể nhập cái tướng như của vạn pháp.

Hành Phật đà từ đem hết cuộc đời mình truyền bá tư tưởng tỉnh thức giác ngộ cho chúng sanh.

Hành tự nhiên từ biết rõ quả sở chúng không hề có đặc.

Hành Bồ đề từ biết rõ tất cả giáo pháp Phật chỉ có một vị đó là vị giải thoát.

Hành vô đẳng từ cắt đứt trọn vẹn các ái tưởng nhiễm tâm.

Hành đại bi từ dắt dẫn mọi người vào đại thừa đạo.

Hành vô yểm từ tâm luôn luôn trụ trong quán trí vô ngã và không.

Hành pháp thí từ không dấu điểm chúng sanh về sự hiểu biết chánh pháp của mình.

Hành trì giới từ sẵn sàng giúp đỡ, cảm hóa những ai phạm giới.

Hành nhẫn nhục từ giúp đỡ người khác như giúp đỡ cho chính ta.

Hành tinh tấn từ gánh vác trọng trách giáo hóa chúng sanh.

Hành thiền định từ không đam mê vị khinh an của thiền định.

Hành trí tuệ từ luôn luôn biết việc, biết thời, biết tà, biết chánh.

Hành phương tiện từ tất cả thi vi hành động đều là việc làm của thị hiện.

Hành vô ân từ tâm lúc nào cũng trực và luôn luôn thanh tịnh.

Hành thâm tâm từ dù hành các hạnh mà không có tạp hạnh.
Hành vô cuống từ không làm những gì có tánh đối gạt phỉnh phờ.
Hành an lạc từ bằng mọi cách khiến cho mọi người thọ dụng được cái vui của Phật đạo.

Thưa ngài đại trí Văn Thù! Thực hiện hạnh từ của Bồ tát là như thế đấy.

- Bồ tát Văn Thù hỏi: Thưa cư sĩ! Thế nào là Bi tâm của Bồ tát?
 - Ông Duy Ma Cật đáp: tất cả công đức của Bồ tát làm đều cho chúng sanh hết.
 - Hỉ tâm của Bồ tát thế nào?
 - Chúng sanh được những lợi lạc gì, Bồ tát đều tán thán vui mừng không có hối tiếc.
 - Xả tâm của Bồ tát thế nào?
 - Bồ tát làm bao nhiêu việc phước đức, cứu độ cho chúng sanh được những gì không có niệm ta là kẻ thi ân và đặt hy vọng chờ ngày đền trả.
- 3.- Đường sanh tử rất đáng sợ, Bồ tát phải nương tựa nơi gì để được an ổn?
- Nương nơi nghị lực và công đức Như Lai.
 - Bồ tát muốn nương tựa nghị lực và công đức Như lai cần phải trụ tâm ở nơi nào?
 - Trụ ở tâm độ thoát tất cả chúng sanh.
 - Muốn độ thoát tất cả chúng sanh, Bồ tát phải trừ bỏ những gì?
 - Phải trừ bỏ tất cả những phiền não.
 - Muốn trừ bỏ phiền não, Bồ tát phải thực hành những gì?
 - Phải thực hành chánh niệm.
 - Thực hành chánh niệm phải làm sao?

- Muốn thực hành chánh niệm phải hành bất sanh, bất diệt.
- Pháp nào bất sanh, pháp nào bất diệt?
- Pháp bất thiện bất sanh. Pháp thiện bất diệt.
- Pháp thiện và bất thiện lấy gì làm gốc?
- Thân làm gốc.
- Thân lấy gì làm gốc?
- Dục và tham làm gốc.
- Dục và tham lấy gì làm gốc?
- Hư vọng phân biệt làm gốc.
- Hư vọng phân biệt lấy gì làm gốc?
- Tướng điên đảo làm gốc.
- Tướng điên đảo lấy gì làm gốc?
- Vô trụ làm gốc.
- Vô trụ lấy gì làm gốc?
- Vô trụ thì không có gốc.

Thưa ngài Văn Thù Sư Lợi! Ông Duy Ma Cật nói: Từ chỗ vô trụ mà an lập tất cả pháp.

4.- Trong tịnh thất của ngài Duy Ma Cật có vị thiên nữ. Thấy hàng nhơn thiên nghe pháp, thiên nữ bèn hiện thân và dùng hoa cõi trời tung rải trên các hàng Bồ tát và đại đệ tử Thanh văn cúng dường. Hoa rơi đến các Bồ tát, rớt xuống bình thường. Những hoa rơi nhằm các đại đệ tử thì dính trên người không rớt. Các đại đệ tử dùng hết thần lực phỉ bả những hoa kia nhưng phỉ mãi mà hoa không rớt được.

Thiên nữ hỏi ông Xá Lợi Phát: Vì sao ngài Xá Lợi Phát lại phủi hoa như thế?

Ông Xá Lợi Phát đáp: Vì hoa này không đúng pháp đối với một tu sĩ như chúng tôi.

Thiên nữ nói: Đừng cho rằng hoa này không đúng pháp. Vì sao? Vì hoa không có phân biệt, tại vì Xá Lợi Phát ngài có cái tướng phân biệt đấy thôi. Ở trong Phật pháp, xuất gia mà còn có phân biệt đó là không đúng pháp. Nếu không phân biệt thế mới là đúng pháp.

Xá Lợi Phát! Ngài hãy xem kia, các Bồ tát hoa không dính các ngài vì Bồ tát đã dứt hết tướng phân biệt. Ví như người hay sợ thì quỷ mị mới có dịp khuấy phá khủng bố. Các hàng đệ tử Thanh văn sợ sanh tử cho nên sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trở thành đối tượng nhiễu loạn cõi lòng. Nếu đã ly sợ hãi thì ngũ dục không làm gì được. Chỉ vì tập khí kiết sử của ngài chưa hết cho nên hoa dính mắc vào thân, khi nào tập khí hết hoa sẽ không còn dính nữa.

5.- Ông Xá Lợi Phát hỏi: Thiên nữ ở tại tịnh thất này đã lâu rồi chứ?

- Thiên nữ đáp: Tôi ở tại tịnh thất này như sự giải thoát của bậc kỳ cựu cao niên.

- Vậy có lâu chưa?

- Sự giải thoát của bậc kỳ cựu cao niên há cũng có lâu sao?

Ông Xá Lợi Phát lặng thinh không biết phải nói gì.

Thiên nữ nói: Bậc kỳ cựu đại trí như ngài Xá Lợi Phát sao lại lặng thinh?

- Sự giải thoát vượt ngoài ngôn thuyết văn tự cho nên tôi không biết phải nói gì!

- Văn tự ngôn thuyết là tướng giải thoát đấy chứ! Vì sao? Vì giải thoát không ở trong, không ở ngoài, không ở trung gian. Văn tự cũng không ở trong, không ở ngoài, cũng không ở trung gian.

Thế cho nên không rời văn tự mà nói giải thoát thừa ngài Xá Lợi Phất! Bởi vì sao? Vì tất cả các pháp là tướng giải thoát.

- Không xa lìa dâm nộ si vẫn được giải thoát nữa sao?

- Đúng vậy, Phật vì hạng người tăng thượng mạn nói: Phải xa lìa dâm nộ si để được giải thoát. Nếu không phải hạng tăng thượng mạn, Phật nói tánh của dâm nộ si là tánh giải thoát.

6.- Ông Xá Lợi Phất tán thán: Quý hóa thay! Quý hóa thay Thiên nữ! Cô đắc gì? Cô chứng được gì mà cô có được sức biện tài như thế?

- Tôi không đắc gì hết cũng không chứng gì hết nên tôi mới có được biện tài như thế. Vì sao? Bởi vì có chứng có đắc ở trong Phật pháp là người tăng thượng mạn. 7.- Ông Xá Lợi Phất hỏi thiên nữ: Ở trong ba thừa cô cầu thừa nào?

- Thiên nữ đáp: Khi cần pháp Thanh văn giáo hoá chúng sanh tôi cầu Thanh văn thừa. Khi cần pháp nhân duyên giáo hoá chúng sanh tôi cầu Bích chi Phật thừa. Khi cần pháp đại bi giáo hoá chúng sanh tôi cầu Đại thừa.

- Thừa ngài Xá Lợi Phất! Ví như người vào rừng chiêm bặc chỉ ngửi hương chiêm bặc, không ngửi hương khác. Cũng vậy, nếu người vào tịnh thất này chỉ nghe hương công đức của chư Phật, không ưa nghe hương công đức của Bích chi Phật, của Thanh văn.

8.- Thừa ngài Xá Lợi Phất! Ở trong tịnh thất này, thỉnh thoảng có Đế Thích, Phạm Thiên, Tứ Thiên Vương, chư Thiên Long, quỷ thần vào và nghe Duy Ma Cật thượng như thuyết chánh pháp. Tất cả đều vui ưa hương công đức Phật phát tâm rồi đi.

Ngài Xá Lợi Phất này! Tôi ở tịnh thất này đã mười hai năm. Ngay từ ban đầu, không bao giờ nghe thuyết pháp Thanh văn, Bích chi Phật, tôi chỉ nghe pháp đại từ, đại bi của Bồ tát và pháp bất tư nghị của Phật.

Thừa ngài Xá Lợi Phất! Tịnh thất này thường hiện tám pháp chưa từng có và khó được.

Tịnh thất này thường dùng màu hoàng kim soi sáng ngày cũng như đêm mà không cần đến ánh sáng của nhật nguyệt. Đó là pháp chưa từng có, khó được thứ nhất.

Người vào tịnh thất này không bị các sự cấu uế làm nhiễu loạn thân tâm. Đó là pháp chưa từng có, khó được thứ hai.

Tịnh thất này thường có Đệ Thích, Phạm Vương và chư Bồ tát ở mười phương đến nhóm họp thường xuyên. Đó là pháp chưa từng có, khó được thứ ba.

Ở tịnh thất này thường có thuyết giảng về lục ba la mật và những pháp bất thối chuyển. Đó là pháp chưa từng có, khó được thứ tư.

Ở tịnh thất này thường ngân vang những pháp âm vi diệu, tác động cho non thiên tiếp nhận niềm vui thượng diệu. Đó là pháp chưa từng có, khó được thứ năm.

Ở tịnh thất này có kho tàng tứ đại chứa đầy các báu vật, giúp cho những ai nghèo thiếu, cung cấp hoài không hết. Đó là pháp chưa từng có, khó được thứ sáu.

Ở tịnh thất này khi Duy Ma Cật thượng non khởi tướng niệm thì Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà, Phật A Súc, Phật Bảo Đức, Phật Bảo Viêm, Phật Bảo Nguyệt, Phật Bảo Nghiêm, Phật Nan Thắng, Phật Sư Tử Hương, Phật Nhất Thiết Lợi Thành v.v... vô lượng chư Phật trong mười phương cùng đến nói hết những pháp yếu bí tàng của chư Phật. Nói xong rồi, chư Phật trở về bản quốc. Đó là pháp chưa từng có, khó được thứ bảy.

Ở tịnh thất này tất cả cung điện lộng lẫy, đẹp đẽ của chư Thiên và các Tịnh độ của chư Phật đều hiển hiện ở tịnh thất này. Đó là pháp chưa từng có, khó được thứ tám.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Tịnh thất này thường hiện tám pháp chưa từng có, khó được như vậy. Ai đã thấy biết những việc bất tư nghì như thế mà lại còn ưa thích những pháp Thanh văn!

9.- Ông Xá Lợi Phất hỏi: Tại sao thiên nữ không chuyển đổi nữ thân?

Thiên nữ nói : Từ mười hai năm, tôi tìm cái tướng nữ thân không có. Tôi biết phải chuyển gì? Ví như huyễn sư hóa làm người nữ huyễn. Nếu có người hỏi: "Vì sao không chuyển nữ thân". Câu hỏi đó có đúng lý không?

Ông Xá Lợi Phất đáp: Không đúng. Đã huyễn thì không có tướng cố định. Biết chuyển cái gì!

Thiên nữ nói: Tất cả các pháp cũng như vậy. Không có tướng cố định. Thế tại sao ngài hỏi tôi: "Vì sao không chuyển đổi nữ thân?"

Liền đó, thiên nữ dùng sức thần thông biến ông Xá Lợi Phất y như thiên nữ. Thiên nữ hóa mình y như ông Xá Lợi Phất và hỏi: "Vì sao ngài Xá Lợi Phất không chuyển nữ thân?"

Trong dáng mạo Thiên nữ, ông Xá Lợi Phất đáp: "Tôi không biết chuyển thế nào mà biến làm thân nữ như vậy".

Thiên nữ nói: Ngài Xá Lợi Phất mà có thể chuyển ra thân nữ như thế thì tất cả người nữ sẽ có thể chuyển được. Ngài Xá Lợi Phất không phải nữ mà hiện thân nữ thì tất cả người nữ không phải nam lại cũng có thể hiện thân nam. Ngài Xá Lợi Phất dù hiện thân nữ mà không phải nữ. Thế cho nên Phật nói: "Tất cả pháp phi nam phi nữ".

Ngay bây giờ, Thiên nữ thâm nhiếp thần lực, ông Xá Lợi Phất hoàn hình như cũ.

- Thiên nữ hỏi: Hình mạo nữ thân của ngài ở đâu?

- Xá Lợi Phất đáp: Hình mạo nữ thân của tôi không ở đâu, không đâu chẳng ở.

- Tất cả các pháp cũng lại như vậy. Không ở đâu, không đâu chẳng ở. Cái đạo lý: không ở đâu, không đâu chẳng ở là chân lý đức Phật đã nói ra.

- Thiên nữ! Người chết ở cõi này rồi sẽ sanh ở đâu?

- Đức hóa Phật sanh đâu, tôi sanh ở đó.

- Sự sanh của đức hóa Phật không có chết và cũng không có sanh.

- Chúng sanh cũng vậy. Không có chết cũng không có sanh.
- Chùng nào người được quả vô thượng Bồ Đề, thừa Thiên nữ?
- Chùng nào ngài Xá Lợi Phất trở lại làm phàm phu thì tôi mới thành vô thượng Bồ đề.
- Tôi không bao giờ trở lại làm phàm phu.
- Thì tôi cũng không bao giờ được quả vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì Bồ đề "vô sở trụ". Thế nên Bồ đề không có cái được.
- Chư Phật đã được, đang được và sẽ được vô thượng Bồ đề nhiều như số cát sông Hằng. Điều đó gọi là gì?
- Đó là dựa trên văn tự và số mục của thế gian tục đế mà có ba đời, chứ không phải quả vô thượng Bồ đề có quá khứ, hiện tại, vị lai.
- Thừa ngài Xá Lợi Phất! Ngài được quả A la hán chứ?
- Không có được, mà được.
- Chư Phật và Bồ tát cũng vậy. Không có được cho nên được.

Ông Duy Ma Cật nói với ông Xá Lợi Phất: Thiên nữ này từng cúng dường chín mươi hai ức đức Phật, đã được thần thông du hí, đầy đủ sở nguyện Bồ tát được vô sanh nhẫn, trụ bất thối chuyển địa. Do bốn nguyện giáo hóa chúng sanh, có thể hiện thân tùy theo ý muốn.

TRỰC CHỈ

1.- Quán tức là chữ Quan. Nếu đọc là Quan thì có nghĩa là quan sát. Quan sát là nhìn sự vật bằng cách đưa mắt mà trông mà nhìn. Nhìn đến đâu thấy đến đấy. Lẽch khỏi tầm nhìn thì không thấy được. Khi đọc là Quán, có nghĩa là quán chiếu. Thấy bằng quán chiếu, cái thấy này không cần phải trông, nhìn ở nơi sự vật. Cái quán chiếu là thấy bằng trí tuệ và biết bằng trí tuệ.

Chúng sanh, không riêng gì loài hữu tình mới gọi là chúng sanh. Với Phật pháp, tất cả vạn loại vô tình cũng là chúng sanh. Các loài hữu tình gọi là hữu tình chúng sanh. Vạn loại vô tình thì gọi là vô tình chúng sanh.

Quán chúng sanh ở chương này là quán cả hai loại chúng sanh.

Dưới tuệ nhãn của một đại sĩ qua sự quán chiếu của mình, Bồ tát thấy chúng sanh:

- Như người huyễn.
- Như trăng trong nước.
- Như sóng nắng trưa ngày hè.
- Như vang của tiếng.
- Như mây trên không trung.
- Như bọt trên mặt nước.
- Như bong bóng dưới cơn mưa.
- Như sự cứng chắc của cây chuối.
- Như sự dừng lâu của tia chớp.
- Như đại thứ tám, âm thứ sáu, nhập thứ mười ba, giới thứ mười chín.

Tất cả những thứ đó, ý muốn nói: đó là những thứ không có. Không hề có từ trước tới nay và từ nay về sau cũng vĩnh viễn không có.

- Sắc trong cõi vô sắc.
- Mầm của hạt thóc rang.
- Thân kiến của Tu đà Hoàn.
- Đầu thai của A na Hàm.
- Tam độc của A la Hán.
- Tham, sân, si của Bồ tát.

- Phiền não của Phật.
- Sự thấy sắc của người mù.
- Dấu chim trong hư không.
- Con của người thạch nữ.
- Sự phản nộ của hóa nhơn.
- Chiêm bao lúc thức.

Tất cả những thứ đó là những thứ chỉ có danh mà không hề có thật. Bồ tát quán chúng sanh như tất cả những thứ đó. Thế thì qua tuệ nhãn của Bồ tát, tất cả chúng sanh có, nhưng không thật có, vì nó không trường cửu, không bền chắc. Nó chỉ là hiện tượng. Nó là hiện tượng trong vô vàn hiện tượng vạn pháp mà thôi.

Do vậy, trước nhãn quang của đại sĩ: Vạn pháp giai không. Cho nên chúng sanh cũng không có thật.

2.- Đáp câu hỏi của Đại trí Văn Thù, Trưởng giả Duy Ma Cật nói:

Thực hiện hạnh từ có thể biểu thị nhiều cách từ ý nghĩ đến hành động cụ thể giúp cho chúng sanh có an vui hạnh phúc trong đời sống của họ. Tuy nhiên sự hạnh phúc an vui trong cuộc sống vật chất chưa có giá trị chơn thật, nếu nguồn sáng trí tuệ của họ chưa được phát huy.

Bồ tát thực thi hạnh từ, phải quán triệt những chân lý vô thường, khổ, không, vô ngã như thế mà khai thị, khiến cho chúng sanh tỏ ngộ thâm sâu. Chừng đó chúng sanh có được sự an vui hạnh phúc thật sự và lâu dài.

Đó là cách Bồ tát thực hành hạnh từ chơn thật. Và chỉ có cách đó mới được xem là chơn thật từ.

Triển khai rộng về lòng từ, Bồ tát vận dụng:

Tịch diệt từ. Bất nhiệt từ. Bình đẳng từ. Vô tránh từ. Bất hoại từ. Kiên cố từ. Thanh tịnh từ. Vô biên từ. La hán từ. Bồ tát từ. Vô đẳng từ. Đại bi từ. Vô

yếm từ. Pháp thí từ. Trì giới từ. Nhẫn nhục từ. Tinh tấn từ. Thiền định từ. Trí tuệ từ. Phương tiện từ. Vô ỉn từ. Thâm tâm từ. Vô cuống từ. An lạc từ.

Qua bao nhiêu danh tự ấy, người đệ tử Phật thấy rằng, lòng từ trong đạo Phật có thể vận dụng trong cuộc sống ở khắp mọi nơi chốn, mọi thời gian. Lòng từ của đạo Phật không gói gọn trong ý niệm của một tiếng làm lành trừu tượng ấy.

Lòng từ bi của một Bồ tát là khi Bồ tát làm được bao nhiêu công đức lành đều cho hết chúng sanh.

Thấy chúng sanh được lợi lạc, Bồ tát vui mừng khen ngợi không hề có ý tị hiềm. Đó là hỷ tâm của Bồ tát.

Bồ tát làm tất cả việc lợi ích chúng sanh mà không thấy mình là kẻ thi ân và người thọ lãnh không có ý mong chờ hy vọng ở sự đền ơn. Xả tâm của Bồ tát là như thế.

3.- Sanh tử, ưu bi, khổ não là việc đáng sợ, người trí phải tìm cho mình một con đường an ổn.

Muốn được an ổn phải nương nơi nghị lực và công đức Như lai.

Phải trụ tâm ở chỗ cứu độ chúng sanh thoát khổ.

Muốn độ thoát chúng sanh phải từ bỏ phiền não.

Muốn từ bỏ phiền não phải thực hành chánh niệm.

Muốn thực hành chánh niệm phải thực hành bất sanh bất diệt.

Muốn thực hành bất sanh bất diệt phải biết pháp bất thiện bất sanh, pháp thiện bất diệt.

- Pháp thiện và bất thiện thân là gốc.

- Thân thì do dục và tham lam làm gốc.

- Dục và tham lam do hư vọng phân biệt làm gốc.

- Hu vọng phân biệt do mộng tưởng điên đảo làm gốc.
- Mộng tưởng điên đảo do vô trụ làm gốc.
- Truy cứu đến cùng: Vô trụ thì không có gốc.

Không có gốc tức là đồng nghĩa với chẳng có gì mà an bài tất cả pháp.

Do vậy: Vạn pháp gốc của nó là chẳng có gì. Bản chất của vạn pháp là giai không.

4.- Việc Thiên nữ rải hoa cúng dường, hoa rơi đến các Bồ tát, rồi hoa rớt xuống một cách bình thường. Hoa rơi trúng các đệ tử Thanh văn, hoa dính lại trên người đến nỗi phải cũng không rớt. Hàng Thanh văn thấy hoa vừa đẹp vừa thơm. Thường thức cái đẹp, cái thơm e rằng mình bị phạm giới.

Bồ tát đối sắc đẹp hương thơm thọ dụng xuyên qua nhất thiết chủng trí. Cho nên với Bồ tát "Kiến sắc phi can sắc, văn hương bất nhiễm hương". Có hoa xem như không, thì cần gì phải phải.

Sự kiện này, do người bất tư nghi dàn dựng cảnh bất tư nghi nhằm nói pháp bất tư nghi để dạy cho mặt thể chúng sanh về trí tuệ và nghị lực của con người, nó hoàn toàn tùy thuộc ở mọi người.

Ý chí bất khuất không sợ ma, không bao giờ có ma đối với chàng dũng sĩ kiên cường ấy.

5.- Ông Xá Lối Phát hỏi Thiên nữ ở tại tịnh thất của ngài Duy Ma Cật lâu mau rồi? Qua trí tuệ của Đại thừa, nghe câu hỏi đó liền sanh tâm thương hại cho trí tuệ Tiểu thừa.

Lấy cái gì làm tiêu chuẩn, đo đạt thời gian. Lấy sự cũ mới của ngôi nhà! Hay sự cao thấp của vườn cây?

Nhà cũ là cũ của nhà. Cao thấp là cao thấp của vườn cây. Thời gian không vì cũ của nhà, không vì cao thấp của vườn cây mà cho rằng thời gian có lâu có mau!

Phải học Thiền và Quán đề tài: Thập thể cách pháp dị thành môn, mới hiểu biết vấn đề thời gian không sai chân lý.

6.- Thông thường, người ta cho rằng người có chứng đắc, mới có được biện tài. Sự hiểu biết của trình độ Tiểu thừa như ông Xá Lợi Phất cũng chưa vượt qua cái lẽ thông thường đó.

Với tri kiến Đại thừa, dù được Bồ đề Niết bàn chỉ là sự trở về đến chỗ cũ của tự tánh mình.

7.- Người đạt đến trình độ trí tuệ Đại thừa, thì lại xóa bỏ hết mọi ý tưởng câu nệ về thừa. Có vậy mới có thể làm lợi ích cho mọi tầng lớp chúng sanh. Cũng như người lái xe giỏi, có lúc cần phải vượt trái luật lệ giao thông, miễn là cứu được mạng người và tránh được sự thiệt hại vật chất.

8.- Tinh thất của ngài Duy Ma Cật, thỉnh thoảng có Đế Thích, Phạm Thiên, Tứ Thiên vương, Thiên long, quỷ thần đến nghe ngài Duy Ma Cật thuyết chánh pháp. Bởi vì ngài Duy Ma Cật lúc nào cũng nhớ chánh pháp, hành chánh pháp, nói chánh pháp và sống trong chánh pháp. Cũng như nhà của chúng sanh bạc địa phàm phu, ngày ngày sống trong vô minh, tam độc, trong lục đục thất tình thì nhà này thường có súc sanh, ngựa quỷ và người địa ngục...vào ra rộn rịp, không có lúc nào tạm vắng.

9.- Xử dụng nhất thiết chủng trí, qua tánh tướng Thập như thị : Như thị tướng, như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhơn, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bản mạt cứu cánh. Vạn pháp đều như. Mỗi pháp có tánh như của nó. Nghĩa là tánh của nó như vậy. Tướng của nó như vậy. Thể chất của nó như vậy. Lực dụng của nó như vậy. Tạo tác của nó như vậy. Nhơn cấu tạo ra nó như vậy. Duyên hình thành nó như vậy. Kết quả ra nó như vậy. Và chung qui như vậy mà thành ra nó và nó là nó như vậy.

Nhìn vạn pháp qua trí tuệ đó, thì tướng nữ, nam không còn là vấn đề để bình luận. Nam hay nữ chỉ là nhơn duyên biến hiện như thị. Bản thể của cái tướng nữ, nam chung cùng không nam không nữ.

Cũng không có vấn đề chết đâu, sanh đâu. Sống chết ví như sự nổi chìm của sóng bọt trên mặt đại dương. Sự nổi chìm đó không làm cho nước biển có tăng giảm chút nào. Còn quan tâm đến vấn đề "chết từ cõi nào, sanh đến cõi này", điều đó đủ nói rõ tầm hiểu biết của người Tiểu thừa cạn cạn, chỉ biết nước qua sóng bọt mà chưa biết được sóng bọt còn có nước biển tồn tại vĩnh cửu với thời gian. Dù vậy, sóng và nước đời đời vẫn bất ly mà bất tức.

Dưới nhãn quan của người xử dụng NHẤT THIẾT CHỦNG TRÍ không có vấn đề thành Phật hay chùng nào thành Phật. Vì tất cả chúng sanh vốn đã thành Phật lâu rồi. Dù hiện tại là chúng sanh nhưng Phật tánh ở trong chúng sanh đó không hề thêm bớt. Ví như keo sơn bao bọc thỏi vàng nhưng không vì vậy mà thỏi vàng 24 kara giảm đi chất lượng.

Chư Phật đã được, đang được và sẽ được vô thượng Bồ đề nhiều như số cát sông Hằng. Đó là dựa trên ngôn ngữ, văn tự và số mục của thời gian và tùy thuận thế gian mà nói chứ vô thượng Bồ đề không có quá khứ, hiện tại và vị lai.

"Như Lai giả vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ". Vô thượng Bồ đề là quả vị vô thỉ vô chung.

Vô thượng Bồ đề tức là bản thể chơn như của vạn pháp. Sống đúng hợp với chân lý của vạn pháp tức là người trở về nguyên quán, về đến Bảo sở chơn như mà mình lưu lạc tự bấy lâu nay.

CHƯƠNG THỨ TÁM : CON ĐƯỜNG PHẬT

1.- Bồ tát Văn thù Sư Lợi nói:

Thưa ngài Duy Ma Cật! Bồ tát phải làm gì để con đường Phật được thông suốt?

Ông Duy Ma Cật đáp: Thưa ngài Văn Thù Sư Lợi! Bồ tát muốn con đường Phật được thông suốt, phải đi con đường ngược lại. Đi con đường ngược thì con đường Phật sẽ thông suốt.

Bồ tát Văn Thù hỏi: Đi con đường ngược, Bồ tát phải đi như thế nào?

Ông Duy Ma Cật đáp: Bồ tát đi vào ngũ vô gián mà không buồn rầu giận dữ. Vào địa ngục mà tự tâm không có tội lỗi cấu uế. Đến với súc sanh mà không có vô minh, kiêu mạn. Đến với ngã quý mà đầy đủ công đức lành. Đi vào con đường dục giới, sắc giới, chẳng cho đó là được may mắn hơn.

Giả đi vào con đường tham dục mà xa lìa các sự đắm nhiễm dính mắc.

Giả đi vào con đường sân nhuế mà đối với chúng sanh không giận dữ thù hằn.

Giả đi vào ngu si mà thường dùng trí tuệ điều phục tâm mình.

Giả đi vào con đường xan tham mà xả bỏ thân tâm, của cải cho đến thân mạng cũng không luyến tiếc. Giả đi vào đường phạm giới mà tâm an trụ tịnh hạnh, dù tội lỗi nhỏ cũng răn sợ không cho sai phạm. Giả đi vào con đường giải đãi mà hằng siêng tu công đức thiện.

Giả đi vào đường loạn ý mà thường nhiếp niệm định tâm.

Giả đi vào con đường ngu si mà thông hiểu hết việc thế gian và xuất thế gian một cách đúng đắn.

Giả đi vào con đường siểm trá mà khi kết quả thì đúng với ý nghĩa kinh, hợp lời Phật.

Giả đi vào con đường kiêu mạn mà thực chất là làm cầu đường chuyên chở chúng sanh.

Giả đi vào con đường phiền não mà tâm thường thanh tịnh trong sáng.

Giả đi vào con đường ma mà thuận theo trí tuệ Phật không nghe theo sự cảm dỗ của bọn ma.

Giả đi vào đường Thanh văn mà giáo hóa chúng sanh bằng pháp đại thừa.

Giả đi vào đường Bích chi Phật mà đi truyền đạt cho chúng sanh tư tưởng đại bi của Phật.

Giả đi vào hàng nghèo khó mà của báu công đức trong tay vô tận.

Giả đi vào đường trau dồi trang điểm sắc diện như người thường mà đầy đủ các tướng hảo tự trang nghiêm thân.

Giả đi vào đường hạ tiện mà thực chất sanh trong dòng Phật, bên trong có đầy đủ công đức.

Giả đi vào vào đường của hạng người quê mùa, yếu đuối mà thực chất được thân tráng kiện na la diên, chúng sanh đều rất ưa nhìn.

Giả đi vào đường lão bệnh mà dứt hẳn bệnh căn, vượt ra sự sợ sệt chết chóc.

Giả đi vào đường kinh doanh sinh sống mà hằng quán vô thường, không để lòng tham luyến.

Giả có thể thiệp mà thường viễn ly bùn lầy ngũ dục.

Giả hiện như người đàn độn mà biện tài vô ngại, nhớ ghi không sót.

Giả đứng vào phe tà mà lấy chánh lý giúp hộ chúng sanh.

Giả hiện đi vào luân hồi mà đoạn hết nguyên nhân sanh tử, ưu bi khổ não.

Giả hiện ở Niết bàn mà không dứt hết hạt giống sanh tử.

Thưa ngài Văn Thù Sư Lợi! Nếu Bồ tát đi vào con đường trái ngược như thế, Bồ tát sẽ đi một cách thông suốt con đường Phật.

2.- Ông Duy Ma Cật hỏi Văn Thù Sư Lợi rằng:

- Thưa ngài Văn Thù Sư Lợi! Xin ngài cho biết những gì là hạt giống Như Lai?

- Văn Thù Sư Lợi đáp: Thân là hạt giống Như lai. Vô minh, ái là hạt giống Như lai. Tham, sân, si là hạt giống Như lai. Tứ đảo, ngũ cái, lục nhập, thất tình, cửu não, thập bất thiện nghiệp là hạt giống Như lai. Nói tóm lại, 62 thứ kiến chấp và tất cả các phiền não đều là hạt giống Như lai.

- Nói thế nghĩa là gì?

- Nghĩa là những tâm và tâm sở pháp có tánh chất phiền não, vô minh đó là hạt giống Như lai Phật. Ngược lại, nếu người tỏ ngộ vô vi, chứng nhập chánh vị thì không thể phát tâm hướng đến vô thượng Bồ đề. Ví như cao nguyên và đất gò, sen không thể mọc được thì còn mong gì trở được hoa. Chỉ có đất thấp, bùn lầy, hoa sen mới sanh trưởng. Cũng như vậy, người ngộ vô vi pháp, chứng nhập chánh vị không cần sinh hoạt ở trong Phật pháp nữa. Chỉ có chúng sanh ở trong bùn lầy phiền não, mới phát khởi lòng mong cầu

Phật pháp mà thôi. Cũng như trồng cây trong hư không, cây không thể sanh trưởng. Phải trồng ở chỗ có đất phân, cây mới tươi tốt sum suê. Cũng vậy người chứng nhập vô vi chánh vị không còn điều kiện để sanh trong Phật pháp, thà kiến chấp to như núi Tu Di mà họ còn có cơ hội phát tâm cầu vô thượng Bồ đề, sanh trong Phật pháp. Thế cho nên phải biết rằng: Tất cả phiền não là hạt giống Như lai. Ví như không lặn xuống biển sâu, không thể có được bảo châu vô giá. Không vào biển lớn phiền não, không thể có nhất thiết trí vô giá Như lai.

3.- Ông Ca Diếp tán thán rằng: Ôi! Tuyệt diệu thay! Tuyệt diệu thay! Những lời nói của ngài Đại trí Văn Thù Sư Lợi! Thật đúng vậy! Bè lũ phiền não là hạt giống Như lai. Hàng Thanh văn chúng tôi không kham nổi việc phát tâm vô thượng Bồ đề. Đến như người thọ tội ngũ vô gián hãy còn có thể phát tâm sanh trong Phật pháp. Nay chúng tôi mất hẳn ý chí cầu vô thượng đạo. Ví như người thui chột các căn, đối với ngũ dục chẳng còn tương quan tiếp thọ được gì. Hàng Thanh văn đoạn hết phiền não kiết sử, trong Phật pháp hết đường nhờ cậy, vì chí nguyện đã dứt mất hẳn rồi. Thế cho nên, thưa ngài Văn Thù Sư Lợi! Người bực địa phàm phu đối với Phật pháp còn có cơ may trở lại, mà hàng Thanh văn thì đã tuyệt phần. Bởi vì, phàm phu nghe Phật pháp, có thể phát khởi vô thượng đạo tâm, chứ hàng Thanh văn dù có nghe Phật pháp trọn đời, vĩnh viễn không thể phát ý hướng về vô thượng đạo.

4.- Bấy giờ trong pháp hội có Bồ tát tên Phổ Hiện Sắc Thân, hỏi ông Duy Ma Cát:

Thưa cư sĩ! Cha mẹ, vợ con, thân bằng quyến thuộc, bạn lành tri thức của ngài là những ai? Nô tì, đồng bộc, ngựa, voi, xe, kiệu Ngài để ở chỗ nào?

Ông Duy Ma Cát đáp lời qua bài kệ:

Trí độ làm mẹ Bồ tát
Phương tiện lấy làm cha
Tất cả các đạo sư
Đều do đó mà có.
Lấy pháp hỷ làm vợ
Con gái: từ bi tâm
Con trai: chính tâm lành
Rỗng lặng: nhà thường trú.
Đệ tử: các trần lao
Sai khiến theo ý muốn

Đạo phẩm: thiện trí thức
Do vậy thành chánh giác.
Lục độ pháp: bạn bè
Pháp tứ nhiếp: kỷ nữ
Ca vịnh: tụng pháp âm.
Hoa viên là tông trì
Pháp vô lậu: rừng cây
Giác ý: hoa tịnh diệu
Trí tuệ giải thoát: trái.
Ao tắm pháp bát giải
Nước định lóng sẵn đầy
Ngâm ướp bông thất tịnh
Tắm gội người vô cấu.
Voi ngựa cỡi: ngũ thông
Đại thừa làm xe kiệu
Xà ích: trụ nhất tâm
Đạo đi đường Bát chánh.
Tướng hảo để đẹp người
Đức tốt làm trang sức
Tầm quý làm xiêm áo
Thâm tâm làm tràng hoa
Thất tài bảo: sự nghiệp
Giáo hóa làm lợi tức.
Việc làm đúng lời nói
Hồi hướng là lợi lớn
Tứ thiên làm giường ngồi
Sống ở đời tịnh mệnh.
Đa văn: tăng trí tuệ
Trí tuệ: tiếng cỡi lòng
Pháp cam lộ: thức ăn
Vị giải thoát: giải khát .
Tịnh tâm là tắm gội
Giới phẩm làm hương xoa
Đánh tan giấc phiền não
Mạnh mẽ không ai hơn.
Hàng phục bốn giống ma
Dụng cờ đại chiến thắng
Dù biết không khởi diệt
Dạy dỗ: hiện có sanh.
Xuất hiện khắp cõi nước

Như mặt nhật trong không
Cúng dường mười phương cõi
Vô lượng ức Như lai.
Chư Phật và bản thân
Không có tướng phân biệt
Dù biết cõi nước Phật
Và chúng sanh đều không
Mà thường tu Tịnh độ
Giáo hóa hết quần sanh.
Bao chủng loại chúng sanh
Hình thành và cử chỉ
Lực vô úy Bồ tát
Một thời đều hiện đủ.
Biết rõ các ma sự
Mà giả hiện tùy thân
Dùng trí phương tiện khéo
Hiện theo ý bọn ma.
Hoặc hiện già, bệnh, chết
Giáo hóa các quần sanh
Rõ biết như huyễn hóa
Việc làm không trở ngại.
Hoặc hiện kiếp thiêu hết
Trời đất đều trống không
Mọi người có tướng thường
Khiến được biết vô thường.
Vô số ức chúng sanh
Đồng đến mời Bồ tát
Cùng một lúc đến nhà
Dạy họ về Phật đạo.
Kinh sách, chú thuật tà
Thủ công, công kỹ nghệ
Hiện làm hết việc này
Vì lợi ích chúng sanh.
Các đạo pháp thế gian
Xuất gia vào trong đó
Để chỉ rõ chỗ sai
Khiến khỏi rơi tà kiến.
Có lúc làm nhật nguyệt
Làm Thế chủ, Phạm vương
Có lúc làm đất nước

Có khi làm gió lửa.
Trong đời có dịch bệnh
Hiện làm cây cỏ thuốc
Nếu có người được uống
Bệnh khổ được dứt trừ.
Thời kỳ có đói kém
Thân hiện các thức ăn
Cứu đói khát cho người
Sau đem Phật pháp dạy.
Đời sắp nổ binh đao
Đem đạo từ bi thuyết
Hóa độ các chúng sanh
Xóa bỏ lòng tranh chấp.
Nếu chiến tranh bùng nổ
Đứng giữa thế cân bằng
Hiện uy thế Bồ tát
Thuyết phục khiến hòa an.
Trong tất cả quốc độ
Chỗ nào có địa ngục
Liền đến vào nơi đó
Giúp họ khỏi khổ đau.
Trong tất cả cõi nước
Súc sanh ăn nuốt nhau
Hiện sanh vào trong đó
Khiến chúng được lợi lành.
Giả bằng lòng ngu dục
Lại biểu hiện hành thiền
Khiến tâm ma rối loạn
Không dễ bị lung lay.
Hoa sen sanh trong lửa
Chuyện hi hữu trên đời
Trong ngũ dục hành thiền
Hi hữu cũng như vậy.
Hoặc hiện làm dâm nữ
Dụ những người háo sắc
Trước lấy dục trói lại
Sau kéo vào Phật trí.
Hoặc làm người quốc trưởng
Hoặc làm chủ thương thuyền
Quốc sư, Đại thần tốt

Đề giúp ích chúng sanh.
Với những người nghèo khó
Hiện làm kho vô tận
Nhơn đó khuyến hóa người
Phát khởi Bồ đề tâm.
Với hạng người kiêu mạn
Hiện làm đại lực sĩ
Triệt tiêu các cống cao
Khiến trụ vô thượng đạo.
Ai lâm cảnh sợ sệt
Trước họ an ủi cho
Xua tan niềm sợ hãi
Sau khiến phát đạo tâm.
Hoặc hiện ly dâm dục
Làm ngũ thông tiên nhân
Mở lối các quần sanh
Khiến trụ giới nhẫn từ.
Thấy ai cần phụng sự
Hiện làm người tôi tớ
Phục vụ đẹp ý chủ
Sau khuyến phát đạo tâm.
Dùng phương tiện khéo léo
Cung dưỡng mọi nhu cầu
Con đường đạo vô lượng
Sở hành không bến bờ.
Trí tuệ không ngăn mé
Độ vô số chúng sanh
Giả sử tất cả Phật
Trong vô số ức kiếp.
Tán thán công đức kia
Hãy còn không cùng tận
Ai nghe pháp như thế
Không phát tâm Bồ đề!
Trừ người mất giống Phật
Kẻ vô trí quá đần.

TRỰC CHỈ

1.-Đề trả lời câu hỏi của Bồ tát Văn Thù Sư Lợi: "Bồ tát phải làm gì để đi con đường Phật được thông suốt, không bị trở ngại".

Ông Duy Ma Cát đáp: "Bồ tát hành phi đạo thị vi thông đạt Phật đạo". Nghĩa là muốn đi theo con đường Phật được thông suốt thì Bồ tát phải đi ngược lại con đường chúng sanh đi.

Đường của chúng sanh là: "thuận lưu sanh tử". Xuôi theo dòng chảy của sanh tử mà đi. Thế cho nên, muốn đi con đường Phật, Bồ tát phải đi ngược dòng sanh tử ấy.

Đi ngược dòng sanh tử nhưng không rời bỏ, tránh né hay trốn chạy. Ý niệm rời bỏ, tránh né, trốn chạy sanh tử hy vọng có được Bồ đề Niết bàn. Với đạo Phật, việc đó không bao giờ có được. Người nông gia sợ bùn, đất, phân nước thấm ướt tay chân chỉ muốn trồng cây gieo giống trong hư không để rồi chờ thời thu hoạch kết quả. Ý tưởng đó nếu có thì đó là ý tưởng hoang đường của kẻ ngu si vô trí.

Ý tưởng rời bỏ trốn chạy sanh tử, không tu tâm sửa tánh, không cải tạo phiền não vô minh ngay trong cuộc sống sanh tử, ngồi không nằm rỗng đối với thế cuộc xem mình như kẻ ăn xôi ở thì, lơ lửng thả hồn hy vọng Bồ đề Niết bàn một ngày nào đó sẽ đến. Ý tưởng đó, ở trong Phật pháp cũng là một ý tưởng hoang đường của chàng nông gia vô trí kia không hơn không kém.

2.-"Những gì là hạt giống Như Lai?". Trả lời câu hỏi đó của ông Duy Ma Cát, Bồ tát Văn Thù nói:

- Thân là hạt giống Như lai.
- Vô minh là hạt giống Như lai.
- Tham sân si là hạt giống Như lai.
- Tứ đảo, ngũ cái, lục nhập, thất tình, bát tà, cửu não, thập bất thiện nghiệp là hạt giống Như lai.
- Nói chung 62 thứ kiến chấp là hạt giống Như lai.

Trước tuệ nhãn của Đại trí Văn Thù Sư Lợi thì tất cả phiền não là hạt giống Như Lai. Có nghĩa là muốn thành Phật thì dựa trên vô minh phiền não mà cải tạo chuyển hóa vô minh phiền não. Chuyển hóa từng phần lượng cho đến khi biến đổi hoàn toàn chất lượng vô minh. Trừ bỏ vô minh phiền não, con

người không còn lý do để thành Như Lai Phật. Không xuống biển sâu không thể có được bảo châu vô giá, không thể có nhất thiết chủng trí Như lai vô giá.

3.- Nhân danh hàng định tánh Thanh Văn, ông Đại Ca Diếp thay mặt đại chúng nói lên sự hối tiếc về trí tuệ hẹp hòi kém cỏi của người Tiểu thừa đối với giáo lý vô thượng thậm thâm vi diệu pháp của Đại thừa.

Thà làm hàng bạc địa phàm phu còn có cơ hội phát tâm cầu vô thượng Bồ đề. Còn hàng định tánh Thanh Văn đối với quả Bồ đề vô thượng chẳng khác người tàn phế ngũ căn, không tiếp nhận được gì trước cảnh sắc, thanh, hương, vị xúc.

4.- Trả lời câu hỏi của Bồ tát Phổ Hiện Sắc Thân, ngài Duy Ma Cật nói về gia đình, sự nghiệp, quyến thuộc thân bằng, nô tì, đồng bộc, vườn rừng, ao tắm ,kỹ nữ, ngựa xe v.v...của chính ngài. Từ đó khiến cho người học đạo thấy rằng ngài không phải là một cư sĩ mà gọi là cư sĩ vậy thôi.

Sự thực, cư sĩ Duy Ma Cật là một hình thức dàn dựng ra một người bất tư nghi để trình diễn Phật sự bất tư nghi nhằm giáo hóa chúng sanh về đại thừa diệu pháp bất tư nghi.

"Chiếc áo không làm nên thầy tu". Có phải chăng, người triết gia Tây phương nào đó đã đọc được kinh này?

Chiếc áo thầy tu một khi lọt vào tay thợ săn điêu ngoa xử dụng, chiếc áo đó trở thành một thứ cạm bẫy sát sanh đoạn mạng. Con sư tử có bộ lông vàng hiếm quý, chết một cách oan ức đau thương chỉ vì chiếc áo và làm tưởng chiếc áo tu sĩ của tên thợ săn độc ác kia là chiếc áo của vị tu sĩ chân tu mà ngày ngày mình thường lân la thân cận.

Dựng lên một trường giả Duy Ma Cật bất tư nghi để nhắc nhở cho mọi người đệ tử Phật muốn tiến thân trên đường Bồ đề vô thượng cần phải cảnh giác về chiếc áo...và có thể không cần chiếc áo, lại có thể chính thực thầy tu...

CHƯƠNG THỨ CHÍN : CHỨNG NHẬP PHÁP MÔN KHÔNG HAI

1.- Bây giờ Ông Duy Ma Cật long trọng nói với các Bồ tát rằng:

Thưa chư nhơn giả! Tôi xin trân trọng đề nghị chư Bồ tát trong hội này, mỗi người tự trình bày sự chứng đắc và thể nhập pháp môn không hai của một Bồ tát như thế nào?

Trước hết vị Bồ tát hiệu là Pháp Tự Tại trình bày:

1. Thưa chư nhơn giả! Sinh và diệt là hai. Vạn pháp xưa không sanh, nay không diệt. Tỏ ngộ được pháp nhãn vô sanh đó, tôi thể nhập pháp môn không hai.

2. Bồ tát Đức Thủ nói: Ngã và ngã sở là hai. Vì có ngã cho nên có ngã sở. Tôi nhận thức rằng nếu không có ngã thì không có ngã sở. Do duyên có đó, tôi thể nhập pháp môn không hai.

3. Bồ tát Bất Thuần nói: Thọ và bất thọ là hai. Nếu đối với các pháp mà không thọ thì không có cái được. Ví không có cái được cho nên không có lấy, không có bỏ, không tạo tác không hành vi. Do nhận thức ấy, tôi thể nhập pháp môn không hai.

4. Bồ tát Đức Đánh nói: Cấu và tịnh là hai. Thấy được thực tánh của cấu thì không có tướng tịnh. Đồng thời tùy thuận với tướng diệt của vạn pháp. Do tỏ ngộ chân lý đó, tôi thể nhập pháp môn không hai.

5. Bồ tát Thiện Tú nói: Động tâm và niệm tướng là hai. Nếu không động tâm thì không có niệm tướng. Không có niệm tướng thì không có phân biệt. Thông suốt được chân lý ấy, tôi thể nhập pháp môn không hai.

6. Bồ tát Thiện Nhãn nói: Tướng nhất và tướng vô là hai. Nếu biết rõ tướng nhất tức là tướng vô, bây giờ thể nhập tánh bình đẳng. Do quá trình nhận thức như vậy, tôi thể nhập pháp môn không hai.

7. Bồ tát Diệu Tý nói: Tâm Bồ tát và tâm Thanh văn là hai. Quán tướng của tâm rộng không như huyễn như hóa, cho nên tôi không còn thấy tâm Bồ tát, tâm Thanh văn. Do triệt tiêu tánh chấp, tôi thể nhập pháp môn không hai.

8. Bồ tát Phát Sa nói: Thiện và bất thiện là hai. Không khởi ý niệm thiện và bất thiện, nhận thức thấu suốt ngần mé vô tướng của các pháp. Do vậy, tôi thể nhập pháp môn không hai.

9. Bồ tát Sư Tử nói: Tội và phước là hai. Hiểu rõ tánh của tội và phước không khác. Dùng trí tuệ kim cương quyết đoán một cách dứt khoát mọi tình huống. Cho nên không thấy có ràng buộc và cũng không thấy có giải thoát. Do vậy, tôi thể nhập pháp môn không hai.

10. Bồ tát Sư Tử Ý nói: Hữu lậu và vô lậu là hai. Có được tâm bình đẳng với các pháp thì không khởi tướng hữu lậu và vô lậu. Không dính mắc

ở pháp tướng cũng không trụ chấp pháp tướng. Do vậy, tôi thể nhập pháp môn không hai.

11. Bồ tát Tịnh Giải nói: Hữu vi và vô vi là hai. Xa lìa tất cả số thì tâm rỗng lặng như hư không. Dùng tuệ thanh tịnh mà nhìn vạn pháp cho nên không còn có sự trở ngại nào. Do vậy, tôi thể nhập pháp môn không hai.

12. Bồ tát Na La Diên nói: Thế gian và xuất thế gian là hai. Tánh của thế gian rỗng không, cho nên thế gian cũng là xuất thế gian. Trong đó không có tướng đi vào, đi ra, không có tràn đầy, không có vơi cạn. Do nhận thức đó, tôi thể nhập pháp môn không hai.

13. Bồ tát Thiện Ý nói: Sanh tử và Niết bàn là hai. Thấy được tánh của sanh tử thì không có sanh tử gì cả, cũng không có cột, không có mở, không có sanh không có diệt. Nhận thức rõ như thế, tôi thể nhập pháp môn không hai.

14. Bồ tát Thiện Kiến nói: Tận và bất tận là hai. Vạn pháp hoặc rốt ráo tận hoặc rốt ráo bất tận đều là tướng vô tận. Tướng vô tận tức là không. Không thì không có tướng tận hay vô tận. Tỏ ngộ chân lý ấy, tôi thể nhập pháp môn không hai.

15. Bồ tát Phổ Thủ nói: Ngã và vô ngã là hai. Ngã hãy còn không có, vô ngã càng không thể có. Thấy được thật tướng của ngã thì không còn khởi quan niệm hai. Do vậy, tôi thể nhập pháp môn không hai.

16. Bồ tát Điền Thiên nói: Minh và vô minh là hai. Thật tánh của vô minh là minh. Minh cũng không chấp thủ. Ly tất cả số. Trụ tâm trong bình đẳng không có ý niệm hai. Do vậy, tôi thể nhập pháp môn không hai.

17. Bồ tát Hỷ Kiến nói: Sắc và không là hai. Sắc tức là không. Không phải sắc diệt mới không. Tánh của sắc tự không. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Thức là tức không. Không phải thức diệt mới không. Tánh của thức tự không. Do quán triệt chân lý đó, tôi thể nhập pháp môn không hai.

18. Bồ tát Minh Tướng nói: Sự sai khác của tứ đại và sự sai khác của Không đại là hai. Tánh của tứ đại tức là tánh của không đại. Bởi vì thời gian trước và thời gian sau đều không, cho nên thời gian khoảng giữa cũng không. Hiểu biết được như thế, cũng tức là nhận thức rõ tánh của các đại. Do vậy, tôi thể nhập pháp môn không hai.

19. Bồ tát Diệu Ý nói: Nhân căn và sắc trần là hai. Biết rõ tánh của nhân căn và tánh của sắc trần ở giữa cắt đứt sự ái nhiễm. Thế là không còn tham, không còn sân, không còn si. Đó là trạng thái tịch diệt. Nhĩ đối thanh, Tỷ đối hương. Thiết đối vị. Thân đối xúc. Ý đối với pháp cũng như vậy. Biết rõ tánh của ý căn và tánh của pháp trần, đoạn trừ sự ái nhiễm tham, sân, si. Đạt đến trạng thái tịch diệt. An trụ trong tỉnh giác như vậy, tôi thể nhập pháp môn không hai.

20. Bồ tát Vô Tận Ý nói: Bồ thí và hồi hướng nhất thiết trí là hai. Tánh của bồ thí tức là tánh của hồi hướng nhất thiết trí. Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ cũng như vậy. Tánh của trí tuệ tức là tánh hồi hướng nhất thiết trí. Ở trong đó hội nhập tương nhất. Do vậy, tôi thể nhập pháp môn không hai.

21. Bồ tát Thâm Tuệ nói: Không, vô tướng, vô tác là hai. Không tức vô tướng, vô tướng tức vô tác. Hiểu rõ không tức vô tướng. Vô tướng là vô tác thì tâm, ý và thức bấy giờ công dụng trở thành một. Bấy giờ một giải thoát môn tức ba giải thoát môn. Quán triệt chân lý đó, tôi thể nhập pháp môn không hai.

22. Bồ tát Tịnh Căn nói: Phật, pháp và tăng là hai. Phật tức pháp, Pháp tức Tăng. Tam bảo đều là tướng vô vi, đồng như hư không. Tất cả pháp cũng vậy. Tùy thuận theo chân lý đó, thi vi hành sự. Do vậy, tôi thể nhập pháp môn không hai.

23. Bồ tát Tâm Vô Ngại nói: Thân và thân diệt là hai. Thân tức là thân diệt. Thấy được thật tướng của thân thì không còn khởi chấp thân và sự hoại diệt của thân. Thân và sự hoại diệt của thân không khởi ý phân biệt là hai. Vì vậy, thân sinh tồn hay hoại diệt, không kinh hãi, không lo lắng sợ sệt. Tỏ ngộ chân lý đó, tôi thể nhập pháp môn không hai.

24. Bồ tát Thượng Thiện nói: Thân, khẩu, ý là hai. Ba nghiệp đều là tướng vô tác. Tướng vô tác của thân tức là tướng vô tác của khẩu. Tướng vô tác của khẩu tức là tướng vô tác của ý. Tam nghiệp là tướng vô tác. Tất cả pháp cũng là tướng vô tác. Dùng tuệ vô tác nhận thức chân lý và tùy thuận chân lý ấy, tôi thể nhập pháp môn không hai.

25. Bồ tát Phước Điền nói: Làm phước làm tội, làm không phước không tội là hai. Thật tánh của ba việc là vắng lặng rỗng không. Không thì không thấy có làm phước, không thấy có làm tội, không thấy có làm không phước không tội. Không khởi ý niệm chấp mắc ở ba việc làm. Do vậy, tôi thể nhập pháp môn không hai.

26.

Bồ tát Hoa Nghiêm nói: Từ bản ngã khởi chấp hai là hai. Biết được thật tướng của bản ngã không khởi chấp hai. Không khởi chấp hai thì không có cái biết và đối tượng bị biết. Quán triệt chân lý đó, tôi thể nhập pháp môn không hai.

27. Bồ tát Đức Tạng nói: Có tướng sở đắc là hai. Không sở đắc thì không có tham lấy, không chê bỏ. Do trụ trong tướng bình đẳng không lấy bỏ, tôi thể nhập pháp môn không hai.

28. Bồ tát Nguyệt Thượng nói: Tối và sáng là hai. Không tối không sáng thì không hai. Ví như nhập định diệt thọ tướng, không còn nhận thức

tôi sáng. Đối với tất cả pháp tướng cũng như vậy. Hội nhập với tâm bình đẳng ấy, tôi thể nhập pháp môn không hai.

29. Bồ tát Bảo Ân thủ nói: Ham mộ Niết bàn, nhằm chán thế gian là hai. Không ham mộ Niết bàn, không nhằm chán thế gian thì không hai. Vì sao? Vì rằng ai có bị trói buộc mới mong cầu mở. Người không bị buộc trói còn hy vọng mở cái gì? Không bị buộc, không cần mở, cũng không nhằm chán, không có ham mộ. Thâm ngộ chân lý đó, tôi thể nhập pháp môn không hai.

30. Bồ tát Châu Đảnh nói: Chánh đạo và tà đạo là hai. Trụ ở chánh đạo thì không phân biệt tà hay chánh. Do ly cái tướng hai, tôi thể nhập pháp môn không hai.

31. Bồ tát Nhạo Thật nói: Thật và không thật là hai. Thật thấy hãy còn không thấy thật hưởng hồ không phải thật. Vì sao? Vì cái thấy của nhục nhãn không thể thấy đúng chân lý. Chỉ có tuệ nhãn mới thấy đúng chân lý. Tuệ nhãn không thấy gì hết nhưng không có gì không thấy. Do tỏ ngộ chân lý đó, tôi thể nhập pháp môn không hai.

Các Bồ tát mỗi mỗi đều trình bày pháp môn sở ngộ của mình và kết quả cùng đến một mục đích: thể nhập pháp môn không hai.

2.- Các Bồ tát trong hội này đã nói hết rồi. Vậy xin Bồ tát Văn Thù Sư Lợi phát biểu phương pháp thể nhập pháp môn không hai của một Bồ tát.

Bồ tát Văn Thù nói: Theo ý tôi, tất cả pháp không nói được hết, không bàn tốt được, không chỉ đúng được, không giải thích trọn vẹn được. Vì vượt ngoài những câu vấn đáp của ngữ ngôn văn tự. Khế hội chân lý đó thì đó là yếu tố thể nhập pháp môn không hai.

3.- Bồ tát Văn Thù hỏi ông Duy Ma Cật: Thừa cư sĩ! Chư Bồ tát đã trình bày xong. Giờ đây, xin nhơn giả cho biết cao kiến của ngài về phương pháp thể nhập pháp môn không hai của một Bồ tát?

Ông Duy Ma Cật lúc bấy giờ điềm nhiên an tọa. Đại chúng cả hội trường như nín thở trông chờ...

Ông Duy Ma Cật vẫn im lặng và im lặng...

Trong dáng vẻ hân hoan, cảm thông được diệu ý, Bồ tát Đại trí Văn Thù Sư Lợi nói: Siêu tuyệt thay! Siêu tuyệt! Pháp môn không hai siêu tuyệt! Bất cả văn tự ngữ ngôn!

Đây mới là cách thể nhập pháp môn không hai chí chân, chí thiện!

Sau khi trình bày những nguyên do và tâm đắc của mình trong quá trình thể nhập pháp môn không hai của ba mươi một Bồ tát. Trong số hội chúng có năm ngàn Bồ tát tỏ ngộ vô sanh pháp nhẫn đồng thể nhập pháp môn không hai.

TRỰC CHỈ

1.- Chúng nhập pháp môn không hai, kinh Duy Ma Cát không nhằm dạy cho người đệ tử tu hành phải tìm về con số một, hay cái một nào đó. Bởi vì chữ hai ở đây không phải là chữ "2" ở số lượng như 1,2...cũng không phải chữ hai ở số thứ tự như: thứ hai, thứ ba...

Tránh số 2 trong lượng số, hy vọng trở lùi nắm giữ số 1 đã là vô ích, tránh thứ hai ở thứ tự số mục để mong cầu được số thứ ba, thứ tư thì cũng hoài công, không có tác dụng gì trên đường tiến tu đối với sự nghiệp giác ngộ.

Người đệ tử Phật, tu theo con đường Phật phải thận trọng lưu tâm.

Bồ tát Duy Ma Cát, đề nghị chư Bồ tát trình bày về phương cách, lý do, về yếu tố, dữ kiện, về hoàn cảnh, trường hợp chúng nhập pháp môn không hai của mình, nhằm dạy cho người đệ tử Phật tu hành phương thức: Hồi đầu thị ngạn, phương cách trở về Căn bản trí, tức là trí vô phân biệt vốn có của mọi người. Giáo lý của đạo Phật dạy rằng con người ai ai cũng có cái trí vô phân biệt đó. Vì vậy, tự tánh của mọi người vốn trong sáng thanh tịnh. Cái tự tánh trong sáng thanh tịnh đó chính là Phật tánh của mỗi người.

Con người bắt đầu có đau khổ từ khi con người sống trái Căn bản trí. Con người tự hủy hoại cái tánh trong sáng, thanh tịnh, hồn nhiên, thanh thoát của con người. Con người bắt đầu sử dụng cái trí hậu đắc, tức là cái trí phân biệt, cái trí rất kém cỏi thường bị bao phủ bởi những lớp tạp tướng vô minh phiền não. Với phân biệt trí khó mà nhận thức chân lý đúng đắn, nếu không có những giây phút thiên quán để tư duy phản tỉnh hồi đầu.

Muốn hồi đầu phản tỉnh cần có duyên cơ hoặc hoàn cảnh, hoặc sự nhận thức v.v...

Ba mươi mốt Bồ tát thể nhập pháp môn không hai đều dựa vào sự tư duy nhận thức hoặc duyên cơ nào đó do thấy, sự kiện nào đó do tư duy hoặc trường hợp nào đó do tiếp xúc...

Ba mươi mốt Bồ tát thể nhập pháp môn không hai, dựa trên những duyên cơ, những sự kiện nhận thức không đồng mà kết quả cũng đến mục đích: Vô trí phân biệt.

- Sanh và diệt.
- Ngã và ngã sở.
- Thọ và bất thọ.
- Cấu và tịnh.
- Động tâm và niệm tưởng.
- Tướng nhất và tướng vô.
- Tâm Bồ tát và tâm Thanh văn.
- Thiện và bất thiện.
- Tội và phước.
- Hữu lậu và vô lậu.
- Hữu vi và vô vi.
- Thế gian và xuất thế gian.
- Sanh tử và Niết bàn.
- Tận và bất tận.
- Ngã và vô ngã.

- Minh và vô minh.
- Sắc và không sắc.
- Tứ đại và không đại.
- Nhân căn và sắc trần.
- Bồ thí và hồi hương nhất thiết trí.
- Không, vô tướng, vô tác.
- Phật, Pháp và Tăng.
- Thân và thân diệt.
- Thân, khẩu, ý.
- Làm phước, làm tội, làm không phước không tội.
- Từ bản ngã, khởi chấp.
- Có tướng sở đắc.
- Tối và sáng.
- Ham mộ Niết bàn, nhằm chán thế gian.
- Chánh đạo, tà đạo.
- Thật và không thật.

Ba mươi một đề mục được xem là Hai và dựa trên tướng hai đó mà tư duy quán sát rồi phản tỉnh hồi đầu, ba mươi một vị Bồ tát đều chứng nhập pháp môn không hai.

Ba mươi một cặp phạm trù đối đãi ấy, nhận xét kỹ, ta thấy có đề mục chỉ có một. Như đề mục Có tướng sở đắc, lại có những đề mục không phải hai mà có đến ba. Như đề mục Phật, Pháp, Tăng. Đề mục Thân, khẩu, ý. Đề mục

Không, vô tướng, vô tác. Đề mục Làm phước, làm tội, làm không phước không tội.

Ấy thế mà tất cả đều được xem là hai.

Do vậy, ta cũng thấy rõ kinh dạy qua vấn đề chứng nhập pháp môn không hai, như trước đã nói. Chứng nhập pháp môn không hai mục đích không phải chối bỏ số hai để lùi về số một. Cũng nhằm tránh né số hai để có được số ba, bốn, năm.

2.- Đến lượt Bồ tát Đại Trí Văn Thù Sư Lợi, ngài cho rằng: Đã là pháp môn không hai thì ngôn từ không bàn luận đến được. Văn tự không mô tả được. Nghĩ ngợi đến ba đã là sai rồi. Đến chỗ tuyệt đường đối đãi thì có diễn đạt hoa mỹ, khéo léo cách nào cũng không phải cái đó. Vì cái đó, chỗ đó, nó ở vào lãnh vực Bất khả tư nghì. Chỉ ai chứng mới biết mà thôi. Chữ chứng ở đây không có gì quá sức tưởng tượng đâu các bạn ạ! Nó đồng nghĩa với cái từ chứng nước ở các tông lâm miền Bắc nước Việt Nam ấy.

"Nhu nhưn ẩm thủy, lãnh noãn tự tri". Chỉ có người chứng nước mới biết được nước ấm lạnh ở độ nào...người không chứng nước thì nghe để mà nghe, sự diễn tả của người chứng nước không làm cho người không chứng hiểu chính xác độ nóng lạnh, vị ngọt ngon của tách trà thơm ngát ấy.

3.- Đến lượt ngài Duy Ma Cật trình bày phương cách chứng nhập pháp môn không hai của mình. Ngài biểu thị bằng thái độ im lặng thản nhiên. Đại chúng như hồi hộp và có ý trông chờ những gì sẽ diễn biến ra sau giây phút thản nhiên im lặng đó. Nhưng rồi không có gì nữa hết! Bồ tát Đại trí Văn Thù thông cảm sâu sắc, tận cùng ý niệm của nhau, như hai tấm gương đối diện cùng lòng bóng phản chiếu trước một cảnh hoa rộ rỡ sắc màu.

Bồ tát Đại Trí Văn Thù chỉ tán thán trước sự biểu hiện lặng im mà không bình luận gì thêm nữa. Bồ tát Đại Trí Văn Thù tâm đắc và cảm thông hành động biểu hiện đó của ngài Duy Ma Cật. Ngài Văn Thù cho rằng hành động đó, tự nói lên phương cách chứng nhập pháp môn không hai của ngài Duy Ma Cật đầy đủ lắm rồi. Còn dùng ngôn ngữ văn tự để phủ nhận văn tự ngữ ngôn, ngài Đại Trí Văn Thù đã bỏ lỡ cơ may không về đến đích. Người hiểu được Duy Ma Cật phải là bậc Đại trí, chẳng những cần có Căn bản trí mà phải xử dụng Sai biệt trí để thấy biết tường tận mọi vật lý, sanh lý và tâm lý giữa cuộc đời.

Ở đời, người hay dạy dỗ, quở phạt, đánh mắng con cái là người cha mẹ quá thương con cái của mình. Không ai bỏ công dạy dỗ, quở phạt, đánh mắng những đứa trẻ nước lã người dung. Vì sao? Vì người dung nước lã không tương quan gần bó, chẳng dính líu nghĩa tình. Đối với chúng, người làm cha mẹ kia chẳng có gì để nói.

Cũng vậy, các pháp thế gian và xuất thế gian đối với chúng, Bồ tát Duy Ma Cật không có gì để nói. Đó là thâm ý của sự lặng thinh, lặng thinh chỉ vì không có gì để nói. Chỉ vì đã biết rõ vạn pháp giai không từ hồi vô thi dĩ chí vô chung, cho nên nói ít thì sai chân lý ít, nói nhiều chỉ tăng thêm nhiều hý luận!

CHƯƠNG THỨ MƯỜI : PHẬT HƯƠNG TÍCH

1.- Ông Xá Lợi Phất nghĩ rằng: giờ Ngọ trai sắp đến, rồi đây chư Bồ tát sẽ thọ thực bằng gì?

Trưởng giả Duy Ma Cật biết được thâm ý của ông Xá Lợi Phất, bèn bảo rằng:

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Đức Phật dạy tám môn giải thoát ngài lãnh thọ tu hành. Há để xen tạp ý nghĩ về ăn trong lúc nghe pháp vậy sao? Nếu muốn ăn thì hãy đợi giây lát. Ngài sẽ được thức ăn chưa từng có.

Ông Duy Ma Cật liền nhập định, vận dụng sức thần thông khiến cho đại chúng thấy rõ, ở thượng phương thế giới trải qua bốn mươi hai hằng hà sa cỗi Phật có quốc độ tên gọi là Chúng Hương. Hiện tại đức Phật Hương Tích là giáo chủ. Nước Chúng Hương có thứ hương thơm kỳ diệu, so với mùi thơm của các thế giới nhơn thiên. Các cỗi nước chư Phật trong mười phương cũng không có thứ hương nào sánh được. Cỗi nước đó, không có Thanh văn và Bích Chi Phật, chỉ có chúng đại Bồ tát thanh tịnh. Đức Phật Hương Tích thường truyền pháp giáo hóa cho hàng đại Bồ tát này. Thế giới Chúng Hương thường xử dụng toàn hương. Lầu các kiến tạo bằng hương. Đi kinh hành trên đất hương, vườn tược hoa cảnh cũng hương. Hơi hương là thức ăn của Phật, Bồ tát ở quốc độ này. Hương này lan tỏa ngát thơm khắp vô lượng thế giới mười phương.

Lúc ấy đức Phật và chư Bồ tát cùng ngồi thọ thực. Chư Thiên tử cùng có hiệu Hương Nghiêm, những Thiên tử này đều đã phát tâm vô thượng Bồ đề. Họ dâng thức ăn Hương để cúng dường Phật và Bồ tát.

Tất cả đại chúng trong hải hội đều trông thấy sự kiện này.

2.- Bấy giờ Trưởng giả Duy Ma Cật hỏi các chúng Bồ tát trong hải hội rằng: Thưa chư nhơn giả! Trong này ai có thể qua đến cõi Phật Hương Tích để có thể thỉnh một ít cơm thơm?

Do thần lực của Bồ tát Đại Trí Văn Thù Sư Lợi, cả hải hội chư Bồ tát đều lặng im.

Ông Duy Ma Cật nói: Cả đại chúng trong hải hội đều im lặng cả! Không đáng xấu hổ lắm sao?

Văn Thù Sư Lợi nói: Theo lời Phật dạy "Không nên xem thường người chưa học".

Ông Duy Ma Cật, ngồi tại bản tòa ở trước đại chúng, hóa hiện một Bồ Tát tướng hảo quang minh, uy đức hơn hẳn mọi người và sai bảo:

Ông qua thượng phương vượt đây khoảng bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật, có một quốc độ tên gọi là Chúng Hương. Đức Phật cõi đó hiệu là Hương Tích. Phật và Bồ tát đang cùng ngồi thọ thực. Ông hãy đến đó nói đúng như lời tôi rằng:

"Duy Ma Cật đê đầu đánh lễ dưới chân đức Thế Tôn trọng kính vô vàn, gửi đến lời thăm hỏi đức Thế Tôn ít bệnh, ít nã chăng? Sức khỏe bình an chăng? Mong Thế Tôn cho một ít cơm thừa đem về cõi Ta bà làm Phật sự khiến cho những người ham ưa pháp Tiểu thừa được mở mang trí tuệ phát chí Đại thừa, đi theo đại đạo và cũng khiến cho thanh danh của Như Lai được nhiều người nghe biết khắp cùng".

Lãnh hội lời dặn dò, ở trước đại chúng, vị hóa thân Bồ tát liền bay lên thượng phương, trước sự chứng kiến của đại chúng. Đến thế giới Chúng Hương, hóa thân Bồ tát lễ dưới chân Phật. Vào lúc này tất cả đại chúng ở cõi Ta bà đều nghe rõ lời tác bạch:

"Duy Ma Cật đê đầu đánh lễ dưới chân đức Thế Tôn, trọng kính vô vàn, gửi đến lời thăm hỏi, đức Thế Tôn ít bệnh, ít não chăng? Sức khỏe bình an chăng? Mong Thế Tôn cho một ít cơm thừa đem về cõi Ta bà làm Phật sự, khiến cho những người ham ưa pháp Tiểu thừa được mở mang trí tuệ phát chí Đại thừa, đi theo đại đạo và cũng khiến cho thanh danh của Như Lai được nhiều người nghe biết khắp cùng".

Các đại sĩ ở nước Chúng Hương trông thấy đức hóa thân Bồ tát đều rất kính mộ và tán thán đây là việc chưa từng có. Bậc thượng nhân này từ đâu đến. Ta Bà thế giới cách đây bao xa. Sao gọi là những người ham ưa tiểu pháp. Bao nhiêu nghi vấn đặt ra và đem những việc đó thưa hỏi đức Phật.

Đức Hương Tích Phật nói với chư Bồ tát rằng ở hạ phương cách bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên Ta bà. Hiện nay đức Phật Thích Ca Mâu Ni là giáo chủ. Ta bà là cõi đời nhơ xấu năm trước hoành hành. Đức Phật Thích Ca vì những chúng sanh ham ưa pháp Tiểu thừa, mở mang chuyển hóa khiến cho họ phát chí Đại thừa. Đức Phật có một vị Bồ tát tên Duy Ma Cật hằng trụ trong cảnh giới giải thoát bất khả tư nghì, vì các Bồ tát nói pháp. Vì thế, sai vị hóa thân Bồ tát đến cõi này, nhằm xưng dương danh hiệu của ta và khen ngợi quốc độ Chúng Hương này, khiến cho Bồ tát ở cõi Ta bà được tăng phần công đức.

3.- Các Bồ tát Chúng Hương hỏi Phật: Duy Ma Cật người thế nào, mà có thể hóa ra một Bồ tát oai đức tròn đầy, thần thông quảng đại thế kia?

Phật nói: Rất lớn! Chẳng những hóa một Bồ tát mà còn có thể hóa vô số Bồ tát đi đến vô số cõi nước trong mười phương để thi tác Phật sự lợi ích chúng sanh.

4.- Đức Hương Tích Như Lai lấy bình bát Chúng Hương đựng đầy một bát cơm hương và ban cho hóa thân Bồ tát.

Lúc bấy giờ có chín trăm vạn Bồ tát, đồng thanh nói: Chúng tôi muốn đến thế giới Ta bà để cúng dường đức Phật Thích Ca Mâu Ni và muốn hội kiến với ông Duy Ma Cật và chúng Bồ tát ở cõi Ta Bà.

Đức Phật nói : Các Bồ tát có thể đi, nhưng phải thu nhiếp hương thơm từ thân các ông. Đừng để cho các chúng sanh cõi kia sanh tâm đam mê nhiễm ái. Lại còn phải đổi thân hình vốn có của các Bồ tát cõi này, đừng để cho chư Bồ Tát cõi Ta bà có mặc cảm tự ti. Lại nữa, khi diện kiến các ông không

nên có trong lòng ý tưởng khinh thường mà đẩy lên tư tưởng trở ngại không nên. Bởi vì sao? Vì mười phương quốc độ đều như hư không. Chẳng qua, chư Phật vì giáo hóa những chúng sanh ham ưa tiểu pháp mà không hiện trọn vẹn cõi nước thanh tịnh đầy thôi.

Bấy giờ hóa thân Bồ tát cung kính tiếp nhận bát cơm cùng chín trăm vạn Bồ tát, nương sức oai thần Phật, chư Bồ tát hốt nhiên không còn hiện diện ở thế giới Chúng Hương... trong khoảnh khắc sau, tất cả cùng có mặt ở tịnh thất của ngài Duy Ma Cật.

Ông Duy Ma Cật hóa ra chín trăm vạn chiếc tòa sư tử cao rộng đẹp đẽ. Chư Bồ tát trong hải hội đều ngồi lên bảo tòa...

5.- Hóa thân Bồ tát đem bát cơm đầy ngào ngọt hương thơm dâng lên Bồ tát Duy Ma Cật. Hơi thơm của cơm xông ngát thành Tỳ Da Ly, lan tỏa khắp cả ba ngàn đại thiên thế giới.

Các Bà la môn, cư sĩ v.v.. nghe mùi hương thân tâm thanh thoát nhẹ nhàng và đồng khen ngợi là sự kiện nhiệm màu, xưa nay chưa từng có.

Có vị trưởng giả tên Nguyệt Cái cùng với đoàn tùy tùng 84.000 người đi đến tịnh thất Bồ tát Duy Ma Cật. Khi đến tịnh thất mọi người trông thấy số chúng đại Bồ tát rất đông. Các tòa sư tử cao rộng trang nghiêm lộng lẫy. Tất cả mọi người hoan hỉ lễ bái chư Bồ tát chúng và các hàng đệ tử Thanh Văn. Lễ xong, lui ra cùng đứng sang một phía. Các địa thần, hư không thần, chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc nghe mùi hương cũng đến tịnh thất và xin được vào nghe pháp.

Bồ tát Duy Ma Cật nói với ông Xá Lợi Phất và các hàng đại Thanh văn rằng:

Chư nhơn giả! Các vị sẽ được ăn cơm vị cam lồ của Như lai. Cơm này do huân tập vô lượng đại bi mà có. Khi ăn không nên dùng tâm ý hạn hẹp suy lường mà làm cơm không tiêu hóa.

Khi ấy, có vị Thanh văn móng ý nghĩ rằng: Cơm ít mà đại chúng quá đông. Rồi đây mọi người sẽ ăn, rồi ai ăn ai nhịn?

Nhằm giải tỏa mối nghi trong lòng đại chúng, hóa thân Bồ tát tuyên bố: Thừa chư nhơn giả! Các ngài không nên dùng tiểu đức tiểu trí của Thanh văn mà cân lường phước đức trí tuệ của Như lai. Nước bốn biển còn có thể

hết chứ cơm này không thể hết. Giả sử mỗi người ăn một khối to bằng núi Tu Di, ăn trọn kiếp cũng không hết được. Vì đây là thức ăn thừa của đấng đầy đủ công đức giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến vô tận, làm sao hết được. Một bát cơm này no lòng cho bao nhiêu đại chúng trong hội này hãy còn quá dư thừa! Và lại Bồ tát, Thanh văn, nhơn thiên ăn cơm này rồi thân tâm thư thái, vui vẻ an nhiên giống như Bồ tát ở cõi nước Nhất Thiết Lạc Trang Nghiêm. Lại nữa sau khi ăn cơm này, từng lỗ chân lông sẽ tiết ra hương thơm kỳ diệu giống như mùi hương của các rừng cây thơm ở quốc độ Chúng Hương.

6.- Bồ Tát Duy Ma Cật hỏi các Bồ tát Chúng Hương rằng: Thừa chư đại sĩ! Đức Hương Tích Như Lai ở nước Chúng Hương giáo hóa chúng Bồ tát bằng cách nào?

- Hương Tích Như lai cõi nước chúng tôi không dùng ngôn ngữ văn tự thuyết mà chỉ lấy Hương, khiến cho nhơn thiên được đi vào luật hạnh. Các Bồ tát thì ngồi dưới cội cây Hương nghe mùi hương vi diệu mà được Tam muội Nhất thiết Đức Tàng. Bồ tát được tam muội ấy rồi tự có đầy đủ công đức.

Các Bồ Tát Chúng Hương hỏi lại:

Thưa! Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn, thuyết pháp bằng cách nào?

Bồ tát Duy Ma Cật đáp: Cõi Ta bà chúng sanh cang cường khó giáo hóa, cho nên đức Phật của chúng tôi phải thuyết những ngôn ngữ cang cường để mà điều phục. Phải nói địa ngục, súc sanh và ngạ quỷ. Phải nói đây là chỗ khốn nạn, đây là chỗ những người ngu si thọ sanh. Phải nói đó là việc làm sai quấy của thân. Đó là quả báo của việc làm sai quấy của thân. Đó là lời sai trái của khẩu, đó là quả báo của lời sai trái của khẩu. Đó là ý nghĩ tội lỗi của ý, đó là quả báo của ý nghĩ tội lỗi của ý. Đây là sát sanh, đây là quả báo của sát sanh. Đây là không cho mà lấy, đây là quả báo của việc không cho mà lấy. Đó là tà dâm, đó là quả báo của tà dâm. Đó là vọng ngữ, đó là quả báo của vọng ngữ. Đó là lưỡi hai chiều, đó là quả báo của lưỡi hai chiều. Đó là ác khẩu, đó là quả báo của ác khẩu. Đó là lời vô nghĩa, đó là quả báo của lời vô nghĩa. Đó là tham lam, đó là quả báo của tham lam. Đó là sâu não, đó là quả báo của sâu não. Đó là tà kiến, đó là quả báo của tà kiến. Đó là xan lãn, đó là quả báo của xan lãn. Đó là hủy phạm giới, đó là quả báo của hủy phạm giới. Đó là giải đãi, đó là quả báo của giải đãi. Đó là loạn ý, đó là quả báo của loạn ý. Đó là ngu si, đó là quả báo của ngu si. Đó là trì giới. Đó là phạm

giới. Đó là việc nên làm. Đó là việc không nên làm. Đó là chướng ngại. Đó là không chướng ngại. Đó là đắc tội. Đó là tiêu tội. Đó là tịnh. Đó là cấu. Đó là hữu lậu. Đó là vô lậu. Đó là tà đạo. Đó là chánh đạo. Đó là hữu vi. Đó là vô vi. Đó là thế gian. Đó là Niết bàn.

Vì những người khó giáo hóa, tâm như vượn, ý như ngựa cho nên đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn phải dùng nhiều ngôn từ phương tiện thuyết pháp để chế ngự tâm họ. Sau đó mới điều phục được. Ví như ngựa bất kham, voi cuồng bạo khó huấn luyện, phải xử dụng roi, dùi, đánh, chích thì mới điều phục được. Cũng như thế, chúng sanh càng cường nan hóa, phải dùng những lời khổ thiết như thế mới có thể đưa khếp họ vào luật hạnh.

7.- Các Bồ tát Chúng Hương đồng tán thán rằng: Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn, làm việc khó làm, dẫu đi sức tự tại vô lượng của mình mà vui lấy pháp khó khăn độ thoát chúng sanh. Các Bồ tát cõi Ta bà đây cũng hết sức nhọc nhằn khiếm tốn, do lòng đại bi vô lượng mới nguyện sanh ở cõi Phật này.

Bồ tát Duy Ma Cật nói: Đúng như chư đại sĩ nói, Bồ tát cõi Ta bà, đối với chúng sanh lòng đại bi rất kiên cố. Nhưng được cái ưu việt là làm lợi ích chúng sanh trong một đời công đức nhiều hơn trăm ngàn đời làm lợi ích chúng sanh ở cõi nước của các ngài. Vì sao? Vì thế giới Ta bà có mười việc thiện pháp, mà các cõi Tịnh độ khác không có:

Một, lấy bố thí đem giúp đỡ kẻ nghèo.

Hai, lấy trì giới đem gương mẫu cho người phạm giới.

Ba, lấy nhẫn nhục đem dạy khuyên người hung bạo.

Bốn, lấy tinh tấn đem gương mẫu cho kẻ biếng lười.

Năm, lấy thiền định đem dạy người loạn ý.

Sáu, lấy trí tuệ đem giáo hóa người ngu si.

Bảy, nói pháp trừ nạn hóa độ người bất nạn.

Tám, lấy pháp đại thừa đem hóa độ người yêu thích tiểu thừa.

Chín, lấy pháp thiện căn khuyến hoá người vô đức.

Mười, thường lấy pháp tứ nhiếp dẫn dụ giáo hóa chúng sanh.

8.- Các Bồ tát Chúng Hương hỏi: Bồ tát ở thế giới Ta bà thực hành những pháp gì không bị thương tổn, không mắc mứu để có thể sanh sang ở tịnh độ.

Bồ tát Duy Ma Cật đáp: Bồ tát ở cõi này thành tựu được tám pháp thì không bị thương tổn, không bị mắc mứu có thể sanh vào tịnh độ:

Một, làm lợi ích chúng sanh mà không cầu đền ơn đáp nghĩa.

Hai, thay tất cả chúng sanh, gánh chịu những thiệt thòi khổ não.

Ba, làm tất cả công đức lành, nguyện cho chúng sanh hưởng hết.

Bốn, bình dị đơn giản đối với tất cả mọi người, nhún nhường tột thấp mà không mặc cảm tự ti.

Năm, đối với chư Bồ tát xem trọng như Phật.

Sáu, những kinh chưa được nghe, thì nghe không nghi ngờ.

Bảy, không khinh chê pháp tu của người Thanh văn, không ganh tị sự thọ hưởng cúng dường của họ, không có ý thu lợi về phần mình. Thường tâm niệm việc đó để điều phục tâm ý.

Tám, thường xét lỗi mình, không phê cái xấu của người khác, hằng giữ nhất tâm, ham cầu công đức. Đó là tám pháp làm cho Bồ tát thế giới Ta bà không mắc mứu để có thể sanh sang tịnh độ.

Bồ tát Duy Ma Cật và Bồ tát Đại Trí Văn Thù Sư Lợi ở giữa đại chúng nói thời pháp ấy rồi, trăm ngàn trời, người phát tâm vô thượng Bồ đề. Mười ngàn Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn.

TRỰC CHỈ

1.- Kinh Duy Ma Cật ba lần hiện bày Tịnh độ trong Pháp giới nhất chân. Nói "nhất chân" người học Phật phải hiểu là pháp giới chỉ có một. Toàn thể chỉ có một. Một là tất cả. Không còn pháp nào khác ngoài ở ngoài pháp giới nhất chân đó. Pháp giới nhất chân là pháp giới "Thụ cùng tam tế, hoành biên

thập phương". Về không gian, tốt mé nghĩ bàn. Về thời gian hết nguồn khái niệm.

Trong pháp giới nhất chân không có vấn đề tịnh uest. Thấy tịnh thấy uest là do người. Vì vậy trong pháp giới không tịnh uest lại có ra tịnh uest.

Lần thứ nhất, ở chương một, trong cõi Ta bà uest độ này, đức Phật Thích Ca cho hàng đệ tử thấy và biết rằng: Cõi Ta bà cấu uest đó chính là do tội chướng của các ông, khiến cho cái thấy của các ông đối với cõi Ta bà không thanh tịnh. Ví như trước ánh nắng hòa dịu ấm áp của bầu trời xuân. với muôn vàn màu sắc của hoa lá thắm tươi rực rỡ. Vậy mà những người mù thì chẳng thưởng thức được gì. Không thấy đẹp, không phải vì không có cảnh đẹp. Không thấy tịnh, không phải quốc độ của Phật Thích Ca không tịnh.

Đó là lần Phật cho đại chúng trong hải hội biết: ngay nơi uest độ vốn đã có tịnh độ. Tịnh độ không cần phải xuất cảnh rời bỏ uest độ ra đi mới có.

Ở chương này, giới thiệu quốc độ Chúng Hương của Phật Hương Tích.

Phật Hương Tích giáo chủ của thế giới Chúng Hương ở thượng phương cách cõi Ta bà 42 hằng hà sa cõi nước. Ở đó có thế giới Tịnh độ. Tịnh độ Chúng Hương, Phật và Bồ Tát xử dụng toàn hương. Đất đai, lầu các, vườn rừng, hoa cảnh, cho đến thức ăn đều là hương tất cả. Đức Hương Tích giáo hóa cũng xử dụng hương.

Qua ý nghĩa của sự kiện trên, ta thấy:

a.- Nhằm giới thiệu cho đại chúng trong hải hội biết rằng: ngoài thế giới uest độ còn có thế giới thuần tịnh độ trong pháp giới nhất chân. Tuy nhiên, vẫn không ngoài chân lý tịnh uest do người. Thế giới Chúng Hương thuần tịnh, vì thế giới không có xen tạp cái nhìn của nhục nhãn vốn nhiều tội cấu của phàm phu. Thế giới đó được nhìn qua tuệ nhãn của thuần là Bồ tát.

b.- Nhằm giáo dục cho người đệ tử Phật biết: Lục trần, trần nào cũng có thể làm Phật sự. Lục căn, căn nào cũng có thể khiến cho con người học đạo, hành đạo và chứng đạo được hết.

Đức Phật Thích Ca giáo chủ cõi Ta bà xử dụng thanh trần giáo hóa chúng sanh làm nên Phật sự.

Đức Phật Hương Tích giáo chủ thế giới Chúng Hương xử dụng Hương trần giáo hóa Bồ tát làm nên Phật sự.

Chúng sanh cõi Ta bà xử dụng nhĩ căn nghe đạo, học đạo, hành đạo và chứng thành đạo quả.

Chúng Bồ tát thế giới Chúng Hương xử dụng tử căn ngửi mùi đạo, học đạo, hành đạo và chứng thành đạo quả.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm, 25 Thánh đệ tử dựa trên lục căn, lục trần, lục thức, thất đại làm dữ kiện chứng đắc viên thông.

Kinh Duy Ma Cật, 31 Bồ tát dựa trên 31 sự kiện khác nhau nhưng kết cuộc cùng đến một đích: chứng nhập pháp môn bất nhị và với Hương trần, đức Phật Hương Tích lại giáo hóa chúng sanh khiến cho hàng Bồ tát đạo hạnh ngày càng tăng tiến.

Quán triệt kinh điển Đại thừa, người đệ tử Phật càng thấy nền giáo lý Phật thậm thâm vi diệu.

Với chân lý: Chư pháp tương tức, nhất đa tương dung. Thế giới này cũng là thế giới kia. Thế giới kia cùng thế giới này tuy hai mà một. Đó là ý nghĩa chư pháp tương tức. Bởi vì, dù thế giới có hai nhưng hai thế giới vẫn chung cùng trong pháp giới nhất chân.

Hoa Nghiêm tông lấy con sư tử vàng làm ví dụ để khái niệm nhận thức về ý nghĩa chư pháp tương tức và nhất đa tương dung. Mấy lông bờm và mấy lông đuôi của con sư tử tên gọi khác nhau, nhưng lông bờm là lông đuôi, lông đuôi là lông bờm của con sư tử ấy. Vì hai mấy lông cùng một chất vàng. Chất vàng của lông bờm dung chứa toàn bộ chất vàng của lông đuôi. Chẳng những thế, nó còn dung chứa toàn bộ chất vàng của toàn bộ lông móng từ đầu chí đuôi của toàn thân con sư tử.

Qua ví dụ đó, thiên giả nhận thức về ý nghĩa nhất đa tương dung.

2.-Hành xử quán trí thâm ngộ sâu sắc ý nghĩa chư pháp tương tức, nhất đa tương dung, thiên giả sẽ lý giải không hoang đường. Về sự di chuyển qua lại của đức hóa thân Bồ tát, trên một khoảng không gian cách 42 hằng hà sa thế giới. Vừa đi, đến, vừa làm lễ tác bạch, xin com Hương, vừa trở về tịnh thất của ngài Duy Ma Cật mà chỉ mất trong vài khoảnh khắc!

Nhìn vạn pháp bằng tuệ nhãn, Huyền Giác thiên sư nói;

"Giác hậu không không vô đại thiên". Nghĩa là tâm thấy biết của những bậc Đại giác thì 42 hằng hà sa thế giới chẳng có ranh giới, cho nên xa gần không còn là vấn đề đặt ra để bình luận nữa. Mà: "Nhất tức nhất thiết. Nhất thiết tức nhất".

3.- Đức Phật Hương Tích dạy: là Bồ tát thì uy đức tôn nghiêm, thần thông quảng đại là lẽ thường. Các đặc trưng và thực nghĩa của Bồ tát là phải làm những việc khó mà tất cả chúng sanh không làm được. Chẳng những thế, vì sự nghiệp hóa độ chúng sanh, Bồ tát phục vụ chúng sanh từ quốc độ này sang vô lượng thế giới khác trong mười phương không kể thời gian, năm, tháng...

4.- Phật Hương Tích đồng ý cho chín trăm vạn Bồ tát ở quốc độ Chúng Hương đi tham quan cõi Ta bà ra mắt đức Phật Thích Ca với ba điều kiện:

Một, phải thu nhiếp thân hương. Không nên để chúng sanh cõi Ta bà sanh tâm ái nhiễm khiến cho họ khó tu hành.

Hai, thu thân tướng vĩ đại trang nghiêm. Không được để Bồ tát cõi Ta bà mặt cảm tự ti không tốt.

Ba, thấy Phật, thấy Bồ tát, thấy quốc độ Ta bà không thanh tịnh trang nghiêm, nhưng không được khởi tướng xem thường. Đức Phật dạy tiếp:

Bồ tát các ông phải biết: "Mười phương quốc độ đều như hư không. Chư Phật vì giáo hóa chúng sanh ham ưa pháp nhỏ mà không hiện trọn vẹn cõi nước thanh tịnh đầy thôi".

Qua lời dạy của đức Phật Hương Tích, một lần nữa, ta có thể xác định rằng: quốc độ tịnh uế là do chúng sanh, chứ không phải quốc độ của chư Như Lai trong mười phương có tịnh có uế.

5.- Cơm Hương, tượng trưng "phước đức trí tuệ hương". Của cải vật chất hữu vi, dù nhiều đến bao nhiêu, đem phân phát cho ra có ngày phải hết. Phước đức trí tuệ của bậc đầy đủ tốt cùng, đem truyền đạt bao thời gian, năm, tháng, số người tiếp thu không cần hạn chế, phước đức trí tuệ vẫn không hao mòn giảm thiểu. Tu học theo con đường phước đức trí tuệ của

Hương Tích Như lai tức là tu học pháp môn vô tận đấng của thế giới Chúng Hương truyền đạt cho Bồ tát cõi Ta bà.

6.- Như ta đã biết căn, trần, thức, thất đại đều có thể làm Phật sự được hết. Vì tất cả đều là dữ kiện chứng đắc Viên thông (Xin đọc thêm kinh Thủ Lăng Nghiêm Trục chỉ đề cương cùng một biên dịch giả).

Đức Phật Hương Tích thế giới Chúng Hương sử dụng Hương trần giáo hóa Bồ tát.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cõi Ta bà sử dụng Thanh trần giáo hóa chúng sanh.

Cõi tịnh độ, Phật Hương Tích giáo hóa chư Bồ tát chỉ dùng Hương mà luật hạnh của các ngài bất thối chuyển trên đường vô thượng Bồ đề.

Cõi uế độ, Phật Thích Ca giáo hóa chúng sanh phải tận dụng ngôn từ khổ thiết nặng nề, vì chúng sanh thâm nhiễm vô minh, ý chí càng cường nan điều nan phục.

Đối với bậc lợi căn thượng trí, đức Phật chỉ nói với họ về phước đức, trí tuệ, khinh an, giải thoát, Bồ đề Niết bàn là người trí đã phát tâm hâm mộ...

Với bậc hạ trí độn căn, Phật không muốn dùng lời khổ thiết nặng nề: nga quý, súc sanh, địa ngục...nhưng vì muốn tránh cảnh khổ đó cho chúng sanh, đức Phật bắt buộc dĩ phải đem ra sử dụng.

Thật ra, đó chỉ là một phương tiện được xem như những công cụ bạo lực để răn đe những ai không biết sợ tội lỗi là gì. Như giảng giúp cho họ một sợi thép gai làm hàng rào, hy vọng họ không sa ngã vào chỗ hầm hố, gai chông.

Vấn đề địa ngục trong giáo lý nhà Phật, địa ngục có cũng do con người. Không do đấng thiêng liêng nào kiến tạo sẵn để trừng trị một ai. (Đọc thêm Thủ Lăng Nghiêm Trục chỉ đề cương, tập 3 sẽ được hiểu rõ hơn).

7.- Phật và Bồ tát ở cõi Ta bà, lòng đại bi vô lượng, đức kiên cố vô cùng, ấn dấu đi sức tự tại giải thoát của mình làm những việc khó làm nhằm độ thoát chúng sanh càng cường nan điều nan phục.

Đó là lời tán thán và kính phục tận đáy lòng của chư Bồ tát quốc độ Chúng Hương.

Bồ tát Duy Ma Cật cho biết dù vậy, nhưng Bồ tát ở cõi Ta bà trên phương diện vun bồi công đức phát huy trí huệ, rèn luyện ý chí lại có nhiều thuận lợi mà các Bồ tát ở các cõi Tịnh độ khác không có. Chẳng hạn:

Muốn giúp đỡ ban cho , có người tiếp nhận.

Hoàn cảnh nhiều cám dỗ để tự tôi luyện ý chí được kiên trì.

Nhiều kẻ thù bất như ý, để thí nghiệm tánh nhẫn nhục,

Nhiều nghịch cảnh đau thương, như cảnh tỉnh phải tinh tấn tu hành, không nên giải đãi.

Nhiều chúng sanh tạp ý, ta dạy cho họ phương pháp định tâm.

Nhiều kẻ ngu si, Bồ tát dạy cho họ sống theo trí tuệ.

Nhờ vậy, Bồ tát hành đạo ở cõi Ta bà một đời bằng trăm ngàn đời hành đạo ở các cõi Tịnh độ khác.

8.- Tuy nhiên, nếu Bồ tát không muốn hành Phật sự, giáo hóa chúng sanh ở cõi Ta bà thì cũng vẫn có những điều kiện để Bồ Tát tiến thân sanh sang các Tịnh độ:

Một, thi ân không cần đền trả.

Hai, nếu có điều kiện, gánh vác thay cực khổ cho chúng sanh.

Ba, làm điều lợi lành ban tặng cho chúng sanh hết.

Bốn, bình dân giản dị trong cuộc sống. Nhún nhường tốt thấp mà không tự ti.

Năm, trọng kính Bồ tát như kính Phật.

Sáu, kính điển Đại thừa nghe không khiếp sợ.

Bảy, không khinh chê pháp Thanh văn, không tự hiềm quyền lợi đối với họ.

Tám, thường quán xét lỗi mình không nói thị phi của người.

Độ sanh, hành đạo Bồ tát, tùy ở thế nguyện và phát tâm. Không ai có quyền ép uổng ai trong nhiệm vụ cao cả thiêng liêng đó. Thấy đủ khả năng, giàu nghị lực thì hành đạo ở cõi Ta bà. Muốn được nhẹ vui gánh nặng thì cũng tùy nguyện mà sanh sang thế giới khác.

Tuy nhiên ở cõi này hay nguyện sang thế giới khác, muốn lập công bồi đức thành tựu vô thượng Bồ đề đều phải có điều kiện. Thành tựu tám điều kiện đó, thì ngay thân này, quốc độ này mà tâm hồn đã giải thoát rỗng rang, chính lúc đó là đã sanh sang cõi Tịnh độ khác rồi.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT : VIỆC LÀM CỦA BỒ TÁT

1.- Đức Phật đang thuyết pháp ở trong một vườn xoài cây to hàng rợp bóng. Lúc bấy giờ đất vườn bỗng nhiên trở nên rộng rãi bao la khác thường, cảnh lá vườn cây đổi màu mơn mớn xanh tươi, trăm hoa đua nở rực rỡ sắc màu, lá lướt đong đưa trong làn gió nhẹ. Cảnh vật tựa như hân hoan chào đón... Tất cả đại chúng trong hải hội tự nhiên đều trở thành màu hoàng kim rạng rỡ hào quang.

Thấy hiện tượng lạ, ông A Nan thưa với Phật: Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà cảnh vật trong vườn hiện ra điềm lạ thế kia. Đất của vườn xoài bỗng nhiên rộng rãi bao la, cây cối xanh tươi, trăm hoa rực rỡ sắc màu, mọi vật có vẻ như hân hoan khác lạ. Đại chúng trong hải hội đều trở thành một màu hoàng kim rực rỡ.

Đức Phật bảo A Nan! Hiện giờ ông Duy Ma Cật và Văn Thù Sư Lợi cùng đại chúng đang phát khởi ý muốn đến ra mắt Ta. Họ đang cung kính đi nhiều quanh, trước khi đến đây cho nên ứng ra điềm ấy.

2.- Ông Duy Ma Cật nói với Đại Trí Văn Thù Sư Lợi rằng: Thưa ngài Văn Thù Sư Lợi! Chúng ta nên đến ra mắt đức Thế Tôn! Nhơn cơ hội này để chư Bồ tát tham kiến và lễ bái cúng dường đức Phật.

Đại Trí Văn Thù Sư Lợi nói: Ý kiến rất hay. Thật là đúng lúc. Vậy chúng ta nên cùng đi.

Bồ Tát Duy Ma Cật bèn vận dụng thần lực, dời tất cả đại chúng trong lúc mọi người vẫn ngồi trên tòa sư tử, để lên bàn tay phải của mình sang đến chỗ Phật. Đến nơi để xuống dưới đất. Bồ tát Duy Ma Cật đê đầu, lễ dưới chân Phật. Đi hữu nhiễu bảy vòng, chấp tay cung kính đứng qua một phía. Các Bồ tát, hàng đệ tử Thanh văn, trời Đế Thích, Phạm Thiên, tất cả rời khỏi tòa ngồi, dập đầu lễ dưới chân đức Phật cùng đi hữu nhiễu bảy vòng và đứng sang một phía.

Đức Thế Tôn tỏ lời thăm hỏi trong đạo tình thân thiết đối với toàn thể đại chúng và mọi người hãy an tọa trở lại bản tòa.

Đức Phật bảo ông Xá Lợi Phất rằng:

- Xá Lợi Phất! Ông đã thấy sức thần thông tự tại của bậc đại sĩ Bồ tát làm rồi chứ?

- Dạ! Bạch Thế Tôn, con đã thấy. Ông Xá Lợi Phất thưa.

- Ý ông thế nào? Phật hỏi.

- Bạch Thế Tôn! Ông Xá Lợi Phất thưa. Con thấy việc làm của Bồ tát khó có thể nghĩ bàn. Vượt ngoài sự suy lường của tâm, sự nghĩ ngợi của ý.

3.- Ông A Nan đứng lên hỏi Phật:

Bạch Thế Tôn! Hôm nay trong bầu không khí của hải hội có mùi hương kỳ diệu mà từ trước chưa từng có, chúng con không biết đó là thứ hương chi!

Phật bảo: Đó là mùi hương phát ra từ lỗ chân lông của các Bồ tát vừa mới đến.

Ông Xá Lợi Phất nói với ông A Nan: Từng lỗ chân lông của tôi cũng phát ra mùi hương ấy.

- A Nan hỏi: Do đâu ngài có được mùi hương ấy?

- Do Bồ tát Duy Ma Cật xin được cơm dư của Phật Hương Tích ở nước Chúng Hương đem về tịnh thất của ông. Những ai được ăn cơm ấy, từng lỗ chân lông đều phát ra mùi hương như thế.

- Mùi hương ấy có thể giữ lại trong người bao lâu mới hết?

- Cho đến khi nào cơm tiêu thì mùi hương mới hết.

- Cơm ấy bao lâu mới tiêu?

- Thế lực của cơm này sau bảy ngày mới tiêu. Thưa ngài A Nan! Nếu người Thanh văn chưa chứng nhập chánh vị, ăn cơm này đến khi được nhập chánh vị, cơm mới tiêu. Nếu đã nhập chánh vị, ăn cơm này đến khi tâm được giải thoát, cơm mới tiêu. Nếu chưa phát ý đại thừa, ăn cơm này đến khi phát ý, cơm mới tiêu. Đã phát ý đại thừa, ăn cơm này đến khi được vô sanh pháp nhẫn, cơm mới tiêu. Đã được vô sanh pháp nhẫn, ăn cơm này đến khi được nhất sanh bồ xứ, cơm mới tiêu. Ví như có thứ thuốc tên là thượng vị, người uống thuốc này, các chất độc trong thân hết, vị của thuốc mới tiêu. Cơm này cũng thế. Chừng nào dứt trừ hết các độc phiền não, nhiên hậu cơm mới tiêu.

Ông A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Thật chưa từng có. Cơm này có thể làm nên Phật sự.

4.- Phật nói: Đúng vậy! Đúng vậy! A Nan: có cõi Phật lấy ánh hào quang Phật làm Phật sự hoặc có cõi lấy Bồ tát làm Phật sự. Cõi lấy hóa nhơn Phật làm Phật sự. Cõi lấy cây Bồ đề làm Phật sự. Cõi lấy y phục ngọa cụ của Phật làm Phật sự. Cõi lấy cơm ăn làm Phật sự. Cõi lấy vườn rừng, đài quán làm Phật sự. Cõi lấy 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp của thân Phật làm Phật sự. Cõi lấy thân Phật làm Phật sự. Cõi lấy hư không làm Phật sự. Cõi lấy chiêm bao, huyền ảo, âm vang, hình trong gương, trăng trong nước, bóng giả mã, các thí dụ như thế làm Phật sự. Cõi lấy âm thanh, ngữ ngôn văn tự làm Phật sự. Cõi lấy quốc độ thanh tịnh bằng bạc vô ngôn, vô thuyết, vô thị, vô thức, vô tác, vô vi mà làm Phật sự.

Như thế đấy A Nan! Nhất nhất oai nghi, đi đứng tới lui, động tịnh của chư Phật không một cử chỉ nào không làm nên Phật sự.

Đức Phật dạy tiếp: Này A Nan! Có cõi Phật dùng cả tứ ma, dùng cả 84.000 phiền não trần lao. Đối với những thứ đó, chúng sanh cho là những thứ phiền lụy, khổ đau, mỗi mạt. Thế mà chư Phật lại lấy đó mà làm nên Phật

sự. Làm được những việc như thế, gọi đó là thể nhập Nhất thiết chư Phật pháp môn. Bồ tát thể nhập pháp môn đó, giả sử thấy tất cả cõi Phật thanh tịnh đẹp đẽ cũng không lấy làm mừng, không khởi ý tham cầu, không móng tâm cao ngạo. Giả sử thấy cõi Phật không thanh tịnh, cũng không bị ám ảnh ưu tư, không ngại ngùng khởi tâm trốn tránh. Lúc nào cũng vững tâm thanh tịnh đối với chư Phật, hoan hỉ cung kính như được cái chưa từng có. Vì biết rằng chư Phật Như Lai công đức bình đẳng, chỉ vì giáo hóa chúng sanh mà hiện cõi Phật không giống nhau.

5.- A Nan! Đất đai cõi nước của chư Phật có giới hạn mà hư không thì không có giới hạn. Cũng vậy, nhìn thấy sắc thân của chư Phật có giới hạn mà trí tuệ vô ngại của chư Phật thì không có giới hạn.

A Nan! Sắc thân của chư Phật oai nghi, tướng hảo, chủng tánh giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, thập lực, tứ vô úy, thập bát bất cộng pháp, đại từ, đại bi, oai nghi sở hành, thọ mạng, thuyết pháp giáo hóa, thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ v.v... Các phương tiện để thành tựu Phật pháp trọn vẹn thì đều bình đẳng giống nhau. Vì thế cho nên gọi là Chánh giác, gọi là Chánh biến tri giác, gọi là Vô thượng Chánh biến tri giác.

A Nan! Nếu Như Lai nói rộng về ba cú nghĩa đó, ông dù đem tuổi thọ của một kiếp cũng không thể nào tiếp thu hết được. Giả sử chúng sanh đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới, có khiếu đa văn đệ nhất như A Nan được chánh niệm có sức tổng trì, những người đó dùng trọn kiếp thọ mạng cũng không lãnh hội được hết. Như thế đó A Nan! Vô thượng chánh biến tri giác của chư Phật không có hạn lượng. Trí tuệ biện tài không thể nghĩ bàn.

6.- A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Từ nay về sau, con không còn dám nghĩ mình đa văn nữa.

Phật bảo: A Nan! Ông đừng suy thoái ý chí như thế. Từ trước Như Lai vẫn nói ông là đa văn đệ nhất đó chứ. Nhưng đệ nhất trong hàng Thanh văn chứ không phải đệ nhất với hàng Bồ tát. Ông hãy an tâm đi! Là người có trí, không ai so lường trí tuệ của các hàng Bồ tát! Tất cả vực sâu, biển cả còn có thể đo lường chứ thiên định, trí tuệ biện tài, sức tổng trì và công đức của chư Bồ tát thì không thể lường hết.

A Nan! Ông hãy gác qua những việc làm của Bồ tát, đừng nghĩ ngợi so bì nữa! Sức thần thông biến hiện của ông Duy Ma Cật chừng một giờ thôi, tất

cả Thanh văn, Bích chi Phật dùng hết sức biến hóa trải trăm ngàn kiếp cũng không làm sao bằng

được.

7.- Các Bồ tát từ thế giới Chúng Hương đến dự, lúc bấy giờ chấp tay bạch với đức Phật:

Bạch Thế Tôn! Chúng con khi mới đến cõi này, thoát đầu chúng con có ý tưởng hơi xem thường. Giờ đây, chúng con rất ăn năn tự trách và ý nghĩ đó không còn. Vì chúng con được hiểu rằng phương tiện của chư Phật không thể nghĩ bàn. Vì độ chúng sanh tùy phước đức và căn cơ của họ mà ứng hiện cõi nước Phật có khác.

Dạ! Kính bạch Thế Tôn! Chúng con mong mỗi Thế Tôn cho chúng con xin một lời dạy để khi trở về bản độ, chúng con được nhớ Như Lai mãi mãi.

8.- Phật dạy: này các Bồ tát! Như Lai có pháp môn Hữu tận vô tận giải thoát, các ông nên học.

Hữu tận tức là hữu vi pháp. Vô tận tức là vô vi pháp.

Phàm là Bồ tát, phải tu học Bất tận hữu vi, Bất trụ vô vi.

Bất tận hữu vi, nghĩa là Bồ tát không rời tâm đại từ, không gián đoạn lòng đại bi. Phát tâm cầu nhất thiết trí sâu sắc không tâm xao lãng. Giáo hóa chúng sanh không nài mỏi mệt. Đối với pháp Tứ nhiếp thường nhớ nghĩ làm theo. Hộ trì chánh pháp không tiếc thân mạng, trông các căn lành không biết mỏi mệt. Tâm thường an trú trong các phương tiện, ý chí hồi hướng vô thượng Bồ đề. Cầu pháp không giải đãi. Thuyết pháp không lãn tiếc. Siêng cúng dường chư Phật, cho nên vào sanh tử mà không sợ. Được vinh quang không vui mừng kiêu hãnh. Bị khổ nhục không buồn bã nãn lòng. Không khinh người chưa học. Kính người học như kính Phật. Ai sa vào phiền não khiến cho họ phát khởi chánh niệm. Viễn ly được dục lạc không lấy đó làm tự hào. Mình được vui không luyến ái đam mê. Người được vui khởi tâm vui mừng tùy hỷ. Tâm trụ thiền định mà khởi tưởng như ở địa ngục. Ở trong sanh tử khởi tưởng như đang dạo chốn hoa viên. Có người đến cầu xin khởi tưởng như vị thầy tốt. Xả bỏ hết sở hữu khởi tưởng thành tựu nhất thiết trí. Thấy người hủy phạm điều răn khởi tưởng cứu hộ. Các ba la mật khởi tưởng như cha mẹ. Những pháp trợ đạo phẩm khởi tưởng như quyến thuộc. Trông

các căn lành không hạn chế. Dùng những việc trang nghiêm tịnh Phật quốc độ xây dựng Phật độ cho mình. Thực hành bố thí ba la mật để được đầy đủ tướng hảo. Trừ bỏ tất cả hành vi ác để thân, khẩu, ý được thanh tịnh. Dù sanh tử vô số ức kiếp ý chí vẫn tích cực lạc quan. Nghe Phật có vô lượng công đức, không có ý mỗi một thoái thoát tự khinh. Dùng gươm trí tuệ đánh dẹp giặc phiền não. Ra khỏi âm giới nhập gánh vác chúng sanh. Hằng ở trong giải thoát, dùng sức đại tinh tấn hàng phục ma quân. Thường trụ trong vọng niệm mong được trí tuệ thực tướng. Thực hành thiểu dục tri túc mà không rời bỏ pháp thế gian. Không sai trái oai nghi mà có thể tùy thuận việc làm thế tục. Vận dụng thần thông, kích khởi trí tuệ dẫn dắt chúng sanh. Trụ trong chánh niệm được sức tổng trì, nghe học chân lý, thường không quên sót. Khéo phân biệt căn tánh, cắt đứt mọi nghi ngờ của chúng sanh trong những điều nghi vấn. Lạc thuyết biện tài, nói pháp không mâu thuẫn trước sau. Hành thập thiện trong sáng, hưởng thụ phước báu hơn thiên. Tu tứ vô lượng tâm mở đường giác ngộ cho Đệ thích, Phạm thiên. Khuyến khích thuyết pháp, tùy hỷ mọi việc lành. Được âm thanh thánh thiện, thân khẩu ý đều lành. Được oai nghi Phật tu sâu thiện pháp. Việc lành tập trung, chuyên hướng phục vụ giáo hóa đại thừa. Thành tựu Bồ tát tạng tâm không phóng dật, không rời sót tất cả hạnh lành.

Thực hành tốt những điều như thế, gọi là Bồ tát bất tận hữu vi.

9.- Bồ tát bất trụ vô vi là:

Bồ tát tu học vạn pháp giai không mà không lấy cái không làm mục tiêu đối tượng chứng đắc.

Tu học vạn pháp vô tướng vô tác mà không lấy vô tướng vô tác làm đối tượng sở chứng sở đắc.

Tu học vạn pháp vô khởi mà không lấy vô khởi làm đối tượng chứng đắc.

Bồ tát quán vô thường mà làm tất cả việc lành không hề có chán ngán.

Quán thế gian khổ mà không oán ghét sanh tử.

Quán vô ngã mà hết sức tinh tấn trong việc giáo hóa con người.

Quán bản thể của vạn pháp tịch diệt mà không mong cầu vĩnh viễn diệt như hư không.

Quán viễn ly mà thân tâm luôn luôn trụ trong thiện pháp.

Quán vạn pháp không có chỗ về mà quy về thiện pháp.

Quán vạn pháp vô sanh mà lấy pháp sanh để gánh vác tất cả.

Quán cảnh giới vô lậu mà không dứt hẳn các lậu.

Quán vạn pháp vô hành mà lấy pháp hành giáo hóa chúng sanh.

Quán rỗng không không có gì mà không rời bỏ đại bi.

Quán chánh pháp vị mà không theo đường lối của Tiểu thừa.

Quán vạn pháp hư vọng không bền chắc, không người, không chủ, không tướng nhưng bốn nguyện chưa tròn thì đối với phước đức, thiên định, trí tuệ lại là việc bất hư.

Tu học những pháp như thế gọi là Bồ tát bất trụ vô vi.

Vì sự nghiệp phước đức đầy đủ, Bồ tát không trụ vô vi.

Vì sự nghiệp trí tuệ đầy đủ, Bồ tát không rời bỏ hữu vi. Vì đại từ bi không trụ vô vi. Vì trao truyền thuốc pháp không rời bỏ hữu vi. Vì biết bệnh chúng sanh không trụ vô vi. Vì trừ diệt bệnh chúng sanh không rời bỏ hữu vi.

Này các chánh sĩ! Đức Phật dạy tiếp: Bồ tát thực hiện những pháp bất tận hữu vi, bất trụ vô vi rồi, thì chính đó cũng gọi là Tận vô tận giải thoát pháp môn. Các vị hãy theo đó mà tu học.

Các Bồ tát đại sĩ nước Chúng Hương nghe đức Phật dạy pháp môn ấy rồi đều rất hoan hỉ, lấy các thứ hoa sắc màu rực rỡ, bao nhiêu thứ hương thơm thượng diệu tung rải khắp cả ba ngàn đại thiên thế giới để cúng dường Phật, cúng dường Pháp và cúng dường chư Bồ tát Tăng.

Cúng dường xong, tất cả cùng dập đầu lễ dưới chân Phật tán thán rằng: chỉ có đức Phật Thích Ca Mâu Ni vận dụng phương tiện hành những việc nan hành, trong cõi thế gian chưa từng có.

Nói xong, bỗng nhiên không còn hiện diện. Các đại sĩ đã trở lại quốc độ Chúng Hương.

TRỰC CHỈ

1.- Trong các kinh điển Đại thừa, Đất thường được đem ví dụ cho Tâm chúng sanh. Vì vậy, kinh điển khi nói đến tâm hay dùng qua cái từ Tâm địa.

..."Chúng sanh chi tâm du như đại địa. Ngũ cốc ngũ quả tòng đại địa sanh. Như thị, tâm pháp sanh Thế xuất thế, ngũ thú thiện ác. Hữu học, vô học. Độc giác, Bồ tát cập ư Như Lai. Dĩ thị nhân duyên, tam giới duy tâm. Tâm danh vi địa". Có nghĩa là tâm chúng sanh được ví như đất, vì tâm có thể sanh ra pháp thiện, pháp ác. Có thể tạo ra trời, người, A tu la, quỷ, súc sanh, địa

ngục. Có thể tạo ra hữu học, vô học, Độc giác, Bồ tát thậm chí làm nên địa vị Như Lai. Do vậy, ví tâm qua cái từ tâm địa.

Đất đai, vườn rừng biểu hiện một sắc thái hoàng kim rực rỡ. Cỏ cây, hoa cảnh đua nhau khoe sắc thi màu. Khí hậu trong lành, hòa điệu, rộn rã tiếng chim hót oanh ca.

Trong bối cảnh đất chùa tươi đẹp đó, đức Phật dạy cho ông A Nan và đại chúng biết: "Đây là hiện tượng ông Duy Ma Cật và các Bồ tát định ý và đang chuẩn bị đến ra mắt vẫn an ta".

Sự thật là thế đó. Vùng đất nào mà Bồ tát đã đến, đang đến hay sẽ đến đều có hiện tượng đẹp như vậy. Còn hơn thế nữa, kinh Pháp Hoa đức Phật cho biết: từ thế giới Nhất Thiết Tịnh Quang Trang Nghiêm, cách thế giới Ta bà 42 hằng hà sa thế giới. Vậy mà trên khoảng đường dài ấy, thế giới nào Bồ tát Diệu Âm đi ngang qua - chỉ đi ngang qua thôi, tất cả đều trở thành rực rỡ trang nghiêm như vậy. (Đọc thêm kinh Pháp Hoa thâm nghĩa đề cương cùng một biên soạn giả).

Ý Phật muốn dạy cho chúng sanh rằng: Tâm địa của ai vừa nghĩ lành, làm lành, nói lành như hạnh lành của Bồ tát. Hoặc đã làm, đang làm hay sẽ làm. Tự khắc tâm địa của người đó, chuyển thành hiện tượng đẹp vui, thanh thoát như bối cảnh hoàng kim của vườn rừng tươi đẹp ấy.

2.- Bồ tát Duy Ma Cật di chuyển mấy muôn ngàn Bồ tát vẫn ngồi yên trên tòa sư tử, từ vị trí tịnh thất của ông sang địa điểm chỗ Phật, trên một bàn tay...

Sao lại có chuyện hoang đường như thế?

Tại trong người vốn có chất hoang đường khi nghe hiểu theo kiểu hoang đường, cho nên biến ra tưởng tượng.

Thâm nghĩa của bài kinh, giáo lý Phật đại thừa nhằm dạy cho Thiền giả vận dụng quán trí, tư duy về vạn pháp qua mấy khía cạnh sau đây:

a.- Phải hiểu rõ chân lý: Chư pháp tương tức tự tại môn.

b.- Phải tư duy sâu sắc chân lý: Nhất đa tương dung bất đồng môn.

c. Phải nhận thức vạn pháp với dạng: Nhân đà la vãng cảnh giới môn.

d.- Năm vững chân lý: Đồng thời cụ túc tương ứng môn.

Đoạn kinh trên nhằm dạy cho hành giả phương pháp nhận thức, tư duy và quán chiếu vạn pháp.

Phải đứng trên lập trường quan điểm đó, người đệ tử Phật có ngày tỏ ngộ chân lý. Sự tu hành sẽ có kết quả thiết thực đem lại sự khinh an giải thoát từng phần trong cuộc sống hiện đời.

Bằng ngược lại, "Y văn giải nghĩa tam thế Phật oan". Dù có khéo nói vạn ngữ thiên ngôn, thực chất chỉ là người giàu óc hoang đường, nghe chuyện hoang đường và sống để nói chuyện hoang đường.

3.- Ở cõi Ta bà đức Phật Thích Ca Mâu Ni sử dụng Thanh trần làm Phật sự trong việc giáo hóa chúng sanh. Những chúng sanh hữu duyên được nghe chánh pháp, hành chánh pháp và truyền bá chánh pháp thì quyết định sự giải thoát giác ngộ từng bước mà tiến theo tiến trình tu học của mình. Và Phật chủng đó tồn tại mãi mãi trên tiến trình ấy và cứ nhân lên mãi cho đến ngày thành tựu quả vô thượng Bồ đề.

Khác đức Phật Thích Ca, đức Phật Hương tích sử dụng Hương trần làm Phật sự trong việc hóa độ chúng Bồ tát. Thì những chúng sanh nào hữu duyên được thọ dụng Hương trần và kết quả đem lại cũng giống nhau. Nghĩa là sự giải thoát giác ngộ cũng từng bước mà tiến theo tiến trình tu học của mình và Phật chủng đó tồn tại mãi cho đến ngày thành tựu quả vô thượng Bồ đề.

Thanh trần hay hương trần chỉ là phương tiện của chư Phật mà thôi.

4.- Hơn thế nữa, căn, trần, thức, giới, đại đều là dữ kiện thành tựu vô thượng Bồ đề. Thậm chí có cõi Phật dùng tứ ma làm Phật sự. Có cõi dùng 84.000 phiền não trần lao cũng làm Phật sự. Làm được những việc như thế gọi là người thể nhập Nhất thiết chư Phật pháp môn.

5.- Phật quả có thể gọi qua ba danh hiệu: Chánh giác, chánh biến tri giác, vô thượng chánh biến tri giác. Ba cú nghĩa đó, không thể dùng ngôn từ diễn đạt hết công đức, trí tuệ và biện tài của một đấng Như Lai Thế Tôn vô thượng.

Sự mãn ý của con người tròn đầy hạnh phúc thế gian còn không tả nổi, huống hồ sự giải thoát giác ngộ vô thượng của một đấng Như Lai.

Người nói vận dụng ngôn từ ngày này sang ngày khác, tháng này qua năm nọ cũng không diễn tả hết, thì người nghe dù có đa văn đến cỡ nào, cũng không sao nghe được trọn nghĩa của vấn đề.

"Như nhọn âm thủy, lãnh noãn tự tri" là vậy.

6.- Ông A Nan đã có cơ hội đánh giá nhận xét và so sánh trí tuệ của Thanh văn và Bồ tát điều đó rất quý. Bình thư của Tôn Tần có câu: "Tri kỷ tri bỉ bách chiến bách thắng". Trong lãnh vực trí tuệ cũng như vậy. Phải tri kỷ tri bỉ, khư khư ôm cái tánh tự cao, tự mãn, tự đắc, tự hào sẽ mất đi cái lợi lớn. Giống như cục đá xanh, hòn sắt sét dơ dù có bỏ vào chảo đường nấu trăm năm cũng không thể thành chè được, vì nó chẳng thấm được tí đường nào.

Tuy nhiên, ông A Nan thoái chuyển tự ti thì lại bị Phật quở trách. Phật nói: Từ lâu Như Lai vẫn khen ông là đa văn đầy chữ! Có phải do ông tự mãn tự thị gì đâu. Nhưng trí đa văn của ông chỉ sánh với các hàng A la hán. Với trí tuệ và đa văn của Bồ tát thì không nên so sánh để rồi buồn nản thoái thoát đạo tâm là việc không nên.

7.- Các Bồ tát khi mới đặt chân đến cõi Ta bà, thoát đầu có ý niệm xem thường, điều đó Như Lai không hề trách. Vì các ông ấy là Bồ tát, trình độ nhận thức của họ chỉ thông qua cái nhìn của tuệ nhãn thì làm sao bảo họ thấy biết được cõi nước thanh tịnh của chư Phật trong mười phương.

Chẳng những không trách mà còn khen. Vì sau đó, chư Bồ tát Chúng Hương ăn năn về sự thấy biết thiếu cận của mình. Còn biết ra rằng: cõi Ta bà của Thích Ca Như Lai không thật sự nhơ xấu như chúng sanh lầm tưởng. Cõi Ta bà nhơ xấu là do chúng sanh. Đức Thích Ca Như Lai bằng lòng làm giáo chủ cõi nhơ xấu và ở ngay nơi cõi nhơ xấu cũng chỉ vì chúng sanh. Phát hiện ra nhận thức đó, lòng kính trọng của chư Bồ tát Chúng Hương đối với đức Phật Thích Ca tăng thêm vạn bội.

8.- Trước khi chúng con "về" xin Như Lai dạy cho chúng con "một thiểu pháp" (tức là một ít pháp nhỏ nhỏ của Như Lai. Chứ bọn chúng con làm sao nhớ nhiều nổi, nếu Như Lai dạy nhiều và dạy pháp quá cao siêu sâu sắc), để về bên ấy chúng con được nhớ mãi hình bóng và âm thanh vô vàn trí tuệ của Như Lai.

Chấp thuận lời thỉnh cầu, đức Phật dạy chư Bồ tát Chúng Hương pháp môn Hữu tận Vô tận giải thoát.

Ý Phật dạy rằng: Là một Bồ tát thì phải thực hiện pháp môn đó suốt tiến trình tu tập của mình.

Hữu tận, có nghĩa là Bồ tát không được từ bỏ pháp hữu vi. Dù biết các pháp hữu vi như mộng, như huyễn, như bào, như ảnh...

Vô tận, có nghĩa là Bồ tát không được bám trụ pháp vô vi. Dù pháp vô vi đó là phước đức, là trí tuệ, là Niết bàn, là Bồ đề.

Pháp hữu vi dù như mộng, huyễn, bào, ảnh nhưng Bồ tát không được tránh né, trốn chạy, từ bỏ mà phải tích cực hoạt động vì lý tưởng độ thoát chúng sanh. Bồ tát phát huy công dụng của tâm đại từ, đại bi, đại hi, đại xả để lợi ích chúng sanh.

- Giáo hóa chúng sanh không mỏi mệt.
- Thực hiện pháp tứ nhiếp vào cuộc đời.
- Hộ trì chánh pháp, truyền bá chánh pháp không tiếc thân.
- Trông các căn lành không mỏi mệt.
- Phát huy phương tiện hồi hướng vô thượng Bồ đề.
- Cầu pháp không giải đãi.
- Thuyết pháp không dấu diếm lần tiếc.
- Siêng cúng dường Phật.
- Được vinh quang không hãnh diện.
- Bị trừ dập không nản lòng.
- Không khinh người chưa học.

- Kính người học như kính Phật.
- Ai bị phiền não dạy cho họ vượt qua, khiến họ quay về chánh tín.
- Xa lìa dục lạc, không lấy đó mà tự hào.
- Được thuận lòng vừa ý, không luyến ái đam mê.
- Người khác được vui khởi tâm tùy hỷ.
- Tâm thường ở trong thiền định mà tưởng như mình đang ở địa ngục, nghĩa là chưa được thỏa mãn với thiền định đã có.
- Ở trong cõi đời sanh tử mà tưởng như đang du ngoạn thượng uyển, hoa viên.
- Người đến cầu xin cứu hộ, tưởng họ như là vị ân sư.
- Lục ba la mật khởi tưởng như cha mẹ.
- Những pháp trợ đạo khởi tưởng như quyến thuộc.
- Trừ bỏ các ý niệm, hành vi ác để thân, khẩu, ý được thanh tịnh.
- Dù sanh tử vô số ức kiếp, ý chí vẫn lạc quan.
- Nghe Phật có vô lượng công đức, không thối chí tự khinh mình.
- Xử dụng trí tuệ để hóa giải phiền não vô minh.
- Dùng sức đại tinh tấn, hàng phục phiền não ma quân.
- Thường trú trong vô niệm để đi vào thật tướng.
- Sống thiếu dục tri túc mà không rời bỏ pháp thế gian.
- Lạc thuyết vô ngại biện tài, thuyết pháp không mâu thuẫn trước sau...

Thực hành những điều như thế, gọi là Bồ tát Bất tận hữu vi.

9.- Pháp vô vi được xem là đích đến của người tu hành Phật đạo. Tuy nhiên, dù đến mà không được dùng tâm bám trụ, khởi ý đam mê. Nếu bám trụ đam mê thì pháp vô vi lại trở thành điều kiện buộc ràng. Người giải thoát bấy giờ tự đánh mất tánh chất giải thoát của mình. Bởi vì cố bám trụ, cố giữ lấy là do sợ mất. Cái người ta sợ mất vì cái đó có thể mất. Có thể mất thì có ngày sẽ mất. Cho nên bám trụ đam mê cái của nợ như thế thì tự nó trở thành nguyên nhân đau khổ, tự nó không còn vô vi pháp nữa. Vì vậy, là một Bồ tát trong quá trình cũng như trên tiên trình tu tập phải học pháp Bất trụ vô vi.

- Biết rõ vạn pháp giai không mà không lấy cái không ấy làm đối tượng sở chứng của mình.

- Biết rõ vạn pháp vô tướng, vô tác mà không buông xuôi rời bỏ mọi pháp thế gian.

- Biết rõ vạn pháp vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh mà không từ bỏ việc lành nào, dù là lành nhỏ.

- Biết rõ thế gian khổ, mà không oán ghét sanh tử.

- Biết rõ tất cả đều vô ngã mà hết lòng hết sức giáo hóa chúng sanh.

- Biết rõ thể tánh của các pháp là tịch diệt mà không mong cầu vĩnh viễn diệt.

- Quán biết rõ vạn pháp vô sanh mà lấy pháp sanh gánh vác tất cả.

- Thường quán cảnh giới vô lậu mà không dứt hết các lậu.

- Hướng tâm về chánh pháp vị mà không làm theo hạnh nguyện Tiểu thừa.

- Quán biết vạn pháp hư vọng, vô chủ nhưng bốn nguyện chưa thành thì việc tu phước, tu huệ...không phút giây xao lãng.

Là Bồ tát muốn phước đức viên mãn không nên trụ chấp.

Muốn trí tuệ viên mãn, Bồ tát không rời bỏ hữu vi

Để dễ nhớ nội dung tu tập của Tận vô tận giải thoát pháp môn, chúng ta học lấy câu này:

"Thật tế lý địa bất thọ nhất trần

Sanh diệt môn trung bất xả nhất pháp".

CHƯƠNG THỨ MƯỜI HAI : THẤY VÔ ĐỘNG NHƯ LAI VÀ THỂ GIỚI DIỆU HỈ

1.- Đức Thế Tôn hỏi ông Duy Ma Cật rằng: muốn thấy một Như Lai ông phải quán sát như thế nào để được thấy?

Ông Duy Ma Cật đáp: Bạch Thế Tôn!

Muốn thấy Như Lai con vận dụng pháp quán chiếu y như quán thật tướng của chính mình.

Con quán Như Lai thời gian trước không có đến. Thời gian sau không có đi. Thời hiện tại không trụ. Quán Như Lai con không dựa trên sắc cũng không dựa trên thể chơn như của sắc, không dựa trên tánh của sắc, thọ, tưởng, hành cũng vậy. Cho đến không dựa trên thức mà quán cũng không dựa trên thể chơn như của thức, không dựa trên tánh của thức. Vì Như Lai không do tứ đại khởi sanh. Như Lai giống như hư không, nhưng không phải hư không. Như Lai không tương quan với lục nhập và vượt ngoài nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Như lai không ở trong tam giới, xa lìa ba cấu, thuận theo tam giải thoát môn. Như Lai đầy đủ tam minh, bình đẳng với vô minh. Như Lai không phải tướng một, không phải tướng khác, không phải tướng tự. Không phải tướng tha. Không phải tướng hữu. Như Lai không phải bờ bên này, không phải bờ bên kia cũng không phải giữa dòng mà vẫn thành tựu nhiệm vụ giáo hóa chúng sanh. Quán Như Lai tịch diệt mà không vĩnh viễn vắng lặng. Như Lai không kia, không đây, không lấy kia, không lấy đây. Như Lai không thể dùng trí mà nhận biết, không thể dùng thức mà phân biệt. Như Lai không phải là tối mà cũng không phải là sáng. Như Lai không tên, không tướng, không mạnh, không yếu, không tịnh, không uế. Như Lai không ở trong phương hướng, mà cũng không rời phương hướng; không phải hữu vi cũng không phải vô vi; không thể chỉ bày, không thể diễn nói. Như Lai không phải bố thí cũng không phải xan lãn; không phải trì giới, không phải phạm giới; không phải nhẫn nhục, không phải sân nộ; không phải tinh tấn,

không phải giải đãi; không phải định tâm, không phải loạn ý; không phải trí tuệ mà không phải ngu si. Như Lai không thật mà không dối, không đến cũng không đi; không ra cũng không vào. Tất cả ngữ ngôn không thể diễn đạt thấu đáo cú nghĩa Như Lai.

Như Lai, không phải phước điền, không phải không phước điền. Không phải bậc nên cúng dường, không phải không cúng dường; không phải lấy, không phải bỏ; không phải tướng có cũng không phải tướng không.

Quán Như Lai hòa đồng chơn lý, bình đẳng như pháp tánh, không thể cân, không thể lường, vượt quá cân lường. Như Lai không lớn mà cũng không phải nhỏ. Như Lai không thể dùng cái thấy để thấy; không thể dùng cái nghe để nghe; không thể dùng tri giác để khái niệm, không thể dùng tri thức để nhận biết. Như Lai rời ngoài các ràng buộc, đồng với các trí, bình đẳng như chúng sanh. Đối với các pháp không có sự phân biệt. Như Lai đối với tất cả không lỗi, không trước cấu, không nào phiền. Như Lai không có tác giả, không có mới khởi đầu, không sanh không diệt, không có sợ không có lo, không mừng không nản, không phải đã có, không phải sẽ có, không phải đang có. Không thể dùng lời lẽ diễn đạt hay chỉ bày.

Bạch Thế Tôn! Ông Duy Ma Cật thưa: Thân Như Lai là thế đấy. Quán Như Lai phải quán như thế đấy. Do quán như thế mà con thực thấy Như Lai. Và người nào quán Như Lai như thế, gọi là quán đúng, nếu quán khác là quán sai, không thể thấy Như Lai đích thực.

2.- Ông Xá Lợi Phất hỏi ông Duy Ma Cật: Thưa ngài Duy Ma Cật! ngài mất ở cõi nào mà lại sanh đến thế giới Ta bà này?

Ông Duy Ma Cật hỏi lại:

- Thưa ngài Xá Lợi Phất! Pháp thân ngài chứng đắc có mất và có lại sanh chăng?

- Pháp mà tôi chứng đắc không có lúc nào mất và cũng chẳng có lúc nào lại sanh. Ông Xá Lợi Phất đáp.

- Nếu các pháp không có tướng mất và tướng lại sanh. Vậy có sao Ngài hỏi tôi rằng: "Ngài mất từ cõi nào, lại sanh đến thế giới này?" Xá Lợi Phất, ngài nghĩ thế nào? Ví như huyền thuật sư làm ra người nam hay nữ, vậy những con người đó có mất có lại sanh không?

- Không có mất và không có sanh.

- Xá Lợi Phất! Ngài há chẳng nghe Phật dạy: các pháp, tướng của nó như huyễn chẳng?

- Đúng vậy. Tôi có nghe.

- Nếu tất cả pháp, tướng như huyễn, thì tại sao ngài hỏi tôi mất ở thế giới nào, lai sanh đến cõi này?

Này Xá Lợi Phất! mất là cái tướng tan rã của pháp hư dối, sanh là cái tướng tương tục của các pháp hư dối. Bồ tát dù mất mà không dứt hết gốc lành, dù sanh mà không cho sanh trưởng giống ác.

3.- Đức Phật bảo ông Xá Lợi Phất rằng: Có cõi nước tên Diệu Hỷ, đức Phật hiệu Vô Động là giáo chủ. Ông Duy Ma Cật từ cõi nước đó mất mà lai sanh đến cõi này.

Ông Xá Lợi Phất nói: Thật là việc chưa từng có. Bạch Thế Tôn! Ông Duy Ma Cật lại có thể bỏ quốc độ thanh tịnh, đến cõi Ta bà để vui nhận ở nơi cảnh giới có nhiều sân nộ và ác hại này!

Ông Duy Ma Cật bảo: Xá Lợi Phất! Ngài nghĩ thế nào? Lúc mặt trời soi sáng, có cùng bóng tối hợp nhau chẳng?

- Không. Khi mặt trời soi sáng thì không còn tối được nữa.

- Đúng vậy, thưa ngài Xá Lợi Phất! hễ ánh sáng soi thì bóng tối diệt. Bồ tát dù sanh ở cõi Phật không thanh tịnh là vì mục đích giáo hóa chúng sanh nhưng không thể hợp chung với những gì tối tăm ngu độn. Ngược lại, Bồ tát dạy cho chúng sanh diệt hết phiền não của họ mà thôi.

4.- Đại chúng khát ngưỡng muốn thấy thế giới Diệu Hỷ và đức Vô Động Như Lai cùng chư Bồ tát, Thanh văn cõi ấy.

Đức Phật biết ý niệm của đại chúng bèn gọi ông Duy Ma Cật bảo:

- Thiện nam tử! Đại chúng trong hải hội này muốn thấy đức Vô Động Như Lai và cõi nước Diệu Hỷ cùng chư Bồ tát, Thanh văn ở thế giới kia. Ông hãy giúp cho hải hội hiện tiền đều được thấy.

Ông Duy Ma Cật nghĩ bụng rằng: Ta sẽ không rời khỏi chỗ này, tiếp nhập thế giới Diệu Hỷ đem về đây. Ta sẽ dời tất cả Thiết vi sơn, Tu di sơn và tất cả núi lớn, núi nhỏ, biển cả, sông ngòi, nguồn lạch, suối khe, mặt trời, mặt trăng, các tinh tú. Tiếp nhập thiên cung, long cung, quý thân, Phạm thiên cung v.v... Tiếp nhập các chúng Bồ tát, Thanh văn cả thành ấp, tụ lạc, nam nữ lớn nhỏ. Tiếp thỉnh đức Vô Động Như Lai, cây Bồ đề và các diệu liên hoa và những người có thể làm Phật sự trong mười phương. Tiếp nhập ba đường hành lang báu thông đồng từ cõi Diêm phù đề thẳng lên cõi trời Đao Lợi. Trên hành lang báu này chư Thiên tấp nập lên xuống kính lễ đức Vô Động Như Lai, nghe học lãnh thọ kinh pháp. Người cõi Diêm phù đề cũng rộn rịp trên hành lang tiến bước hướng về cõi trời Đao Lợi và mọi người đều thấy rõ ràng chư Thiên ở thế giới Diệu Hỷ, họ hoàn thành những việc công đức lớn lao vô lượng như thế. Ta sẽ tiếp thụ trên từ cõi sắc cứu cánh dưới tốt mé thủy luân, để lên tay mặt của ta y như người thợ gốm ngắt bớt một mẩu đất thừa. Dời tất cả những cảnh giới gần xa, đem về xấp nhập thế giới này như cầm một tràng hoa đẹp trên tay, giới thiệu chỉ bày cho toàn thể đại chúng trong hải hội.

Ông Duy Ma Cật nghĩ như thế rồi liền nhập tam muội, hiện sức thần thông. Dùng tay mặt cắt lấy thế giới Diệu Hỷ đem về xấp nhập vào cõi Ta bà. Những hàng Bồ tát, Thanh văn, chư Thiên có chứng đắc thần thông, đồng thanh kêu lên lời cầu cứu: "Thế Tôn! Ai lấy chúng con đem đi. Mong Phật cứu hộ".

Đức Vô Động Như Lai nói: Việc đó không phải ta làm. Do thần lực của ông Duy Ma Cật, ông ấy đang làm chuyện đó, để phục vụ khai ngộ và giáo hóa chúng sanh.

Những người chưa được thần thông thì không hề hay biết về sự việc như thế đã xảy ra.

Thế giới Diệu Hỷ dù được đem xấp nhập cõi Ta bà, mà thế giới Ta bà không bị giãn rộng ra, thế giới Diệu Hỷ không vì vậy mà tóp hẹp. Vị trí của mọi vật vẫn y nhiên, không thay đổi một mảy may nào.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo toàn thể đại chúng trong hải hội:

Toàn thể đại chúng trong hải hội đã được thấy thế giới Diệu Hỉ và thấy đức Vô Động Như Lai rồi chứ? Các vị đã thấy sự trang nghiêm đẹp đẽ huy hoàng tráng lệ của thế giới Diệu Hỉ chứ? Các vị thấy Bồ tát và Thanh văn chúng cõi kia tịnh hạnh và thanh bạch chứ?

Toàn thể đại chúng đồng thanh bạch Phật:

Dạ! chúng con đều đã thấy.

Đức Phật dạy: Nếu Bồ tát muốn được cõi Phật thanh tịnh như vậy, cần phải học theo con đường hành đạo của đức Vô Động Như Lai.

Trong lúc thế giới Diệu Hỉ hiện hữu, cõi Ta bà có mười bốn ức người phát tâm vô thượng Bồ đề, muốn sanh sang thế giới Diệu Hỉ của đức Vô Động Như Lai.

5.- Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cộng đồng thọ ký: "Tất cả các vị muốn sanh sang cõi nước kia đều sẽ được như nguyện".

Trong những giờ phút thế giới Diệu Hỉ hiện hữu ở cõi Ta bà, tác động vào tâm lý, kích khởi thiện căn của chúng sanh hữu duyên đem lại nhiều lợi lạc. Sự kiện ấy trôi qua. Tất cả đại chúng đều thấy cảnh giới Ta bà bỗng nhiên trở về trạng thái cũ.

6.- Đức Phật bảo: Xá Lợi Phất! Ông đã thấy thế giới Diệu Hỉ và đức Vô Động Như Lai rồi chứ?

Ông Xá Lợi Phất thưa: Dạ! Con đã thấy. Bạch Thế Tôn! Con mong muốn cho tất cả chúng sanh được cõi nước thanh tịnh trang nghiêm như cõi nước của đức Vô Động Như Lai và có sức thần thông như ông Duy Ma Cật vậy. Con cũng mong cho mọi người có đủ duyên lành thân cận cúng dường để được nhiều lợi lạc. Con nghĩ rằng: những chúng sanh hiện tại hoặc sau Phật diệt độ được nghe kinh này sẽ được lợi ích khó nghĩ bàn. Nghe rồi tin hiểu, giảng thuyết đúng như pháp tu hành, người đó được xem như trong tay đã cầm giữ được kho tàng pháp bảo của Như Lai. Người như thế là cúng dường pháp. Mà cúng dường pháp tức là cúng dường Phật. Người biên chép diễn giải kinh này, phải biết chỗ thất của họ ở có Phật. Ai nghe kinh này mà khởi tâm tùy hỷ, không lâu sẽ thành tựu nhất thiết trí. Nghe kinh này tin hiểu chừng một bài kệ bốn câu, vì người khác truyền đạt ý kinh, phải biết đó là

người đã được Như Lai thọ ký thành tựu quả vô thượng Chánh biến tri giác rồi!

TRỰC CHỈ

1.- Đáp câu hỏi của đức Phật, ông Duy Ma Cật nói: Muốn thấy Như Lai phải Quán.

Quán tức là quán chiếu. Nghĩa là phải dùng trí mà soi rọi vào nội tâm. Biến tánh thấy trở thành cái thấy bằng trí, không xử dụng cái thấy của mắt. Phải xử dụng quán trí mới có cơ hội thấy Như Lai thật. Thấy Như Lai thật nghĩa là phải hiểu rõ về Như Lai pháp thân mới là người thật thấy Như Lai.

Vì vậy, muốn thấy Như Lai phải Quán. Quán giống như quán thật tướng của tự thân.

Nên biết, mọi người ai cũng có thật tướng cũng như Phật, Phật nào cũng có pháp thân. Con người là hiện tượng tùy duyên của thật tướng. Thật tướng là bản thể bất biến của con người. Phật cũng vậy.

Phật là một ứng thân. Ứng thân Phật là Phật tùy duyên độ sanh của pháp thân Phật. Pháp thân Phật là bản thể bất biến của Phật ứng thân.

Cái tự tánh thanh tịnh bản nhiên ở giai đoạn con người chưa giác ngộ giải thoát gọi là thật tướng của tự thân. Cái tự tánh thanh tịnh bản nhiên sau khi con người giác ngộ giải thoát, gọi là Pháp thân.

Vì vậy, thấy được thật tướng của tự thân đồng nghĩa thấy Như Lai pháp thân Phật. Vì vậy:

- Như Lai không phải sắc, không phải thọ, tưởng, hành, thức, không phải tứ đại, không phải hư không, không phải lục nhập vượt ngoài nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

- Như Lai đầy đủ tam minh bình đẳng với vô minh.

- Như Lai hòa đồng chân lý, bình đẳng với pháp tánh.

- Như Lai, vô sở tùng lai diệt vô sở khứ, Như lai thọ lượng vô thỉ vô chung...

Quán Như Lai như vậy là người thật thấy Như Lai.

2.- Chết sống, mất còn, sanh diệt là cái tướng đối tượng thấy của nhục nhãn, dựa trên hiện tượng vạn pháp hữu vi.

Xử dụng tuệ nhãn, Bồ tát thấy tội bản thể thì sự sanh diệt, sống chết, mất còn không còn là vấn đề đáng nêu ra để vấn đáp. Càng hỏi kỹ, chứng tỏ trình độ tu học, trình độ nhận thức chân lý càng non nớt nhiều.

Trả lời càng chi tiết, biểu hiệu lòng từ thương hại của Bồ tát bao la vô hạn.

Với tuệ nhãn của Bồ tát, Chết chỉ là cái tướng tan rã của các pháp hữu vi hư huyền. Sanh chỉ là cái tướng tương tục của các pháp hư huyền hữu vi.

Chẳng có gì quan trọng đối với người trí trong việc sống chết, sanh diệt, mất còn.

..."Cự hải hà phòng nhất điểm âu".

Cũng như sự chứng đắc. Thực ra có chứng đắc gì đâu!

Sông Hương, núi Ngự cảnh nên thơ

Chưa đến lòng ai vẫn ước mơ

Một đến lại về như chẳng đến

Sông Hương, núi Ngự cảnh nên thơ...

3.- Ông Xá Lợi Phất đề cập đến vấn đề sanh diệt, lập tức bị ngài Duy Ma Cật nạn vấn nhằm vô hiệu quá vấn đề. Vì câu hỏi đó không xứng đáng là câu hỏi của người trí học đạo nên hỏi.

Vấn đề được khai thị xong thì đức Phật ôn tồn cho biết: Ông Duy Ma Cật từ thế giới Diệu Hỉ mất và sanh qua thế giới Ta bà này.

Tại sao thế? Tại vì:

Thật tướng lý địa, người học phải đạt đến chỗ Bất thọ nhất trần.

Khi đứng bên lề tương đối thì cần nhớ: Sanh diệt môn trung bất xả nhất pháp.

Bởi vì, không có lý do gì một đại sĩ trí tuệ biện tài dường ấy lại là người vô gia cư bất trụ xứ hay sao! Mà đó lại cũng là sự thật. Bồ tát tùy nguyện trợ hóa cho đức Phật Thích Ca nhằm tạo điều kiện triển khai Đại thừa chánh pháp.

4.- Không rời khỏi tòa ngồi, Bồ tát Duy Ma Cật tiếp nhận toàn vẹn thế giới Diêu Hỉ, gom hết thủy biên cả, sông ngòi, núi non, thành ấp, tụ lạc...Tiếp thỉnh đức Vô Động Như Lai và tất cả Bồ tát, Thanh văn để lên bàn tay như cầm một tràng hoa đem về xấp nhập cõi Ta bà.

Đây cũng là cơ hội, người bất tư nghi trình diễn cảnh bất tư nghi thêm một lần nữa.

Như lời tựa đã giới thiệu, kinh Duy Ma Cật có ba lần hiện Tịnh độ trong ba dạng khác nhau.

Lần một, ở chương thứ nhất đức Phật Thích Ca hiện tịnh độ ngay nơi cõi Ta bà nhằm dạy cho mọi người biết rằng tịnh độ không ngoài uế độ. Tịnh, uế do con người: Tùy kỳ tâm tịnh tắc Phật độ tịnh. Tâm con người có tịnh mới có cõi Phật tịnh. Tâm không tịnh, không tìm có cõi tịnh được.

Lần hai, chương thứ mười, Bồ tát Duy Ma Cật sử dụng khả năng bất tư nghi, biểu thị việc làm bất tư nghi, trình diễn cảnh giới bất tư nghi nhằm giới thiệu cõi tịnh độ ở từ cách xa cõi Ta bà những 42 ức hằng hà sa thế giới.

Điều đó nhằm dạy cho mọi người biết rằng tịnh độ không phải chỉ có ở cõi Ta bà. Mà ở xa mút nguồn tương tượng ấy, còn có nhiều tịnh độ khác nữa...

Tuy nhiên, xa mà không có gì trở ngại bởi sự cách núi ngăn sông. Cho nên con người có thể dời tịnh độ xa xôi ấy đem về thành gần và con đường qua lại chỉ trong thời gian khoảnh khắc.

Bồ tát Duy Ma Cật làm việc đó nhằm dạy cho đại chúng trong hải hội cái chân lý:

- Chư pháp tương tức tự tại môn.

- Nhất đa tương dung bất đồng môn.
- Chư tàng thuần tạp cụ đức môn.
- Nhân đà la vãng cảnh giới môn.
- Bí mật ẩn hiển câu thành môn.
- Duy tâm hồi chuyển thiện thành môn.

Là tu sĩ phải học như thế, phải hiểu như thế và xử dụng Quán trí để nhận thức chân lý.

Lần thứ ba, hiện tịnh độ ở chương này cũng nhằm nhắc nhở sâu đậm về chân lý:

Vạn pháp trong pháp giới nhất chân không có ngoại lệ. Vạn pháp tương ưng, tương tức, tương nhập. tương dung. lý vô ngại, sự vô ngại, lý sự vô ngại và sự sự vô ngại.

Thiền giả xử dụng quán trí, nhận thức rõ được chân lý sự sự vô ngại thì việc Bồ tát Duy Ma Cật tiếp nhận toàn bộ thế giới Diệu Hỉ đem xấp nhập cõi Ta bà không trở ngại gì nhau. Vấn đề đó không còn là vấn đề thần thoại khó hiểu nữa. Bây giờ người trí bình tĩnh ngộ: thì ra kinh Duy Ma Cật lưu lại hậu thế không nhằm mục đích ghi lại chuyện hoang đường để sau này các nhà sư thay Phật kể chuyện hoang đường cho các cháu trẻ con nghe!

Sau khi thấy rõ toàn vẹn thế giới Diệu Hỉ và chiêm ngưỡng tôn nhan đức Vô Động Như Lai, đại đa số trong hải hội phát nguyện muốn sanh sang thế giới tịnh độ Diệu Hỉ của Vô Động Như Lai. Đức Thích Ca cộng đồng thọ ký tất cả các vị đều sẽ được như nguyện.

Vì sao đức Phật lại thọ ký quá dễ dàng? Ngài cảm tình, ngài thương xót mà nỗ lực phù hộ cho ư?

Không! Phật không phù hộ, gia trì, cứu rỗi cho ai được hết. Sở dĩ Như Lai thọ ký dễ dàng là vì Như Lai biết rõ mọi người ai cũng sẵn có chơn tâm thường trú. Ai cũng có thể tánh tịnh minh. Ai cũng vốn có Như Lai viên giác diệu tâm. Ai cũng sẵn có Tri kiến Phật. Ai cũng sẵn có Phật tánh rồi. Cho

nên nếu mọi người muốn sang Diệu Hỉ tịnh độ kia, thì các vị chỉ cần thực hiện lời Như Lai đã dạy: Tùy kỳ tâm tịnh tác Phật độ tịnh. Dục tịnh Phật độ tiên tịnh kỳ tâm. Khi nào tâm của các vị thanh tịnh thì các vị có cõi Phật thanh tịnh. Muốn được cõi Phật thanh tịnh trước hết các vị tự sửa đổi tịnh cái tâm của mình.

Thế thì, công của ai làm thì người đó hưởng. Cũng giống như ai muốn hưởng vật chất dồi dào ở một nước kinh tế phồn vinh thì phải tự lo đăng ký, tự tích lũy tiền bạc, tự chạy giấy tờ xuất cảnh để mà đi. Hễ có đi thì có đến. Giống như tâm các vị có tịnh thì có cõi tịnh vậy. Như Lai có mắt gì mà chẳng thọ ký để cho tròn nghĩa là đấng Đại Từ Bi vô thượng.

6.- Ông Xá Lợi Phất sau khi nghe thấy những sự kiện bất tư nghì, thâm ngộ chân lý...Ông tán thán kinh nghĩa thậm thâm. Ông cho rằng người nào được nghe, được học, được hiểu và áp dụng phương pháp quán chiếu mà tu hành thì sẽ được công đức vô lượng. Người đó là người cúng dường pháp. Mà cúng dường pháp cũng tức là cúng dường Phật một cách tròn đầy nhất, người đó đã được Như lai thọ ký thành tựu vô thượng Chánh biến tri giác rồi.

Lời ông Xá Lợi Phất trần tình trước Phật là một chân lý tất nhiên. Không phải xuất phát từ đầu môi khách sáo.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BA : CÚNG DƯỜNG PHÁP

1.- Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhon, trước đại chúng đứng lên bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Con dù theo Phật và Văn Thù Sư Lợi từ lâu, đã nghe trăm ngàn kinh điển, nhưng chưa từng nghe kinh điển "Quyết định thực tướng, bất khả tư nghì tự tại thần thông" như vậy.

Theo sự hiểu biết của con, qua ý nghĩa và mục đích của Phật dạy: Nếu chúng con nghe theo kinh pháp này tin hiểu, thọ trì đọc tụng, tu hành đúng như kinh dạy, thì người đó đã đóng bít cửa ác thú, khai thông đại lộ Niết bàn. Người này thường được chư Phật hộ niệm, hàng phục được ngoại đạo, đánh đuổi được ma quân, tăng trưởng quả Bồ đề, vững ngòi nơi đạo tràng, bước theo dấu chân Phật mà đi.

Bạch Thế Tôn! Nếu có người thọ trì đọc tụng đúng theo lời kinh mà tu hành, con cùng các quyến thuộc, sẽ cúng dường mọi sự và ở xóm làng thành thị, núi rừng chỗ nào có kinh này, quyến thuộc chư Thiên chúng con đến đó nghe pháp và tu học, chúng con bằng mọi phương tiện khiến cho những ai chưa tin, phát khởi lòng tin. Người đã tin sẽ giữ gìn hộ pháp.

Phật dạy: Tốt lắm! Thiên Đế! Như Lai rất bằng lòng thiện ý của ông. Kinh này nói rõ về những sự kiện bất khả tư nghì vô thượng Chánh biến tri giác của chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai. Thế cho nên, nếu thiện nam tử, thiện nữ nơn thọ trì đọc tụng giảng thuyết cúng dường kinh, tức là cúng dường chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai.

Thiên đế! Giả sử ba ngàn đại thiên thế giới chư Phật ở trong đó nhiều như số tre nứa, lau sậy, lúa bắp, cây cỏ lùm rừng. Nếu có người thiện nam, thiện nữ đem trọn đời mình tôn trọng cung kính tán thán, cúng dường đầy đủ mọi thứ cần dùng. Cúng dường cho đến khi chư Phật diệt độ. Rồi lấy xá lợi của toàn thân Phật xây tháp thất bảo rộng bốn lần quả địa cầu, cao tột cõi Phạm Thiên, dùng tất cả hương hoa, anh lạc, tràng phan, kỹ nhạc hay đẹp nhất đời, hiến trọn kiếp sống để cúng dường phục vụ chư Phật đông nhiều như thế.

Thiên đế! Ông nghĩ thế nào? Người vun trồng cõi phúc như thế phúc đức có nhiều chăng?

Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Phước đức đó dù đem trọn kiếp, nói cũng không sao hết được. Thiên Đế Thích đáp.

Phật bảo: Thiên đế! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nơn nghe kinh điển bất khả tư nghì giải thoát này, tin hiểu, thọ trì đọc tụng, tu hành thì phước đức còn nhiều hơn người cúng dường vật chất cho chư Phật kia. Bởi vì Bồ đề của chư Phật đều từ kinh này sanh ra mà tướng Bồ đề thì vô hạn lượng. Thế cho nên phước đức cũng vô hạn lượng.

2.- Phật dạy tiếp: Thiên đế! Thuở quá khứ cách nay vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp, có đức Phật hiệu Dược Vương Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc. Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự Trượng phu, Thiên nơn sư, Phật, Thế Tôn. Thế giới của đức Phật đó tên Đại Trang Nghiêm, kiếp tên Trang Nghiêm. Phật thọ mạng hai mươi tiểu kiếp. Chúng đệ tử Thanh văn ba mươi sáu ức na do tha. Bồ tát tăng có mười hai ức.

Này Thiên đế! Lúc ấy có vị Chuyển Luân Thánh Vương hiệu là Bảo Cái có đầy đủ thất bảo, làm chủ tứ thiên hạ. Vua có một ngàn người con đoan chính dũng kiện, có khả năng chinh phục mọi kẻ địch thù. Thuở ấy, đức vua cùng quyền thuộc hết lòng cung kính cúng dường đức Dược Vương Như Lai mọi thứ cần dùng trải thời gian dài năm kiếp. Qua năm kiếp rồi, nhà vua dạy các con: Các con hãy kế tục theo hạnh của cha đã làm. Phải đem hết tâm tâm mà cúng dường đức Phật. Một ngàn người con đều hoan hỉ vâng lãnh lời dạy của vua cha thành tâm cúng dường đức Dược Vương Như Lai trải năm trăm kiếp nữa. Trong đó có một vương tử tên Nguyệt Cái, thiên tọa tư duy: "Đáng tiếc thay! Ta chưa hiểu được, chẳng biết còn cách cúng dường nào khác, tôn quý hơn cách cúng dường này chăng?"

Do sức thần Phật, trong không gian có tiếng vọng: "Thiện nam tử! Cúng dường pháp ưu việt hơn tất cả mọi cúng dường".

Vương tử bèn hỏi: Cúng dường pháp là thế nào?

Tiếng vọng: "Người nên hỏi đức Dược Vương Như Lai, người sẽ được biết thế nào là cúng dường pháp".

Vương tử Nguyệt Cái đến chỗ Dược Vương Như Lai, cúi đầu làm lễ dưới chân Phật, đứng nép một bên thưa:

Bạch Thế Tôn! Trong tất cả sự cúng dường, cúng dường pháp ưu việt hơn hết, con chưa hiểu ý nghĩa cúng dường pháp là thế nào? Kính mong Thế Tôn vì con dạy bảo.

Đức Phật dạy: Này thiện nam tử! Người hãy lắng nghe Như Lai sẽ vì người nói rộng về ý nghĩa, người cúng dường pháp phải làm gì.

Người cúng dường pháp là người có khả năng nghe những kinh điển giáo lý sâu xa của chư Phật nói ra mà những người thế gian khó tin, khó hiểu, khó tiếp thọ, vì quá ưu vi diệu, thanh tịnh tuyệt trần, vô nhiễm, vô vi, vượt ngoài tư duy phân biệt của người thường. Những kinh nhiếp thuộc về pháp tạng của Bồ tát là dấu ấn của Đà la ni. Những thứ kinh đưa con người đến địa vị bất thối chuyển, hoàn thành lục độ, thuận với pháp Bồ đề, trên hết trong các kinh. Những kinh nghĩa dạy cho người tu hành thể nhập đại từ bi, xa lìa các ma sự và các tà kiến. Nghe kinh nghĩa như thế không nghi ngờ sợ hãi, như thuyết tu hành gọi là cúng dường pháp. Lại nữa, người cúng dường pháp là người có khả năng nhận thức chân lý, tùy thuận pháp như duyên sanh, tỏ

ngộ chân lý vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ mạng. Thấu triệt nghĩa không, vô tướng, vô tác, vô khởi của vạn pháp, có thể khiến cho chúng sanh ngồi đạo tràng mà chuyên pháp luân. Chư Thiên, Long thần... tán thán. Có thể khiến cho chúng sanh thể nhập kho tàng pháp bảo của Phật, nắm trọn hết trí tuệ của hiền thánh, nói rõ những đạo lý của Bồ tát làm, y cứ vào nghĩa thực tướng của các pháp. Tuyên rõ nghĩa vô thường, khổ, không, vô ngã và tịch diệt, để cứu hộ những chúng sanh sai phạm giới cấm và những ngoại đạo ma quân, những người nặng nghiệp tham, sân, si sợ sệt răn chừa. Những kinh điển chư Phật ngợi khen, trái đường sanh tử, chỉ nẻo Niết bàn, mười phương chư Phật hộ niệm và nói ra. Nghe kinh điển như thế mà tin sâu, hiểu kỹ, thọ trì, đọc tụng vì các chúng sanh phân biệt giải nói rõ ràng và giữ gìn kinh pháp đó. Làm được những điều như thế, gọi đó là cúng dường pháp.

Lại nữa, người cúng dường pháp là người đối với các pháp đúng như lời dạy của kinh mà tu hành, tùy thuận pháp nhân duyên, xa lìa tà kiến, chứng nhập pháp nhãn vô sanh, thể nhập sâu sắc diệu lý vô ngã, vô chúng sanh. Đối với chân lý nhân duyên, nhân quả không nghi ngờ chống trái, xa lìa tất cả ngã sở hữu. Trên đường học đạo tiên tu y nghĩa bất y ngữ, y trí bất y thức, y liễu nghĩa kinh bất y bất liễu nghĩa kinh, y pháp bất y nhân. Người cúng dường pháp còn là người tùy thuận pháp tướng. Đối với các pháp không có tướng sở nhập cũng không có chỗ sở qui. Vì hiểu rằng: vô minh rất ráo tịch diệt. Khởi quán như thế nhận thấy rõ ràng mười hai nhân duyên không có tướng tận chung cũng không có tướng khởi thủy. Học pháp như thế, hành những pháp như thế gọi đó là người cúng dường pháp tối thượng.

Đức Phật bảo: Thiên đế! Vương tử Nguyệt Cái theo đức Phật Dược Vương, nghe học pháp như thế được nhu thuận nhẫn, bèn cõi bảo y đang mặc trên mình, dâng lên cúng dường Phật và bạch rằng:

Bạch Thế Tôn! Sau Như Lai diệt độ, con sẽ thực hành cúng dường pháp để thủ hộ chánh pháp. Kính mong Thế Tôn thương xót, dùng oai thần vững mạnh khiến cho con đủ nghị lực hàng phục ma quân, tu Bồ tát hạnh.

Đức Dược Vương Như Lai biết ý nghĩ từ thâm tâm của vương tử Nguyệt Cái, bèn thọ ký:

Nguyệt Cái! Đời sau ông sẽ truyền trì chánh pháp làm tường thành hộ pháp khiến cho chư Phật cử trụ thế gian.

Đức Thích Ca dạy tiếp: Thiên đế! Vương tử Nguyệt Cái liền sau đó, con mắt chánh pháp tỏ sáng và thanh tịnh. Nghe Dược Vương Như Lai thọ ký cho, bèn đem hết tín tâm xuất gia, tinh tấn tu tập thiện pháp, không bao lâu được năm thứ thần thông, đầy đủ đạo Bồ tát, có sức tổng trì biện tài vô đoan. Sau Phật diệt độ đem sức tổng trì, thần thông và biện tài đã được truyền bá chánh pháp của Dược Vương Như Lai, tùy cơ phân bố, tinh tấn giữ gìn trọn hai mươi tiểu kiếp. Nguyệt Cái tỳ kheo giáo hóa trăm muôn ức người vững bước tiến trên đường vô thượng Bồ đề. Mười bốn na do tha người phát tâm sâu sắc đối với quả Thanh văn, Bích chi Phật, vô lượng chúng sanh được phước quả cõi Trời.

3.- Nay Thiên đế! Vua Bảo Cái xưa kia, không phải là ai xa lạ, chính là người được thành Phật hiệu Bảo Diệm Như Lai hiện nay. Một ngàn vương tử xưa kia là một ngàn Phật trong hiện kiếp. Vị Phật trước hết hiệu Ca La Cưu Tôn Đà Như lai. Vị Phật sau rốt hiệu là Lô Lô Chí Như Lai. Còn Tỳ kheo Nguyệt Cái chính là ta đây vậy.

Như thế đó Thiên đế! Đây là điều trọng yếu. Phải biết! Hãy nên đem pháp mà cúng dường. Cúng dường pháp tối ưu việt hơn tất cả mọi cách cúng dường nào khác.

Thế cho nên Thiên đế! Hãy đem pháp cúng dường mà cúng dường chư Phật.

TRỰC CHỈ

1.- Từ lâu theo Phật và Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, từng nghe trăm ngàn kinh điển, nhưng chưa hề được nghe kinh Bất tư nghì giải thoát như vậy, lời của Thiên Đế Thích nói.

Thật vậy, người tu học kinh này quyết định sẽ được sự giải thoát bất tư nghì. Sự giải thoát ngay ở cõi đời này, sự giải thoát ở trước mọi người mà mọi người không ai hay biết. Vì kinh này do con người bất tư nghì, nói kinh bất tư nghì, trình diễn cảnh bất tư nghì, tu pháp bất tư nghì, thành tựu trí tuệ bất tư nghì cho nên đem lại kết quả giải thoát bất tư nghì vô thượng Chánh biến tri giác, ngang bằng quả vị chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai.

Thế cho nên người thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng thuyết tu hành theo kinh này, phước đức lớn không có ngôn từ tán thán cho cân. Không có số nhiều để so sánh, đong lường.

Đức Phật dạy cho Thiên đế: "Bồ đề cửa chư Phật ba đời, đều từ kinh này mà có ra". Vì vậy, người tu theo kinh này quyết định sẽ thành Phật.

2.- Chư cúng dường trung, pháp cúng dường tối. Đó là tiếng vọng từ không trung, Nguyệt Cái vương tử được nghe trong lúc tĩnh tọa thiền tư tìm một phương cách cúng dường ưu việt nhất. Ý nghĩa của lời dạy đó, báo cho Vương tử Nguyệt Cái rằng: Trong tất cả phương cách cúng dường, cúng dường pháp là ưu việt hơn hết.

Cầu học phương cách cúng dường pháp, đức Dược Vương Như Lai dạy:

Người cúng dường pháp là người có khả năng nghe những kinh điển giáo lý sâu xa mà người đời khó nghe, khó tin, khó hiểu, khó hành, vì quá thâm diệu vượt tầm hiểu biết của người thường mà người này nghe được, tin được, hiểu được, hành được. Nghe những kinh điển sâu xa vì diệu sanh lòng ham mộ, không có ý sợ hãi, nghi ngờ, phát chí dũng mãnh theo lời kinh dạy mà tu hành. Làm được những việc như thế, gọi là người cúng dường pháp.

Người cúng dường pháp còn là người ham nghe đại thừa chánh pháp, học đại thừa chánh pháp, hành đại thừa chánh pháp, truyền bá đại thừa chánh pháp và thể hiện cuộc sống qua đại thừa chánh pháp, không mệt mỏi trong sự nghiệp giáo hóa làm lợi ích chúng sanh.

3. Vương tử Nguyệt Cái, sau khi nghe Dược Vương Như Lai dạy về phương cách cúng dường pháp bèn ham mộ mà xuất gia. Hai mươi tiểu kiếp thực hành đại thừa chánh pháp, giáo hóa chúng sanh truyền bá đại thừa chánh pháp. Do vậy, Tỳ kheo Nguyệt Cái được thành Phật sớm, ở vào tiểu kiếp thứ chín, vị trí thứ tư trong số một ngàn vị Phật đã thành, đang thành và sẽ thành trong hiện kiếp.

Để kết thúc bài pháp cúng dường pháp, đức Thích Ca nói: Tỳ kheo Nguyệt Cái xưa kia đâu phải người nào lạ, hiện tại chính là ta. Vị sẽ thành Phật thứ 1.000 hiệu là Lô Lô Chí Phật ở vào tiểu kiếp thứ 20 sau này.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BỐN : CHÚC LŨY

1.- Đức Phật gọi Bồ tát Di Lặc bảo:

Này Di Lặc! Nay ta đem pháp vô thượng Chánh biến tri giác mà ta từng tu tập chứa nhóm trải qua vô lượng A tăng kỳ kiếp phó chúc cho ông. Những kinh điển như thế, sau Phật diệt độ, ở hậu thế các ông hãy nỗ lực truyền bá rộng rãi ở chốn nhơn gian đừng để cho giáo lý tối thượng thừa mai một. Vì sao? Bởi trong đời vị lai vẫn có kẻ thiện nam, thiện nữ và thiên long, quỷ thần, Càn thất bà, La sát v.v... có khả năng ham mộ pháp đại thừa phát tâm vô thượng Chánh biến tri giác. Giả sử mà họ không được nghe những kinh điển thượng thừa liễu nghĩa như thế thì thiệt thòi quá lớn lao. Ngược lại họ được nghe kinh liễu nghĩa thậm thâm này, phát khởi tín tâm sâu sắc lãnh thọ, hành trì, đối với chúng sanh hữu duyên có khả năng tiếp thụ họ quảng bá tuyên truyền làm cho nhiều người cùng được có lợi ích.

2.- Di Lặc! Ông nên biết, Bồ tát có hai hạng: Một, ham thích văn từ bóng bẩy, ngôn ngữ khách sáo chuốt trau. Hai, không khiếp sợ những kinh nghĩa sâu xa, đúng như thật tướng mà thể nhập. Hạng ham văn từ bóng bẩy, ngôn ngữ khách sáo...Phải biết, đó là hạng tân học Bồ tát. Hạng người ngôn từ khách sáo gác bỏ ngoài tai, văn tự chuốt trau, nghi lễ rườm rà khử bỏ. Đối với kinh điển đại thừa liễu nghĩa thậm thâm, không có lòng sợ sệt, có khả năng thể nhập như thuyết tu hành, thọ trì đọc tụng, nghe rồi tâm thanh tịnh an vui. Phải biết, đó là hạng người Bồ tát trau dồi đạo hạnh đã lâu đời rồi.

Di Lặc này! Lại còn có hai hạng người cũng thuộc làng tân học. Một, từ trước họ chưa được nghe kinh điển thậm thâm liễu nghĩa, nay nghe họ sanh tâm sợ sệt nghi ngờ, không tùy thuận nổi, lại còn hủy báng không tin, thốt lên những lời bảo thủ rằng: Hồi nào giờ tôi chưa từng nghe những giáo lý như thế. Sao nay lại nói như vậy, kinh đó từ đâu mà có, đó là thứ kinh gì? Hai, có hạng người văn thọ trì, giải quyết thâm nghĩa của kinh, nhưng không chịu thân cận cúng dường, cung kính tôn trọng. Có lúc lại còn phê phán chỉ trích ý kinh. Hai hạng người như thế, phải biết đó là những hạng Bồ tát tân học. Họ là những người tự hủy hoại phước đức trí tuệ của mình. Họ không thể hấp thụ được những kinh nghĩa thậm thâm để điều phục lấy tâm mình.

Lại nữa Di Lặc! Còn có hai hạng Bồ tát dù tin hiểu sâu đối với kinh pháp này, nhưng vẫn còn tự làm tổn thương phước đức trí tuệ, không chứng được vô sanh pháp nhẫn. Một, khinh thường các hạng Bồ tát tân học không dạy dỗ cho họ tiến lên. Hai, dù tự mình hiểu sâu nghĩa thú của kinh, nhưng còn chấp mắc, phân biệt.

3.- Di Lạc Bồ tát, nghe nói thế liền bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Thật chưa từng có, theo lời Phật dạy, con sẽ tránh xa những khuyết điểm mà Thế Tôn đã chỉ vẽ ra. Con sẽ phụng trì pháp vô thượng Chánh biến tri giác mà Như Lai đã thực hiện và tích lũy trong vô lượng A tăng kỳ kiếp. Đòi vị lai, nếu có người thiện nam, thiện nữ cầu đại thừa, con sẽ khiến cho trong tay họ cầm được những kinh điển liễu nghĩa thậm thâm như vậy và khiến cho họ thọ trì, đọc tụng truyền bá rộng cho nhiều người cùng nghe hiểu tu hành. Phải biết đó là thân lực của Di Lạc gia hộ kiến lập mà nên

Phật khen: Lành thay! Di Lạc! Như ông đã phát nguyện, Như Lai rất vui lòng và sẽ hỗ trợ thiện ý của ông.

Bấy giờ tất cả chư Bồ tát đều chấp tay bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Sau Như lai diệt độ, chúng con cũng đem hết sức mình truyền bá rộng sâu trong các cõi nước mười phương pháp vô thượng Chánh biến tri giác của Như Lai đã dạy. Lại vận dụng mọi phương tiện và khả năng hỗ trợ cho những người thuyết pháp, truyền bá kinh này được thuận lợi thập phần viên mãn.

Tứ Thiên vương bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Nơi nơi chốn chốn, thành ấp tụ lạc, núi rừng, đồng nội, chỗ nào có người thọ trì đọc tụng, biên chép giảng giải kinh này, con sẽ sai các quyền thuộc đến đó nghe pháp và để bảo hộ phạm vi một trăm do tuần, khiến cho các thứ thiên ma tà quái, cuồng tín, si mê đều không có cơ hội để khuấy phá người truyền bá giảng thuyết kinh này.

Đức Phật bảo: An Nan! Ông hãy thọ trì kinh này và truyền bá sâu rộng ở đời sau.

Dạ, bạch Thế Tôn! Con xin vâng lời Phật. Con đã nắm vững những phần cốt lõi thâm sâu rồi.

Bạch Thế Tôn! Kinh này tên gọi là chi? Ông A Nan hỏi.

Phật bảo: Kinh này tên là Duy Ma Cật Sở Thuyết. Cũng gọi là kinh Bất khả tư nghi giải thoát pháp môn. Ông hãy như vậy thọ trì.

Phật nói kinh này xong, Trưởng giả Duy Ma Cát, Đại trí Văn Thù Sư Lợi, Xá Lợi Phất và hàng chư Thiên, người, A tu la cùng tất cả đại chúng nghe rồi đều hoan hỉ tín thọ phụng hành.

TRỰC CHỈ

1.- Chúc lữ có nghĩa là dặn dò một cách thân thiết, vì tánh cách quan trọng của một vấn đề.

Di Lặc Bồ tát được Phật chúc lữ phải kế thừa truyền bá, giữ gìn, tôn trọng kinh này. Đây là giáo lý tối thượng thừa, lợi ích chúng sanh hậu thế rất lớn lao, không nên hời hợt lơ là khiến cho nền giáo lý thậm thâm bị mai một.

Di Lặc là vị Bồ tát sẽ thành Phật vào tiểu kiếp thứ 10 trong 20 tiểu kiếp ở vào giai đoạn trụ.

2.- Bồ tát ham thích văn từ bóng bẩy, ngôn ngữ khách sáo. Đó là Bồ tát tân học, trí tuệ căn lành chưa được bao nhiêu...

Bồ tát nghe kinh diễn tậm thâm vi diệu ham mộ tư duy phân chí tu hành không nghi ngờ, không sợ sệt. Đó là Bồ tát đã trồng sâu căn lành nhiều đời nhiều kiếp...

3.- Bồ tát Di Lặc phát biểu tiếp thu nguyện đem hết sức mình động viên, cổ vũ khiến cho mọi người cùng hưởng ứng tu tập theo giáo lý đại thừa liễu nghĩa thậm thâm này để cùng thu hoạch tốt cao, trên con đường Bồ đề vô thượng.

Nhằm xác lập vấn đề cho thật rõ ràng, nghiêm túc trước khi chấm dứt thời pháp liễu nghĩa tối thượng thừa, ông A Nan hỏi Phật về tên gọi của kinh này.

Đức Phật dạy: Kinh này tên gọi là Duy Ma Cát Sở Thuyết cũng gọi là Bất khả tư nghì giải thoát pháp môn kinh.

Hết

--- oOo ---